

CARTAS CRUZADAS ESPAÑA-VIETNAM
ENCUENTROS EN LA
NATURALEZA

THƯ TRAO ĐỔI TÂY BAN NHA – VIỆT NAM

GẶP GỠ GIỮA THIÊN NHIÊN



EDICIÓN DE DR. ORIOL SOLÀ PARDELL
BIÊN TẬP: TS. ORIOL SOLÀ PARDELL

ENCUENTROS EN LA NATURALEZA

GẶP GỠ GIỮA THIÊN NHIÊN



MỤC LỤC

01

Lời mở đầu của Đại sứ Tây Ban Nha Pilar Méndez 8

02

NGƯỜI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thư Asunción Ruiz gửi Trang Nguyễn 14
Thư Trang Nguyễn gửi Asunción Ruiz 24
Thư Asunción Ruiz gửi Trang Nguyễn 40
Thư Trang Nguyễn gửi Asunción Ruiz 50

03

DI CƯ KHÍ HẬU

Thư Beatriz Felipe Pérez gửi Dragon Team 66
Thư Dragon Team gửi Beatriz Felipe Pérez 74
Thư Beatriz Felipe Pérez gửi Dragon Team 84
Thư Dragon Team gửi Beatriz Felipe Pérez 94

04

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Thư María J. Sanz gửi Ngô Đức Thành 104
Thư Ngô Đức Thành gửi María J. Sanz 112
Thư María J. Sanz gửi Ngô Đức Thành 122
Thư Ngô Đức Thành gửi María J. Sanz 130

05

GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

Thư Elena Pita gửi Nguyễn Văn Thái 140
Thư Nguyễn Văn Thái gửi Elena Pita 150
Thư Elena Pita gửi Nguyễn Văn Thái 158
Thư Nguyễn Văn Thái gửi Elena Pita 166

06

ĐẤT NGẬP NƯỚC, NƯỚC VÀ SỰ SỐNG

Thư Antonio Camacho gửi Phạm Thị Diệu My 174
Thư Phạm Thị Diệu My gửi Antonio Camacho 184
Thư Antonio Camacho gửi Phạm Thị Diệu My 194
Thư Phạm Thị Diệu My gửi Antonio Camacho 206

07

CÁC NGHỆ SĨ KHÁCH MỜI

216

ÍNDICE

01	Prólogo de la Embajadora de España Pilar Méndez	8
-----------	---	---

02	DEFENSORAS MEDIOAMBIENTALES	
	De Asunción Ruiz a Trang Nguyen	14
	De Trang Nguyen a Asunción Ruiz	24
	De Asunción Ruiz a Trang Nguyen	40
	De Trang Nguyen a Asunción Ruiz	50

03	MIGRACIONES CLIMÁTICAS	
	De Beatriz Felipe Pérez a Dragon Team	66
	De Dragon Team a Beatriz Felipe Pérez	74
	De Beatriz Felipe Pérez a Dragon Team	84
	De Dragon Team a Beatriz Felipe Pérez	94

04	INVESTIGACIÓN CIENTÍFICA Y CAMBIO CLIMÁTICO	
	De María J. Sanz a Ngo Duc Thanh	104
	De Ngo Duc Thanh a María J. Sanz	112
	De María J. Sanz a Ngo Duc Thanh	122
	De Ngo Duc Thanh a María J. Sanz	130

05	EDUCACIÓN MEDIOAMBIENTAL	
	De Elena Pita a Nguyen Van Thai	140
	De Nguyen Van Thai a Elena Pita	150
	De Elena Pita a Nguyen Van Thai	158
	De Nguyen Van Thai a Elena Pita	166

06	HUMEDALES, AGUA Y VIDA	
	De Antonio Camacho a Pham Thi Dieu My	174
	De Pham Thi Dieu My a Antonio Camacho	184
	De Antonio Camacho a Pham Thi Dieu My	194
	De Pham Thi Dieu My a Antonio Camacho	206

07	ARTISTAS INVITADOS	216
-----------	---------------------------	-----



PRÓLOGO

Dice José María Merino que la literatura nos muestra cómo somos. El Dr. Merino es académico de la Real Academia de la Lengua Española y ha sido galardonado con el Premio Nacional de las Letras Españolas 2021, mientras escribo estas líneas para presentar las *Cartas Cruzadas* que desde la Embajada de España en Hanoi hemos impulsado.

Los protagonistas de este proyecto dedican su mente, cuerpo y espíritu a escuchar los mensajes de la Tierra. José María Merino, en su libro *Noticias del Antropoceno*, recrea esos mensajes en un conjunto de cuentos, relatos en clave de distopía irónica, que esconde un grito cargado de verdad y realidad. Los personajes de ficción de este gran maestro de las letras españolas nos advierten, desde un futuro muy probable, a las generaciones presentes de lo que, si no hacemos algo pronto, se nos viene encima. Las mujeres y los hombres autores de estas *Cartas Cruzadas* son defensores de la Naturaleza, de carne y hueso, que han aprehendido y trasladado a sus vidas la sensación de urgencia que el maestro Merino quiere transmitirnos.

Siguiendo el ejemplo de José María Merino, con nuestro Consejero Cultural, el Dr. Oriol Solà Pardell como impulsor de esta iniciativa, desde esta Embajada, con este proyecto, deseamos provocar una conversación entre medioambientalistas de ambos países: desde los imprescindibles científicos de diversas universidades, pasando por miembros de la sociedad civil, de aquí y de allá, porque esta es una misión transversal en todos los niveles, a la que todos estamos llamados y en la que todos

debemos realizar nuestra aportación, tanto a nivel personal, institucional como internacional.

Como Embajada, en nuestro equipo sentimos que es parte de nuestra responsabilidad impulsar la dimensión internacional de esta llamada de auxilio de la Naturaleza, para que, tomando prestada la palabra creada por uno de nuestros académicos más medioambientalistas, no termine convertida en “Basurala”.

Nuestro deseo es que esta edición de las *Cartas Cruzadas* sea solo una primera conversación, en formato epistolar por imperativo de la pandemia, que esperamos dé paso a otros intercambios y otras formas de colaboración entre los gobiernos, comunidades científicas y empresariales, sociedades civiles y culturales de España y Vietnam, en torno a esta misión internacional que nos une como seres humanos que convivimos en el planeta Tierra.

Como miembros de la especie más responsable de lo que le sucede a esta casa común, sirva esta compilación epistolar de invitación abierta, para vietnamitas y españoles de todos los ámbitos, a unirse a esta conversación internacional sobre el Medio Ambiente, sobre cómo deseamos que sean nuestro presente y nuestro futuro más inmediato.

Pilar Méndez Jiménez
Embajadora de España en Vietnam



José María Merino từng nói rằng văn học là hiện thân của chúng ta. Tiến sĩ Merino là Viện sĩ Hoàng gia về Ngôn ngữ Tây Ban Nha và vừa mới được trao tặng Giải thưởng Quốc gia về Văn học Tây Ban Nha năm 2021, khi tôi đang viết những dòng này để giới thiệu về những Lá thư Khoa học mà chúng tôi đã phát động trao đổi từ Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Hà Nội.

Các nhân vật chính của dự án này đã dành cả tâm trí, thể chất và tinh thần để lắng nghe những thông điệp của Trái đất. José María Merino, trong cuốn *Noticias del Antropoceno* (Thông điệp cho Thế Nhân sinh) của mình đã tái hiện những thông điệp này qua một loạt mẩu chuyện về xã hội hư cấu trở trêu của con người trong tương lai, ẩn chứa đằng sau tiếng than đầy chân thực. Các nhân vật trong tiểu thuyết của bậc thầy vĩ đại về ngôn ngữ Tây Ban Nha này cảnh báo chúng ta - các thế hệ đi trước, từ một tương lai khả thể, rằng nếu chúng ta không sớm làm điều gì đó, chúng ta sẽ tự chuốc họa vào thân. Những tác giả, cả nam và nữ, của dự án những Lá thư Khoa học này là những người bảo vệ Thiên nhiên, những con người bằng xương bằng thịt, đã nắm bắt và cảm nhận được tính cấp bách này trong cuộc sống của họ, y như cách mà văn hào Merino muốn truyền tải cho chúng ta.

Nơi gương José María Merino, Đại sứ quán Tây Ban Nha, cùng Tham tán Văn hóa của chúng tôi - Tiến sĩ Oriol Solà, người thúc đẩy sáng kiến này, mong muốn thông qua Dự án đưa vấn đề này ra thảo luận giữa các nhà môi trường đến từ cả hai quốc gia: từ các nhà khoa học ở các trường đại học tới các thành viên của xã hội dân sự, từ khắp mọi nơi, bởi vì đây là một nhiệm vụ mà tất cả chúng ta đều nhận thấy cần tham gia và góp sức, cả ở cấp độ cá nhân, đoàn thể và quốc tế.

Với tư cách là một Đại sứ quán, chúng tôi thấy có trách nhiệm phổ biến lời kêu gọi hỗ trợ bảo vệ Thiên nhiên có tầm vóc quốc tế này, với mục đích, tôi xin phép mượn từ mà một trong những học giả môi trường nổi tiếng nhất của chúng tôi đã sử dụng, là không để cho Thiên nhiên cuối cùng trở thành “Rác rưởi”.

Chúng tôi mong rằng ấn bản của những Lá thư Khoa học này chỉ là cuộc thảo luận khởi đầu, do hoàn cảnh dịch bệnh mà buộc phải thực hiện dưới dạng trao đổi thư; chúng tôi hy vọng trong tương lai gần dự án sẽ được tổ chức dưới các hình thức hợp tác khác giữa hai chính phủ, cộng đồng khoa học và doanh nghiệp, các xã hội dân sự và văn hóa của Tây Ban Nha và Việt Nam, cùng sứ mệnh quốc tế gắn kết chúng ta với tư cách là những con người cùng chung sống trên hành tinh Trái đất.

Với tư cách là thành viên của giống loài chịu trách nhiệm cao nhất về những gì xảy ra với ngôi nhà chung này, việc thu thập và biên tập thư của dự án này chính là lời mời rộng mở tới mọi công dân Việt Nam và Tây Ban Nha ở mọi tầng lớp cùng tham gia cuộc thảo luận mang tính quốc tế về Môi trường, về việc chúng ta muốn hiện tại và tương lai gần kể sẽ trở nên thế nào.

Pilar Méndez Jiménez
Đại sứ Tây Ban Nha tại Hà Nội

* Bà Đại sứ sử dụng lối chơi chữ đồng âm cuối “Naturaleza” (Thiên nhiên) đối nghĩa với “Basuraleza” (Rác rưởi). Ghi chú của người dịch.



NGƯỜI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

DEFENSORAS MEDIOAMBIENTALES

PRIMERA CARTA DE ASUNCIÓN RUIZ A TRANG NGUYỄN



Asunción Ruiz Guijosa es la Directora ejecutiva de SEO/BirdLife.

SEO/Birdlife (Sociedad Española de Ornitología) es la organización pionera en la conservación de la naturaleza y la biodiversidad en España

A lo largo de su trayectoria profesional en el Departamento de Ecología de la Universidad Autónoma de Madrid, en consultorías ambientales nacionales e internacionales y al frente de SEO/BirdLife, Asunción Ruiz ha diseñado, implementado y gestionado proyectos de gran importancia técnica y estratégica, vinculados a diferentes líneas de conocimiento y conservación del medio ambiente a nivel nacional, europeo e internacional. Es autora y editora de diversos artículos y publicaciones de contenido científico e informativo. Asimismo, representa a SEO/BirdLife en foros nacionales e internacionales, para las administraciones públicas, empresas y fundaciones.

Asunción Ruiz Guijosa - Giám đốc điều hành của SEO/BirdLife

SEO/Birdlife (Sociedad Española de Ornitología) là tổ chức Tiên phong trong hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học ở Tây Ban Nha.

Trong thời gian làm việc tại Khoa sinh thái học của Đại học Autónoma de Madrid, trong các tổ chức tư vấn môi trường của Tây Ban Nha cũng như các tổ chức quốc tế và với vai trò Giám đốc điều hành của SEO/BirdLife, Asunción Ruiz đã thiết kế, thực hiện và quản lý các dự án có tầm quan trọng về mặt kỹ thuật và chiến lược, liên kết với nhiều lĩnh vực kiến thức và bảo tồn môi trường ở cấp quốc gia Tây Ban Nha, châu Âu và quốc tế. Bà là tác giả và nhà biên tập của nhiều bài nghiên cứu và ấn phẩm có nội dung khoa học và thông tin. Bà cũng đại diện cho SEO/BirdLife, các tổ chức, doanh nghiệp và các cơ quan hành chính trong các diễn đàn quốc gia và quốc tế.

Madrid (España), 27 de agosto de 2021

Mi querida Trang,

Ante todo, déjame decirte que es un honor y un privilegio intercambiar y compartir contigo, como reconocida conservacionista en Vietnam, nuestra visión desde España, en **un esfuerzo paralelo de ambos países por conservar nuestro bien máspreciado, nuestra auténtica riqueza, como es la naturaleza, su biodiversidad y los servicios que presta a la humanidad.**

Estamos muy agradecidos por la oportunidad que la Embajada de España en tu país, nos da para reflexionar contigo -de alguna manera como portavoces de nuestros compatriotas- sobre temas tan vitales y preocupantes como el calentamiento global, la pérdida de biodiversidad y la degradación ambiental asociados a él.

A algunos les puede parecer extraño que dos conservacionistas, dos mujeres por cierto, de países, culturas y sociedades tan diferentes puedan discutir sobre estos problemas. Pero hay una respuesta simple y clara para ello: **la humanidad entera se enfrenta a unas décadas decisivas para asegurar su supervivencia, o desde luego la de sus modos de vida actuales.** Por ello es imprescindible aunar esfuerzos y poner la ciencia en la base de todo.

A pesar de la distancia que nos separa en tantos aspectos, nos une nuestra preocupación por conservar y mejorar nuestro medio ambiente, y esta iniciativa debería ayudar a fortalecer aún más los lazos ya existentes entre Vietnam y España. Pero también podría ayudar a establecer relaciones más estrechas entre las organizaciones que ambas representamos y sus socios y simpatizantes. Algo que, desde luego, debemos considerar más en detalle en el futuro.

Sólo implicando a más y más gente de todos los rincones del planeta, sólo haciendo que nuestra voz se oiga claramente y nuestra fuerza sea cada vez mayor, seremos capaces de ayudar a aquellos con poder de decisión, a adoptar las medidas necesarias, que ya son bien conocidas y urgentemente necesarias. Se están dando pasos, es cierto, pero se acaba el tiempo para que podamos reaccionar.

Inicialmente sugeriste centrar nuestro intercambio de cartas en el cambio climático, por supuesto, pero planteaste un matiz que nos toca muy directamente en nuestro trabajo. Poner el foco en las aves, nuestras queridas aves, que son la seña de identidad de SEO/BirdLife y el buque insignia de nuestro trabajo de conservación, cumpliría además con varios de los objetivos de la iniciativa “Cartas cruzadas...”. Las aves son, nunca mejor dicho, “el canario en la mina” (no sé si conocen ese dicho). Son perfectos indicadores biológicos del cambio climático, como lo han sido de tantas alteraciones de sus hábitats en el pasado.



Fíjate hasta qué punto cumplen este papel, que Eurostat (la agencia de estadística de la Unión Europea) tiene, entre sus indicadores de la calidad de vida de los ciudadanos europeos, las tendencias poblacionales de las aves comunes en entornos agrícolas (por cierto, uno de los grupos de aves que muestran tendencias más negativas nuestras latitudes).

Y ten en cuenta que se habla de “aves comunes”. Después de décadas de trabajar por la conservación de aves emblemáticas (especies “paraguas”), como el águila imperial ibérica o la avutarda euroasiática, se puede decir que se han conseguido



algunos éxitos y sus poblaciones muestran ahora un estado más saludable y menos amenazado ¡¡¡Pero ahora nuestra prioridad son las aves comunes!!! Lo común ya no es común y estamos perdiendo gorriones o golondrinas por millones cada año. Las cifras son abrumadoras. La ciencia ha hablado. Especies que antes eran muy abundantes y viven muy cerca de los humanos muestran ahora un dramático descenso de sus poblaciones. El cambio climático, sin duda, influye (afecta a la fenología de las migraciones, a la disponibilidad de alimento o altera los periodos de cría). Pero, como bien sabes, en el complejo entramado de la naturaleza, las relaciones son complejas pero delicadas e inestables. Y el ser humano lleva mucho tiempo alterando esta delicada estructura, demasiado, en muchos casos de forma prácticamente irreversible.

Las especies comunes se están convirtiendo en poco comunes..., las especies cercanas al ser humano están cada vez más amenazadas... Son señales preocupantes de que estamos demasiado “en peligro”. Como dice el eslogan de una de nuestras campañas... “si no es bueno para el gorrión... no es bueno para ti”. Y esto nos lleva a incorporar otro elemento, del que ya hemos hablado y que está muy presente en nuestro enfoque y estrategia de conservación: el ser humano.... Y su salud y bienestar.

No cabe duda de que la conservación de la naturaleza tiene un claro componente socioeconómico. Nuestra dependencia

de los recursos naturales es evidente (aunque muchos no quieran darse cuenta) y esta relación de dependencia es aún más directa y estrecha en otras latitudes. Además, en muchos casos estos territorios (más pobres) actúan como “donantes” de recursos naturales a los países “receptores” (más ricos). Y aquí entra en juego otro binomio esencial: **justicia ambiental y justicia social van (o deberían ir) de la mano**. Y este podría ser otro tema para largos debates y cartas, me temo. No podemos olvidar que algunas crisis sociales graves tienen su origen en aspectos ambientales (luchas por recursos naturales esenciales como el agua o la tierra cultivable) o viceversa. Los ODS de Naciones Unidas son un buen ejemplo de esta necesaria lucha por la mejora de la dualidad social-ambiental. Y la mayoría de estas reflexiones sobre nuestras especies más comunes (sería bueno comentar también en algún momento su situación en Vietnam) deben aplicarse también a las especies migratorias.

Esto nos lleva a ampliar la escala de preocupación a niveles continentales e intercontinentales. En este sentido, nuestra organización matriz mundial, BirdLife International, está desarrollando un ambicioso programa para la conservación de las principales rutas de migración de las aves del mundo. La conservación de las especies migratorias, que representan un patrimonio común sin fronteras que las condicionen, es también un claro ejemplo de cooperación internacional que, en este escenario de cambio climático y crisis de biodiversidad, es más necesaria que nunca.

Tu motivación y experiencia en la conservación de la fauna silvestre en peligro de extinción también considera los componentes sociales (como la relación de la caza furtiva en África con la cultura y tradiciones asiáticas) por lo que creo que compartimos enfoques y objetivos.

Seguramente necesitaremos muchas más cartas y más largas para compartir nuestras preocupaciones y las de las ONG que representamos. La sociedad civil puede y debe ser el verdadero motor del cambio necesario que hay que abordar para revertir el calentamiento global. Pero me alegro mucho de este primer contacto y espero y deseo que podamos fortalecer nuestra relación en defensa del bien común.

Un fuerte abrazo

Asunción Ruiz

Directora Ejecutiva

SEO/BirdLife

Madrid (Tây Ban Nha), 27 tháng 08 năm 2021

Bà Trang thân mến!

Trước tiên, cho phép tôi được bày tỏ niềm vinh hạnh và may mắn được trao đổi và chia sẻ cùng bà, một nhà bảo tồn nổi tiếng của Việt Nam, về tầm nhìn của chúng tôi từ Tây Ban Nha **trong một nỗ lực tương đồng của hai đất nước để bảo tồn tài sản quý giá nhất, sự giàu có đích thực của chúng ta, đó là thiên nhiên, sự đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên mang lại cho nhân loại.**

Chân thành cảm Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam đã mang đến cho chúng ta cơ hội, ở một mức độ nào đó, thay mặt người dân hai nước, cùng đánh giá lại những vấn đề mang tính sống còn và đáng lo ngại như sự nóng lên toàn cầu, mất đa dạng sinh học và suy thoái môi trường.

Một số người có thể sẽ thấy lạ khi hai nhà bảo tồn thiên nhiên, lại còn là hai phụ nữ, đến từ hai quốc gia, hai nền văn hóa và hai xã hội rất khác nhau, lại có thể cùng thảo luận về những vấn đề trên. Nhưng câu trả lời rất đơn giản và rõ ràng: **toàn nhân loại đang phải đối mặt với những thập kỉ mang tính quyết định trong việc đảm bảo sự tồn vong của chính mình, và thậm chí là cả lối sống hiện nay.** Do vậy, chúng ta buộc phải cùng hợp lực và lấy khoa học làm nền tảng cho mọi việc.

Bất chấp khoảng cách địa lý đã tạo nên cách biệt trên một số

lĩnh vực, mối quan ngại chung về vấn đề bảo tồn và cải thiện môi trường đã đưa chúng ta lại với nhau, và chính sáng kiến này sẽ củng cố hơn nữa mối quan hệ bền vững vốn có giữa hai nước. Dự án này cũng sẽ giúp xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa các tổ chức của chúng ta. Về vấn đề này, chúng ta sẽ thảo luận chi tiết hơn trong thời gian tới.

Chỉ bằng cách thu hút ngày càng nhiều người trên toàn thế giới cùng tham gia, và lên tiếng một cách mạnh mẽ, chúng ta mới có thể hỗ trợ những người có thẩm quyền trong việc áp dụng các biện pháp cần thiết và hết sức cấp bách hiện nay. Đúng là đã có những tiến triển, nhưng thời gian cho chúng ta hành động không còn nhiều.

Ngay từ đầu, bà có đề nghị chúng ta tập trung vào thảo luận vấn đề về biến đổi khí hậu, tất nhiên là vậy, nhưng bà cũng đưa ra một mảng nội dung liên quan trực tiếp đến công việc của chúng ta. Việc tập trung vào các loài chim, loài sinh vật yêu quý là biểu tượng của SEO/ BirdLife và là loài biểu trưng của hoạt động bảo tồn, cũng phù hợp với các mục tiêu của sáng kiến “Thư trao đổi Tây Ban Nha – Việt Nam: Gặp gỡ giữa Thiên nhiên”. Hơn lúc nào hết có thể nói rằng các loài chim đang là những loài cảnh báo nguy hiểm giống như “chim hoàng yến trong mò than” (chắc hẳn mọi người cũng đã nghe qua thành ngữ này). Chúng là những sinh vật chỉ thị môi trường phản ánh rõ nhất tình trạng biến đổi khí hậu, bởi đã trải qua vô số những đổi thay về môi trường sống trong quá khứ. Bà có thể thấy rõ vai trò đó qua việc văn phòng thống kê châu Âu Eurostat đã xem xét sự biến động về số lượng

trong quần thể các loài chim phổ biến trong môi trường nông nghiệp như là một trong số các chỉ số đánh giá chất lượng cuộc sống của người dân châu Âu (tất nhiên, sẽ có một trong số các nhóm chim cho thấy xu hướng tiêu cực hơn những nhóm khác).

Lưu ý ở đây là chúng ta đang nói đến “các loài chim phổ biến”. Sau nhiều thập kỉ, công tác bảo tồn những loài chim biểu trưng (những loài “bào trợ”), như đại bàng hoàng đế Iberia hay loài chim ô tác lớn, có thể nói là đã đạt được những thành công nhất định và quần thể những loài này đã ở trạng thái ổn định hơn và ít bị đe dọa hơn. Nhưng giờ đây ưu tiên của chúng ta là những loài phổ biến!!! Những loài phổ biến giờ đây đã không còn phổ biến và mỗi năm chúng ta đang mất đi hàng triệu cá thể chim sẻ và chim én. Những con số thật sự choáng ngợp. Khoa học đã lên tiếng. Nhiều loài vốn từng có quần thể rất đông đúc và gắn gũi với con người nay đã suy giảm nghiêm trọng về số lượng. Không nghi ngờ gì nữa, biến đổi khí hậu gây ra những biến động đó (tác động đến đặc tính của các loài chim di trú, sự sẵn có của nguồn thức ăn, sự thay đổi của chu kỳ sinh sản). Tuy nhiên, như bà cũng đã biết, trong mạng lưới phức tạp của tự nhiên, các mối quan hệ rất phức tạp nhưng cũng rất mong manh và thiếu ổn định. Con người đã làm thay đổi cấu trúc của mối quan hệ đó quá lâu, đến mức mà trong nhiều trường hợp gần như không thể đảo ngược được nữa.

Ngày nay các loài chim phổ biến ngày càng đang trở nên ít phổ biến. Các loài vốn gắn gũi với con người ngày càng bị đe dọa. Đó là những dấu hiệu đáng lo ngại cho thấy chúng ta đang ở

trong tình trạng cực kỳ “nguy cấp”. Như khẩu hiệu của một trong những chiến dịch của chúng tôi đã khẳng định: **“Nếu điều đó không tốt cho chim sẻ thì cũng chẳng tốt cho bạn chút nào”**. Điều này đưa đến việc kết hợp một nhân tố khác đã được nhắc đến trước đó và luôn hiện hữu trong cách tiếp cận và chiến lược bảo tồn của chúng tôi: con người. Cùng sức khỏe và hạnh phúc của mọi người.

Không nghi ngờ gì nữa, bảo tồn thiên nhiên bao hàm cả những nhân tố kinh tế và xã hội. Sự lệ thuộc của con người vào môi trường tự nhiên là hiển nhiên (dẫu rằng nhiều người không muốn thừa nhận điều đó) và mối quan hệ phụ thuộc đó thậm chí còn trực tiếp và gắn gũi hơn ở những vùng, miền khác. Hơn nữa, trong nhiều trường hợp, có những vùng lãnh thổ (nghèo hơn) đóng vai trò là “nhà tài trợ” tài nguyên thiên nhiên cho các nước “tiếp nhận” (giàu hơn). Từ đây, cần phải bàn đến một nhị thức thiết yếu khác nữa: công bằng môi trường (cần phải) đi đôi với công bằng xã hội. Và đây có thể là một chủ đề khác cho những thảo luận và trao đổi thư dài hơn nữa, tôi e là vậy. Chúng ta không được phép quên rằng một số cuộc khủng hoảng xã hội nghiêm trọng đã nảy sinh từ vấn đề môi trường (ví dụ như tranh chấp các tài nguyên thiên nhiên thiết yếu như nguồn nước và vùng đất canh tác) hoặc ngược lại. Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc là một ví dụ điển hình về sự đấu tranh cần thiết để cải thiện tính hai mặt của lĩnh vực môi trường - xã hội. Và hầu hết những vấn đề này ở các loài phổ biến nhất (sẽ thật tốt nếu có cả những đánh giá về tình hình tại Việt Nam) cũng áp dụng cho trường hợp của các loài chim di trú.

Điều này mở rộng phạm vi quan tâm của chúng tôi đến cấp độ lục địa và liên lục địa. Theo đó, tổ chức toàn cầu BirdLife International của chúng tôi đang phát triển một chương trình đầy tham vọng để bảo tồn các đường bay chính trên thế giới. Việc bảo vệ các loài di trú này, những di sản chung của toàn thế giới, là một minh chứng rõ ràng thể hiện sự hợp tác quốc tế là một điều cần thiết hơn bao giờ hết trong bối cảnh biến đổi khí hậu và khủng hoảng đa dạng sinh học hiện nay.

Với động lực và kinh nghiệm của bà trong lĩnh vực bảo tồn các loài động vật hoang dã đang trên bờ tuyệt chủng, có tính đến cả các yếu tố xã hội, (chẳng hạn như mối liên hệ giữa tình trạng săn bắt trộm ở Châu Phi với văn hóa và truyền thống của Châu Á), tôi tin rằng chúng ta chia sẻ chung quan điểm và hướng tiếp cận.

Chắc chắn là chúng ta sẽ cần thêm những lá thư dài hơn nữa để chia sẻ những vấn đề mà hai chúng ta, cũng như các tổ chức của chúng ta cùng quan tâm. Xã hội dân sự có thể và nên là động lực chính cho sự thay đổi cần thiết để đảo ngược sự nóng lên toàn cầu. Nhưng tôi cũng rất vui với lần kết nối đầu tiên này và hi vọng có thể tăng cường hơn nữa mối quan hệ của chúng ta trong công cuộc bảo vệ lợi ích chung.

Xin gửi tới bà một cái ôm thật chặt,

Asunción Ruiz

Giám đốc điều hành của SEO/BirdLife



PRIMERA CARTA DE TRANG NGUYỄN A ASUNCIÓN RUIZ



Trang Nguyễn là một nhà khoa học bảo tồn động vật hoang dã, nhà hoạt động môi trường người Việt và là giám đốc điều hành của tổ chức phi chính phủ WildAct có trụ sở tại Việt Nam. Sinh ra và lớn lên tại Việt Nam, Trang luôn quan tâm tới tình trạng các loài hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và bắt đầu nỗ lực bảo tồn khi mới 14 tuổi. Năm 2018, Trang hoàn thành chương trình Tiến sĩ Quản lý Đa dạng Sinh học tại Đại học Kent, Vương quốc Anh. Trang dành thời gian nghiên cứu và theo dõi thị trường tiêu thụ các sản phẩm động vật hoang dã bất hợp pháp. Việc nghiên cứu khám phá nhu cầu về các sản phẩm từ động vật hoang dã đã đưa cô đi xuyên lục địa với trải nghiệm đa dạng từ châu Á đến châu Phi. Bên cạnh hoạt động nghiên cứu, Trang và đội nhóm của mình cũng góp phần giáo dục và nâng cao nhận thức về chủ đề này trong giới trẻ Việt Nam. Trang đã nhận được giải thưởng danh giá quốc tế Future for Nature cho những đóng góp trong việc chống buôn bán trái phép động vật hoang dã ở tuổi 23. Cô cũng lọt vào danh sách những phụ nữ có ảnh hưởng nhất thế giới do BBC bình chọn năm 2019 và danh sách 30 gương mặt dưới tuổi 30 nổi bật nhất châu Á do Forbes bình chọn năm 2020.

Năm 2022, Trang Nguyễn đã giành Giải Quốc tế Quý Công chúa Girona (Tây Ban Nha).

Trang Nguyen es una científica vietnamita en el ámbito de la conservación de la vida silvestre, activista ambiental y directora de la ONG con sede en Vietnam WildAct. Nacida y criada en Vietnam, Trang siempre ha vivido de cerca la difícil situación de la vida silvestre en peligro de extinción y comenzó sus esfuerzos de conservación cuando tenía solo 14 años. En 2018, Trang terminó su doctorado en Gestión de la Biodiversidad en la Universidad de Kent, Inglaterra. Trang dedica su tiempo a investigar y monitorear los mercados de productos ilegales de vida silvestre. Su investigación la ha llevado a través de continentes y contextos distintos, desde Asia hasta África, investigando la demanda de productos de vida silvestre. Además de ello, Trang y su equipo también invierten en educar y crear conciencia sobre este tema entre los jóvenes vietnamitas. Recibió un prestigioso premio internacional Future for Nature por su trabajo en la lucha contra el comercio ilegal de vida silvestre a la edad de 23 años. También fue nombrada entre las mujeres más influyentes del mundo por la BBC en 2019 y 30 Under 30 Forbes Asia en 2020.

En el año 2022 ha sido galardonada con el Premio Internacional de la Fundación Princesa de Girona.

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2021

Asunción thân mến,

Tôi rất vui mừng và vinh dự được tham gia sáng kiến trao đổi thư do Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam tổ chức. Cảm ơn chị rất nhiều vì đã chấp nhận trở thành “*bạn qua thư*” của tôi, và cảm ơn vì đã chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm và kiến thức của chị trong lĩnh vực mà cả hai chúng ta cùng đam mê.

Tuần trước, tôi có tham gia Đại hội Bảo tồn Thế giới IUCN và tôi rất vui vì lần đầu tiên Đại hội có một chủ đề cụ thể về các mối liên hệ giữa bạo lực dựa trên giới tính (GBV) và môi trường. **Mối liên hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học và GBV rất phức tạp, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến nhân sự và điều này có thể làm suy yếu khả năng hoạt động hiệu quả của bất kỳ tổ chức nào.** Đồng thời, các hành động bảo vệ và bảo tồn môi trường có thể vô tình làm trầm trọng thêm tình trạng bất bình đẳng giới trong cộng đồng địa phương và làm gia tăng GBV.

Một trong những cuốn sách yêu thích của tôi, “Silent Spring” (“Mùa xuân thầm lặng”) của Rachel Carson đã được xuất bản cách đây gần 60 năm. Cô ấy đã cảnh báo tất cả chúng ta về mối nguy hiểm tiềm tàng do việc sử dụng hóa chất nông nghiệp không được kiểm soát và, đúng như dự đoán, cuốn sách đã gây

ra tranh cãi. Cô ấy được gắn mác cộng sản, và là “một người bảo vệ cuồng tín cho sự sùng bái cân bằng thiên nhiên”, nhưng cô ấy có được sự ủng hộ đáng kể của một số lượng lớn những người ngày càng trở nên quan ngại về cách thức mà con người tương tác với thế giới tự nhiên.

Cái mà ngày nay chúng ta gọi là chủ nghĩa hoạt động vì môi trường trên thực tế lấy cảm hứng và khích lệ trên rất nhiều phương diện từ cuốn sách của Carson. Có một điều hơi mỉa mai là hơn nửa thế kỷ sau, mặc dù với ảnh hưởng của những nữ nhân nổi bật như vậy nhưng những nơi làm việc về môi trường và bảo tồn lại chủ yếu do nam giới nắm quyền và không phản ánh được sự đa dạng của lực lượng lao động nói chung.

Chị có nói tới tình trạng bất bình đẳng không công bằng, nơi phương Tây đóng vai trò là “nhà tài trợ” tài nguyên thiên nhiên, nơi một số tiểu quốc gia phương Tây trở thành nước nhận tài trợ. Tôi nghĩ đây cũng là trường hợp chung của vấn đề bảo tồn ở các nước đang phát triển hoặc kém phát triển hơn, nơi có sự phân đôi rất rõ ràng: Phương Tây được coi là “nhà tài trợ”, và phương Đông được coi là “người nhận tài trợ”. Tất nhiên, có một khoảng cách kinh tế lớn giữa hai châu lục, và nhiều dự án bảo tồn và phát triển sẽ không thành hiện thực nếu không có sự tài trợ hào phóng từ thế giới phương Tây. Tuy nhiên, **điều quan trọng là các quốc gia ở phương Đông phải tự nhận thức được và tự hành**

động để bảo tồn thiên nhiên, thay vì trông đợi sự đóng góp từ các quốc gia khác.

Ngoài ra, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam đều đang thiếu năng lực bảo tồn. Nâng cao năng lực này chính là chìa khóa để bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Trong khi đó, các vị trí nhân sự trung và cao cấp trong các tổ chức bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam thường xuyên do phái nam người phương Tây đảm nhiệm, phản ánh năng lực chưa tối ưu của Việt Nam trong việc cung cấp các ứng viên có trình độ và kinh nghiệm phù hợp, cũng như mang lại cơ hội nghề nghiệp cho các nữ lãnh đạo ngành bảo tồn ở Việt Nam. Việc các tổ chức phi chính phủ sử dụng nhân viên người nước ngoài ở các vị trí cấp cao là những vấn đề đã tồn tại từ rất lâu và ở Việt Nam, sự phức tạp của cả ngôn ngữ và văn hóa khiến cho những người không mang quốc tịch Việt Nam càng khó thực hiện tốt vai trò của mình, và nó tiềm ẩn khả năng tác động tiêu cực đến hiệu quả và năng suất của tổ chức trong một lĩnh vực rất đặc thù.

Hiểu được nhu cầu phát triển một chương trình xây dựng và phát triển năng lực tại Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, tổ chức WildAct của chúng tôi đã phát triển các khóa học nhằm truyền cảm hứng và phát triển các kỹ năng của các nhân viên trẻ đang làm việc trong các tổ chức phi chính phủ và của các bạn trẻ đang có mong



ước được công tác trong ngành, để chống lại nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã. **Nhu cầu cao đối với các sản phẩm từ động vật hoang dã, đặc biệt là những sản phẩm được sử dụng làm thực phẩm hoặc làm thuốc, từ những người dân thành thị giàu có đang đẩy nhiều loài then chốt đến bờ vực tuyệt chủng và gây ra thiệt hại cho hệ sinh thái.** Điều này, còn góp phần gây ra biến đổi khí hậu và đe dọa đến cuộc sống và sinh kế của người dân nông thôn Việt Nam.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục phụ nữ và vai trò của họ trong các hoạt động bảo tồn, chúng tôi khuyến khích phụ nữ trong các lĩnh vực khác đăng ký tham gia các khóa học của chúng tôi. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu bảo tồn, đặc biệt là phụ nữ, phải đối mặt với các mối đe dọa bao gồm cả bạo lực dựa trên giới tính (GBV), quấy rối, bạo lực thể chất và tấn công tình dục. Một trong những sinh viên nữ đã tốt nghiệp của chúng tôi cho biết đã từng bị một nhân viên cấp cao quấy rối tình dục trong chuyến đi thực tế đầu tiên của cô ấy với tư cách là một nhà bảo tồn động vật hoang dã và cô ấy đã không nhận được sự hỗ trợ ngay lập tức từ các đồng nghiệp của mình. Khi cô ấy đề cập đến những việc đó, cô ấy bị những người xung quanh cho rằng cô ấy đang “chuyện bé xé ra to”. Các cuộc thảo luận không chính thức với các nữ nhân viên bảo tồn ở Việt Nam để dàng tiết lộ những sự kiện này thường xuyên xảy ra như thế nào

và chúng đã được bình thường hóa đến mức chúng được coi là chuyện bình thường.

‘Siêu nam tính’ hiện diện trong môi trường nghiên cứu thực địa có thể gây ra các vấn đề về an toàn cho cả phụ nữ và nam giới khi họ không tuân theo các hình thức nam tính quy chuẩn, khiến họ bị quấy rối và bạo lực. Vào năm 2020, chúng tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát về quấy rối tình dục trong ngành bảo tồn động vật hoang dã Việt Nam với 114 nhà bảo tồn động vật hoang dã và kết quả thật đáng báo động: cứ 6 người tham gia khảo sát thì có 5 người bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc! Không còn nghi ngờ gì nữa, các nỗ lực bảo tồn ở Việt Nam đang bị ảnh hưởng tiêu cực bởi hình thức GBV này. Và tôi chắc chắn rằng đây không phải là vấn đề chỉ xảy ra ở Việt Nam mà còn ở rất nhiều quốc gia khác.

Để đảm bảo các kết quả bảo tồn, chúng ta phải tạo ra một môi trường làm việc tốt hơn, an toàn hơn và bình đẳng hơn cho nhân viên, cho đồng nghiệp và cho chính chúng ta.

Tôi rất vui khi chị đã đề cập đến kế hoạch của Birdlife International về đường bay của các loài chim di cư! Năm nay, nhóm nghiên cứu trẻ của chúng tôi tại WildAct đã được trao Giải thưởng hạng mục “Nhà bảo tồn Tương lai” (thuộc Chương trình Lãnh đạo Bảo

El equipo de WildAct con CSAGA en un seminario de trabajo para la prevención de la violencia de género.

Tổ chức WildAct và CSAGA trong một hội thảo về phòng chống bạo lực giới.

tồn - mà tôi chắc chắn chị đã biết rõ, vì Birdlife International là một trong những đối tác chính của chương trình).

Mặc dù công tác bảo tồn động vật hoang dã ở Việt Nam đã được phát triển trong những năm gần đây nhưng hầu như người ta chỉ chú trọng tới các loài động vật có vú. Các loài chim, đặc biệt là quần thể chim bờ biển ở Việt Nam vẫn đang suy giảm nhưng vẫn chưa có nhiều dự án bảo tồn thiết thực tập trung vào chúng. Vì Việt Nam nằm trong điểm nóng đa dạng sinh học Ấn-Miến, nơi tạo nên phần trung tâm của Đường bay Đông Á-Úc, dự án của chúng tôi đặt mục tiêu mang lại lợi ích cho các loài di cư đang bị đe dọa, ví dụ như loài chim dễ mỏ thìa đang có nguy cơ tuyệt chủng và cò mỏ thìa mặt đen bị đe dọa, thông qua việc trao quyền cho cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào việc lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động bảo tồn.

Dự án của chúng tôi sẽ được thực hiện tại Khu Dự trữ Sinh quyển Đồng bằng Sông Hồng (RRDBR), bao gồm bốn khu đa dạng sinh học chính, một khu Ramsar và một Khu đa dạng sinh học & các loài chim quan trọng bị đe dọa (IBA đang bị đe dọa). Đây là khu vực rừng ngập mặn, vùng bãi triều, đầm lầy nước mặn, bãi bồi và cồn cát, trong đó chỉ có một số nơi được bảo vệ. Và ngay cả trong các khu bảo tồn, áp lực săn bắn rất nghiêm trọng. Người dân địa phương sử dụng nhiều loại bẫy chim khác nhau, bao gồm lưới mở, keo dính, mồi nhử và những loại bẫy khác để săn

chim. Do áp lực săn bắt ở khu vực này, không có ghi nhận nào được xác nhận về loài chim dễ mỏ thìa trong vòng mười năm qua, trong khi những loài khác đang suy giảm nhanh chóng.

Chúng tôi hy vọng rằng, nếu chúng tôi có thể cung cấp một môi trường sống an toàn thông qua việc giảm áp lực săn bắt và xáo trộn môi trường sống, các loài như chim dễ mỏ thìa có thể di cư đến Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng một lần nữa.

Tôi rất mong được nghe thêm về suy nghĩ của chị về kế hoạch bảo tồn các đường bay lớn trên thế giới, cũng như vai trò của các quốc gia, chẳng hạn như Việt Nam, trong việc bảo tồn các di sản thiên nhiên của chúng ta.

Tôi cũng hy vọng rằng sự trao đổi và mối quan hệ của chúng ta có thể mở rộng thêm sáng kiến này, và tôi cũng hy vọng được gặp trực tiếp chị vào một ngày nào đó trong tương lai.

Chúc chị thành công trong công việc và xin hãy bảo trọng!

Trang Nguyễn

Giám đốc Wildact Việt Nam

Trang.nguyen@wildact-vn.org www.wildact-vn.org



Hanói, 10 de septiembre de 2021

Querida Asunción,

Estoy muy emocionada y honrada de participar en esta iniciativa de intercambio de cartas organizada por la Embajada de España en Vietnam. Muchas gracias por aceptar ser mi “amiga por correspondencia” y gracias por compartir conmigo tu visión, experiencia y conocimiento en el campo que tanto nos apasiona a ambas.

La semana pasada participé en el Congreso Mundial de la Naturaleza de la Unión Internacional de Conservación de la Naturaleza y me alegró mucho que, por primera vez, el Congreso incluyera en su agenda el vínculo entre la violencia de género y el medio ambiente. **Los vínculos entre la conservación de la biodiversidad y la violencia de género son complejos y pueden afectar negativamente a las personas que trabajan en el ámbito medioambiental, y ello puede socavar la capacidad de cualquier organización para operar con eficacia.** Al mismo tiempo, las acciones para proteger y conservar el medio ambiente pueden agravar involuntariamente la desigualdad de género en las comunidades locales y provocar un aumento de la violencia de género.

Uno de mis libros favoritos, *La primavera silenciosa* fue escrito

por Rachel Carson hace cerca de 60 años. Nos advirtió a todos sobre el peligro potencial que representa el uso no regulado de agroquímicos y, como era previsible, el libro generó controversia. Ella fue tildada de comunista y “fanática defensora del culto del equilibrio de la naturaleza”, pero también encontró un importante apoyo entre el creciente número de personas preocupadas por la forma en que los humanos interactúan con el mundo natural.

Lo que ahora consideramos activismo medioambiental fue inspirado y galvanizado en muchos sentidos por el libro de Carson. Resulta algo irónico que, más de medio siglo después y a pesar de una influencia femenina tan prominente, los entornos laborales medioambientales y de conservación estén dominados principalmente por hombres y no reflejen la diversidad de la fuerza laboral en general.

Mencionabas la situación de desigualdad e injusticia donde Occidente actúa como “donante” de recursos naturales, cuando, de hecho, algunos Estados occidentales son países receptores de estos recursos naturales. Creo que este es el caso, también, de la conservación de la naturaleza en países en desarrollo o en los menos desarrollados, donde se produce una dicotomía muy clara: Occidente es visto como “donante” y Oriente como “receptor”. Por supuesto, existe una enorme brecha económica entre los dos continentes, y muchos proyectos de conservación

y desarrollo no se harían realidad sin la generosa donación del mundo occidental. Sin embargo, **es importante que los países asiáticos reconozcan y actúen por sí mismos para preservar su naturaleza**, en lugar de esperar donaciones de otros países.

Detecto, también, falta de capacidades en la conservación de la Naturaleza tanto en la región del sudeste asiático como en el propio Vietnam. El aumento de estas capacidades se ha identificado como elemento clave para la conservación de los recursos naturales. Mientras tanto, los puestos de nivel medio y superior en las organizaciones de conservación de la vida silvestre en Vietnam son ocupados habitualmente por expatriados occidentales, lo que refleja una capacidad subóptima de Vietnam para proporcionar candidatos debidamente cualificados y experimentados, y ofrecer oportunidades profesionales a las líderes conservacionistas vietnamitas. Persisten los problemas históricos asociados con las ONG de desarrollo que emplean personal expatriado en puestos de alto nivel y en Vietnam la complejidad tanto del idioma como de la cultura incrementan los desafíos para los no nacionales en desempeñarse bien en tales roles, lo que podría impactar negativamente en la eficiencia y la productividad de la organización en un sector que se encuentra en una situación límite.

Nuestra organización WildAct comprendió las necesidades

de implementar un programa de desarrollo de capacidades en Vietnam para mejorar los resultados nacionales en la conservación de la biodiversidad, y puso en marcha cursos con el objetivo de aprovechar la motivación propia y el entusiasmo de las personas del mundo académico vietnamita para desarrollar las habilidades y la capacidad del personal de las ONGs para combatir el comercio ilegal de vida silvestre. **La alta demanda externa de productos de la vida silvestre, en particular los que se usan como alimentos o medicinas, de las poblaciones urbanas ricas está empujando a muchas especies clave al borde de la extinción, causando daños al ecosistema.** Esto, a su vez, contribuye al cambio climático y amenaza la vida y los medios de subsistencia de la población rural vietnamita.

Al reconocer la importancia de educar a las mujeres y sus roles en las actividades de conservación, alentamos las solicitudes de mujeres de otros ámbitos laborales para que asistan a nuestros cursos. Sin embargo, en este sector de trabajo, al igual que sucede en otros, quienes trabajan en la conservación de la Naturaleza, especialmente las mujeres, se enfrentan a amenazas diversas que incluyen la violencia de género, el acoso, la violencia física y la agresión sexual. Una de nuestras graduadas informó haber sufrido acoso sexual por parte de un guardabosques experimentado con ocasión de su primera experiencia de trabajo de campo como científica conservacionista, sin recibir apoyo inmediato por parte de sus colegas. Cuando explicó lo



sucedido, se quedó con la sensación de que “estaba haciendo una montaña de un grano de arena”. Las discusiones informales con trabajadoras conservacionistas en Vietnam revelan fácilmente cómo estos hechos ocurren con frecuencia y se han normalizado hasta el punto de ser previsibles.

La “hipermasculinidad” presente en el campo de la conservación e investigación de la biodiversidad puede representar problemas de seguridad tanto para las mujeres como para los hombres que no se ajustan a los patrones de masculinidad hegemónica, exponiéndoles al acoso y la violencia. En 2020, realizamos una encuesta con 114 conservacionistas sobre el acoso sexual en el sector de conservación de la vida silvestre en Vietnam y los resultados fueron alarmantes: ¡5 de cada 6 participantes experimentaron acoso sexual en el lugar de trabajo! Sin lugar a dudas, los esfuerzos conservacionistas en Vietnam se ven afectados negativamente por esta forma de violencia de género. Y estoy segura de que este problema se vive en muchos otros países, y no únicamente en Vietnam.

Para garantizar resultados en la conservación de la Naturaleza, debemos crear unas condiciones de trabajo mejores, más seguras y más equitativas para nuestros empleados, nuestros colegas y para nosotras mismas.

¡Me siento muy emocionada de que hayas mencionado el plan de Birdlife International de los corredores aéreos de las aves migratorias! Este año, nuestro joven equipo de investigación en

WildAct fue galardonado con la categoría “Future Conservationist Award” (de los Programas de Liderazgo en Conservación, con los que estarás familiarizada, ya que Birdlife International es uno de los principales socios de estos programas).

Aunque la conservación de la vida silvestre en Vietnam ha avanzado en el último año, la atención se ha dedicado principalmente a los animales mamíferos. La población de aves, especialmente de aves costeras en Vietnam, sigue disminuyendo y no existen muchos proyectos de conservación centrados en ellas. Dado que Vietnam se encuentra en la zona de concentración de biodiversidad Indo-Birmana que, a su vez, constituye la parte central de la ruta migratoria de Asia Oriental-Australasia, nuestro proyecto tiene como objetivo beneficiar a las especies migratorias amenazadas, como el correlimos cuchareta en situación de peligro crítico y la espátula cara negra en peligro de extinción, mediante el empoderamiento de la comunidad local para que participe directamente en la planificación y ejecución de las actividades de conservación.

Nuestro proyecto se llevará a cabo en la Reserva de la Biosfera del Delta del Río Rojo que contiene cuatro áreas clave para la biodiversidad, incluido un sitio RAMSAR y un Área importante para la conservación de las aves y la Biodiversidad amenazada. Se trata de un área de manglares, zonas intermareales, marismas de agua salada, marismas y dunas, de las cuales solo algunas partes están protegidas. Incluso dentro de estas áreas protegidas, la presión de la caza es severa. Los lugareños

utilizan varios tipos de trampas para pájaros, incluidos redes de niebla, barras de pegamento, señuelos y otras trampas para cazar pájaros. Debido a la presión de la caza en esta área, no se ha confirmado registro alguno del correlimos cuchareta en los últimos diez años, mientras que otras especies están disminuyendo rápidamente.

Nuestra esperanza reside en que si alcanzamos a proporcionar un hábitat seguro mediante la reducción tanto de la presión de la caza como de la alteración del hábitat, especies como el correlimos cuchareta puedan migrar nuevamente a esta Reserva de la Biosfera del Delta del Río Rojo.

Estoy impaciente por escuchar más sobre tus reflexiones acerca del plan de conservación de las principales rutas migratorias del mundo, así como sobre el papel que pueden desempeñar países como Vietnam en la preservación de nuestro patrimonio natural.

Yo también espero que nuestros intercambios y relación puedan continuar después de estas Cartas cruzadas y espero, también, conocerte en persona algún día en el futuro.

¡Te deseo todo lo mejor en tu trabajo! ¡Y cuídate!

Trang Nguyễn

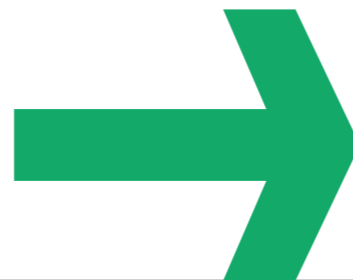
Directora, WildAct Vietnam.

Trang.nguyen@wildact-vn.org www.wildact-vn.org





SEGUNDA CARTA DE ASUNCIÓN RUIZ A TRANG NGUYỄN



Madrid, 28 de octubre de 2021

Querida Trang,

Déjame empezar esta segunda “carta cruzada” con dos cuestiones previas. Primero, además de agradecer de nuevo a la Embajada de España en Vietnam esta iniciativa, reiterarte a ti mi agradecimiento por tu participación y por tu motivadora respuesta a mi primera carta.

Como mujer y como conservacionista me impactó profundamente la mención que haces a la situación en torno a la cuestión de género en tu país y, lamentablemente, en otras muchas zonas del Sudeste Asiático y, deberíamos decir, del mundo. También en España sufrimos esta lacra, de manera si quieres menos generalizada y visible, pero tiene un dramático reflejo en el número de víctimas de la violencia machista cada año. Pero también muy impactante para mí resulta esa incidencia de la violencia de género en vuestro trabajo de conservación

en Vietnam. Vaya ante todo mi más sincero reconocimiento y apoyo en ese sentido, y me atrevería a decir que hablo en nombre de todo BirdLife International que, no en vano, cuenta con un documento de posición sobre este problema y trabaja activamente por la igualdad en todos los ámbitos *Women in science: meet the BirdLife researchers closing the gender gap*.

Y, por cierto, quiero decirte que también “Primavera silenciosa” es uno de mis libros de cabecera y su inspirador mensaje sigue muy presente en nuestra motivación personal y en nuestra estrategia de conservación.

Centrándonos en otros puntos de tu carta más relacionados con el trabajo de nuestras organizaciones (tan coincidentes en planteamientos y objetivos) debo decirte que también compartimos nuestra preocupación por lo que consideramos dos caras de una misma moneda: la justicia ambiental y la justicia social han sido siempre distintos frentes para conseguir el gran reto de la equidad. Y así lo reflejé ya hace algunos años en la

editorial de nuestra revista Aves y naturaleza (nº 20, 2016) bajo el título de “Aves sin nido” (a pesar de estar escrita en español, espero que puedas acceder fácilmente a su traducción).

En ese sentido, **desde el reparto más equitativo de la riqueza en el mundo, hasta la necesaria educación de la sociedad, y el acceso seguro a recursos vitales básicos, son necesidades claras para avanzar en ese equilibrio.**

Pero como dices, también es necesaria una mayor capacitación de técnicos y expertos en los países en desarrollo. Y esto pasa por que aquellos países o instituciones que puedan contribuir a esa capacitación (y puede ser el caso de BirdLife y de nuestra propia organización) sean muy conscientes de orientar esos esfuerzos adecuadamente, entendiendo las necesidades de un país como Vietnam y orientando sus esfuerzos a la población y expertos locales. Y cómo no, de nuevo las mujeres deben poder optar libre y fácilmente, y de forma segura, a esa formación o capacitación que puedan ofrecer donantes y colaboradores externos, en estrecha colaboración siempre con las administraciones y entidades locales.

En relación con nuestro vínculo más directo (como conservacionistas y diría que como personas), las aves, déjame que mencione una reciente noticia, que ya conocerás. Implica a la vía migratoria de Asia oriental-Australasia, que es una de las ocho grandes “autopistas” para la migración de las aves



identificada por BirdLife International en todo el mundo. Se trata del anuncio, hace pocos días, de un proyecto gigantesco de conservación de humedales para las aves, la naturaleza y la gente. El proyecto supone una oportunidad histórica para ampliar nuestro trabajo en esa vía migratoria gracias a la alianza de BirdLife International con el Banco Asiático para el Desarrollo y con la iniciativa y socios de la Vía Migratoria de Asia Oriental-Australasia. Además, la iniciativa se presentó en la CoP del Convenio de Diversidad Biológica en Kunming (China), en la que las naciones desarrollan un nuevo marco global para la protección de la naturaleza. Este proyecto supone un buen ejemplo de ese enfoque global imprescindible en las próximas décadas para combatir la pérdida de Biodiversidad y la Emergencia Climática.

Esas iniciativas de conservación y de restauración de los hábitats se financiarán mediante un innovador modelo mixto que movilizará inversiones de múltiples fundaciones privadas, organismos gubernamentales y bancos de desarrollo regionales, asegurándose de que la naturaleza esté integrada en las estructuras financieras de la región. El proyecto implicará activamente a las comunidades locales en todas las fases de diseño y ejecución, haciendo un esfuerzo especial por incluir a las mujeres, a las poblaciones locales y a los jóvenes.

Teniendo en cuenta que el correlimos cuchareta (Spoon-billed Sandpiper) es una de las especies objetivo, podía ser una

buena manera de canalizar esfuerzos con el objetivo común de conservar la biodiversidad, y los humedales, de Vietnam, teniendo en cuenta vuestro trabajo en la Reserva de la Biosfera del Delta del Río Rojo (RRDBR) y la presencia de esa especie en peligro crítico en las Áreas importantes para la conservación de las aves (IBA, por sus siglas en inglés) de Nghia Hung, Thai Thuy, Xuan Thuy y Ba Tri según información de BirdLife International ¿Estas Áreas importantes para la conservación de las aves (IBA) se incluyen en dicha Reserva de la Biosfera? Lo digo por tu comentario de que el correlimos había desaparecido actualmente allí.

Aunque BirdLife International no tiene socio en Vietnam, sí mantiene un programa de conservación (los llamados BirdLife Direct Action Programmes) en el que trabaja juntamente con Viet Nature Conservation Centre para promover la conservación de los hábitats, sitios y especies en colaboración con agencias gubernamentales. Te invito a que contactes con ellos, si no lo has hecho ya, en birdlife@birdlife.org.vn.

Aunque por el momento no tengo ningún contacto identificado en Viet Nature, lo confirmaré con el Secretariado de BirdLife, porque podíamos intentar establecer así una vía de colaboración en la que WildAct pueda implicarse de alguna manera en los trabajos de conservación que promueve BirdLife en Vietnam.

Como hemos dicho sería muy bueno que este intercambio de cartas se pudiera materializar también en alguna relación más directa entre nuestras organizaciones. Por ello, te propongo que, si lo consideras útil para vuestro trabajo, puedo plantear ante la Directora Ejecutiva de BirdLife International (por cierto la primera mujer de un país en vías de desarrollo, como es Ecuador, que alcanza la alta dirección de una ONG mundial) y ante el Director Regional de Asia, alguna fórmula que permita vuestra participación en ese programa de conservación de BirdLife International en Vietnam.

Podría ser una pequeña aportación de SEO/BirdLife que esperamos pueda fortalecer una alianza entre nuestras organizaciones, pero también una alianza entre organizaciones locales en Vietnam.

Sin duda que, más allá de estas “cartas cruzadas”, ese espíritu de colaboración por lograr un mundo más justo y más verde, nos seguirá uniendo a Vietnam y España, a SEO/BirdLife y WildAct, y ... por supuesto ... a nosotras.

Un fuerte abrazo, mi querida amiga, desde España.

Asunción Ruiz
Directora ejecutiva de SEO/Birdlife





Madrid ngày 28 tháng 10 năm 2021

Bà Trang thân mến!

Xin cho tôi được phép bắt đầu bức thư trao đổi thứ hai này với hai điều. Đầu tiên, ngoài lời cảm ơn một lần nữa gửi tới Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam đã thực hiện dự án này, tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự tham gia và hồi đáp tích cực của bà đối với bức thư đầu tiên của tôi.

Với tư cách là một người phụ nữ và cũng là một nhà bảo tồn, tôi rất bất ngờ trước những điều bà kể về thực trạng vấn đề về giới ở đất nước của bà. Và thật không may, đây cũng là tình trạng diễn ra ở nhiều nơi khác tại Đông Nam Á, và có thể nói là trên toàn thế giới. Ngay cả ở Tây Ban Nha chúng tôi cũng phải đối mặt với vấn đề trọng nam khinh nữ này, dù ít phổ biến hơn và khó nhận thấy hơn, nhưng vẫn rất đáng kể, được phản ánh qua số nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới hàng năm. Nhưng tôi cũng rất bất ngờ trước vấn nạn bạo lực giới trong công tác bảo tồn ở Việt Nam. Trước hết tôi xin ghi nhận và bày tỏ sự ủng hộ chân thành nhất với bà về vấn đề này, và với tư cách là đại diện của BirdLife International, tôi có thể nói rằng không hề vô ích khi có tuyên bố

lập trường về vấn đề này và tích cực hoạt động vì sự bình đẳng trong tất cả các lĩnh vực: *Phụ nữ trong khoa học: gặp gỡ các nhà nghiên cứu BirdLife, thu hẹp khoảng cách giới*.

Ngoài ra, tôi cũng muốn chia sẻ với bà rằng “Mùa xuân thắm lặng” là một trong những cuốn sách đầu giường của tôi, và thông điệp truyền cảm hứng của cuốn sách này luôn tạo cho tôi động lực cá nhân cũng như cho chiến lược bảo tồn của chúng tôi.

Khi tập trung vào các nội dung khác được đề cập trong thư của bà có liên quan hơn tới hoạt động của hai tổ chức của chúng ta (rất giống nhau trong cách tiếp cận và thiết lập các mục tiêu), tôi phải nói rằng chúng ta chia sẻ mối quan ngại chung về hai mặt của một vấn đề: công bằng môi trường và công bằng xã hội luôn là hai mặt trận riêng biệt mà chúng ta phải đấu tranh vì mục tiêu công bằng. Và tôi cũng đã viết về vấn đề này trong bài “Những chú chim không tổ”, đăng trên số 20 – 2016 Tạp chí Aves y naturaleza của chúng tôi (mặc dù được viết bằng tiếng Tây Ban Nha nhưng tôi hi vọng rằng bà có thể dễ dàng tìm được bản dịch).

<https://seo.org/revdigital/AN20.pdf>

Theo đó, phân phối của cải trên thế giới công bằng hơn, giáo dục xã hội và đảm bảo quyền tiếp cận các nguồn lực thiết yếu là những yêu cầu hiển nhiên để tiến tới sự cân bằng đó.

Như bà cũng đã nói, cũng cần phải đào tạo thêm các kĩ thuật viên và chuyên gia ở các nước phát triển. Những quốc gia hoặc tổ chức có thể đóng góp cho công tác đào tạo này (ví dụ như BirdLife và tổ chức của chúng tôi) rất có ý thức định hướng những nỗ lực này một cách phù hợp, hiểu được nhu cầu của một quốc gia như Việt Nam, hướng nỗ lực của mình tới người dân và các chuyên gia địa phương. Và một lần nữa, tại sao không để cho phụ nữ có thể lựa chọn một cách tự do, dễ dàng và an toàn, các chương trình giáo dục hoặc đào tạo mà các nhà tài trợ và các cộng tác viên bên ngoài, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan và chính quyền địa phương, cung cấp cho họ.

Về các loài chim, những sinh vật có mối liên hệ trực tiếp nhất với chúng ta (với tư cách là những bảo tồn và tôi cũng có thể nói điều này với tư cách là những con người bình thường), tôi xin phép nhắc tới một thông tin mới đây có liên quan đến chúng mà có thể bà cũng đã biết. Đó đường bay chim di cư Đông Á - Úc Châu được BirdLife International xác định là một trong tám “đường cao tốc” chính cho sự di cư của các loài chim trên khắp thế giới. Thông tin này được đưa ra cách đây vài ngày trong thông báo về một dự án lớn về bảo tồn đất ngập nước dành cho các loài chim, thiên nhiên và con người. Dự án này là một cơ hội

lịch sử cho công tác nghiên cứu đường bay của chúng tôi thông qua quan hệ đối tác của BirdLife International với Ngân hàng Phát triển Châu Á và các đối tác và sáng kiến Đường bay Đông Á-Úc. Ngoài ra, sáng kiến này đã được trình bày tại Hội nghị các bên tham gia Công ước Đa dạng Sinh học ở Côn Minh (Trung Quốc), trong đó các quốc gia phát triển một khuôn khổ toàn cầu mới để bảo vệ thiên nhiên. Dự án này là một ví dụ điển hình về cách tiếp cận toàn cầu không thể thiếu trong những thập kỉ tới để chống lại sự mất mát Đa dạng Sinh học và Tình trạng khẩn cấp về Khí hậu.

Các sáng kiến bảo tồn và phục hồi sinh cảnh này sẽ được tài trợ thông qua một mô hình hỗn hợp có tính sáng tạo huy động đầu tư từ nhiều tổ chức tư nhân, cơ quan chính phủ và ngân hàng phát triển khu vực, đảm bảo rằng thiên nhiên được tích hợp vào cấu trúc tài chính của khu vực. Dự án này sẽ thu hút mạnh mẽ sự tham gia của cộng đồng địa phương trong tất cả các giai đoạn thiết kế và thực hiện, nỗ lực tăng cường sự tham gia của phụ nữ, người dân địa phương và giới trẻ.

Với việc chim rẽ mỏ thìa được coi là một trong những loài mục tiêu, đây có thể là một cách tốt để thực hiện các nỗ lực với mục tiêu chung là bảo tồn đa dạng sinh học và các vùng đất ngập nước của Việt Nam, và tính đến công việc của bà ở Khu dự trữ Sinh quyển châu thổ Sông Hồng (RRDBR) và sự hiện diện của loài cực kỳ nguy cấp này ở các vùng chim quan trọng (IBA) Nghĩa

Hung, Thái Thụy, Xuân Thủy và Ba Tri theo thông tin từ BirdLife International, liệu những Vùng chim quan trọng này (IBA) có được đưa vào trong Khu Dự trữ Sinh quyển nói trên không? Tôi nói đến điều này vì bình luận của bà về việc chim rẽ mỏ thìa trên thực tế đã biến mất ở đó.

Mặc dù không có đối tác tại Việt Nam, nhưng BirdLife International vẫn duy trì một chương trình bảo tồn (được gọi là Chương trình Hành động Trực tiếp của BirdLife), cùng Trung tâm Bảo tồn Thiên nhiên Việt phối hợp với các cơ quan chính phủ thúc đẩy việc bảo tồn các sinh cảnh, địa điểm và các loài. Bà có thể liên hệ với họ qua birdlife@birdlife.org.vn trong trường hợp chưa có liên hệ trước đó.

Mặc dù hiện tại tôi không có bất kỳ liên hệ cụ thể nào của Viet Nature, tôi sẽ xác nhận điều đó với Ban thư kí của BirdLife, bởi lẽ chúng ta có thể cố gắng kết nối hợp tác, trong đó Wild Act có thể tham gia theo một cách thức nào đó vào công việc bảo tồn được BirdLife thúc đẩy tại Việt Nam.

Như chúng ta đã nói, sẽ rất tốt nếu việc trao đổi thư từ này cũng có thể hiện thực hóa các mối quan hệ trực tiếp giữa các tổ chức của chúng ta. Do vậy, tôi đề xuất rằng, nếu bà thấy có ích cho công việc của mình, tôi có thể đề nghị Giám đốc Điều hành của BirdLife International (cũng là người phụ nữ đầu tiên đến từ một quốc gia đang phát triển như Ecuador đảm nhận vị trí lãnh

đạo cao nhất của một tổ chức phi chính phủ quốc tế) và Giám đốc Khu vực Châu Á để tổ chức của bà có thể tham gia cùng chương trình bảo tồn của BirdLife International tại Việt Nam.

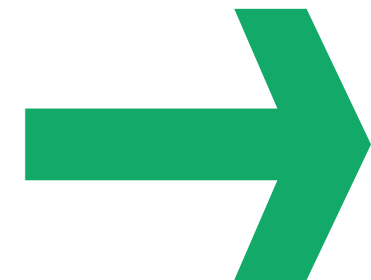
Đó có thể là một đóng góp nhỏ từ SEO/ BirdLife mà chúng tôi hi vọng có thể tăng cường quan hệ đối tác giữa hai tổ chức của chúng ta, nhưng cũng là củng cố quan hệ đối tác giữa các tổ chức địa phương tại Việt Nam.

Không nghi ngờ gì nữa, không chỉ dừng lại ở những bức thư trao đổi này, tinh thần hợp tác vì một thế giới xanh và công bằng hơn sẽ tiếp tục kết nối hai quốc gia của chúng ta, Việt Nam và Tây Ban Nha, SEO/ BirdLife và WildAct, và ... tất nhiên là ... cả chúng ta.

Gửi tới bà, người bạn thân mến của tôi, một cái ôm chặt từ Tây Ban Nha.

Asunción Ruiz

Giám đốc điều hành SEO/Birdlife



SEGUNDA CARTA DE TRANG NGUYỄN A ASUNCIÓN RUIZ



Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2021

Chị Asunción thân mến,

Cảm ơn chị rất nhiều vì bức thư truyền cảm hứng của chị. Tôi không thể tin rằng ba tháng đã trôi qua kể từ khi tôi viết bức thư cuối cùng cho chị. Tôi xin lỗi vì đã trả lời muộn, vì khoảng thời gian qua cũng rất bận rộn. Tôi rất vui khi biết rằng “Silent Spring” cũng là cuốn sách yêu thích của chị. Cuốn sách đó thật tuyệt, nhưng cũng thật buồn, vì những điều mà Rachel Carson đề cập tới cách đây 40 năm vẫn còn là những thách thức của ngày hôm nay.

Tôi rất nóng lòng được thông báo cho các chị về dự án “Bảo tồn các loài chim ven biển thông qua sự tham gia của cộng đồng ở Đồng bằng sông Hồng, Việt Nam”. Do các diễn biến của đại dịch Covid19, chúng tôi đã phải trì hoãn cuộc khảo sát (dự kiến ban đầu là vào tháng 9 năm 2021) cho đến đầu tháng 11. Tôi đã rất lo lắng rằng chúng tôi có thể đã bỏ lỡ thời điểm tối ưu để tiến hành

khảo sát các mối đe dọa - vì mặc dù mùa di cư của chim ở Việt Nam bắt đầu từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 12, nhưng mùa săn cao điểm là từ tháng 9 đến tháng 11.

Tôi phải thú nhận với chị rằng cho đến tận hai năm trước, tôi thực sự là một “mammal snob”, chỉ chuyên về thú có vú. Các kiến thức và nghiên cứu trước đó của tôi luôn tập trung vào các loài linh trưởng và thú có vú lớn. Tôi không có nhiều cơ hội để nghiên cứu về các loài chim. Hoạt động gần đây nhất của tôi liên quan đến các loài chim (trước dự án này) là khi tôi tham gia một cuộc khảo sát về loài chim ở miền bắc nước Anh để hoàn thành một phần yêu cầu trong chương trình học lấy bằng Cử nhân về bảo tồn Động vật hoang dã cách đây hơn một thập kỷ.

Tôi luôn nhận thức được về tình trạng buồn bán chim bất hợp pháp, đặc biệt là về tình trạng săn bắt và tiêu thụ trái phép chim di cư trên khắp Việt Nam. Tôi cũng đã đọc các báo cáo, xem phim tài liệu và nói chuyện với nhiều nhà nghiên cứu để chuẩn bị cho dự án này. Tuy nhiên, tôi không ngờ số lượng lưới mờ, quy

mô săn bắt và sự đấu tranh để sinh tồn của các loài chim di cư ở Việt Nam lại nhiều như tôi đã chứng kiến trong 6 tuần khảo sát thực địa dày đặc vừa qua.

Số lượng các lưới mờ mà chúng tôi đã tìm thấy là không thể tưởng tượng được. Có những nơi mà khi chúng tôi vào được, chúng tôi không biết bắt đầu phải đếm các lưới này như thế nào. Chúng ở bên trái, bên phải, bên trên và bên dưới. Có những tấm lưới dài gần 1km và cao 4m. Có một số cụm có hơn 70 lưới, xếp như một mê cung, lưới ngắn nhất kích thước 80m và lưới dài nhất, hơn 500m. Ngay cả chúng tôi cũng bị mắc kẹt trong những tấm lưới này. Thật là kinh khủng!

Và cả những chú chim bị dính bẫy. Những chú chim bị mắc kẹt trong lưới mà không có cách nào tự giải thoát. Chúng chết một cách đau đớn.

Chăng lưới mờ đúng là một tội ác vô nhân đạo, đáng kinh tởm và khủng khiếp, nhưng điều làm tôi buồn nhất là chúng rất lãng phí. Tôi đã gặp rất nhiều xác chim nằm đó, không còn sự sống và thối rữa dưới ánh nắng mặt trời. Có một nơi mà khi đến, tôi thấy lưới động đậy, và tôi nghĩ “ồ, có lẽ con chim đó vẫn còn sống, nếu mình đến nhanh, có lẽ mình sẽ có thể thả nó ra”. Nhưng không, khi tôi tới gần hơn, tôi nhận ra ở đó không có gì khác ngoài một bộ xương khô héo. Không còn gì cả, trơ lại mỗi bộ xương. Chú chim tội nghiệp bị mắc chân vào lưới và thợ săn để mặc nó thối

rữa ở đó. Có thể là vì nó không phải là loài chim có giá trị cao trên thị trường (như diệc) mà họ đang hướng tới.

Không chỉ riêng những chú chim bị mắc vào những tấm lưới này mà bất cứ thứ gì bay được cũng bị mắc hết. Chúng tôi tìm thấy các loại côn trùng như chuồn chuồn, bướm, bọ cánh cứng cũng chết khô trong lưới.

Thợ săn thường sử dụng tiếng kêu của các loài chim - thường được ghi âm và phát trên loa lớn, còn những thợ săn chuyên nghiệp thì đầu tư vào việc huấn luyện chim để dụ chim hoang dã đến bãi săn của họ. Chúng tôi tìm thấy hàng trăm con chim, chủ yếu là diệc và cò, bị buộc thành đống. Một số con bị khâu mắt lại, chờ tín hiệu của thợ săn để kêu.

Vì mới trở về từ chuyến đi thực địa nên chúng tôi chưa phân tích dữ liệu của mình để tính ra mật độ của các bẫy chim, nhưng chúng tôi biết mình phải cố gắng hết sức để chấm dứt hoạt động này. Tại tỉnh Ninh Bình, số lượng lưới sương mù được khảo sát tại hai huyện là 660 lưới, tổng chiều dài lên đến 94 km, và nếu chúng ta xếp chúng thành hàng dọc thì đám lưới này có thể chạy từ trung tâm Ninh Bình tới trung tâm Hà Nội.

Trong tuần cuối cùng của chuyến đi thực địa, chúng tôi rất may mắn được cộng tác với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Ninh Bình và cảnh sát môi trường tỉnh. Họ rất ủng hộ công việc của chúng tôi, và

ngay lập tức phối hợp với chúng tôi để gỡ và huỷ lưới. **Có hơn 300 tấm lưới được gỡ bỏ (với tổng chiều dài hơn 50km) và 75 chú chim được “thu giữ”.**

Có thể chị cũng nhận ra tôi không sử dụng từ “giải cứu” mà dùng từ “thu giữ”. Do hiện nay không có trung tâm cứu hộ chim nào ở Việt Nam nên những chú chim khỏe mạnh sẽ được thả ngay lập tức, nhưng những chú đã được thợ săn huấn luyện và /hoặc quá yếu để thả sẽ bị tiêu hủy.

Trong khi làm việc với các cơ quan thực thi của tỉnh, tôi cũng đã thảo luận về những điểm mạnh và điểm yếu của họ. Cả hai bên đều nhận ra rằng các nhân viên kiểm lâm không có đủ kiến thức và cũng không được đào tạo để tiếp xúc cứu hộ động vật hoang dã. Họ cũng có rất ít hiểu biết về quyền của động vật nói chung. Chúng tôi đã lập kế hoạch tập huấn sơ cứu và đào tạo năng lực cứu hộ động vật cho các kiểm lâm và cảnh sát môi trường vào đầu năm tới. Tôi thực sự hy vọng rằng điều này sẽ làm tăng tỷ lệ sống sót của các loài động vật được giải cứu - và của các loài chim nữa.

Với những dữ liệu cơ bản thu thập được cho dự án này, chúng tôi đang lên kế hoạch cho nhiều hoạt động trong năm tới, từ việc nâng cao nhận thức, các hoạt động giáo dục đến tăng cường thực thi và vận động hành lang để cải thiện luật pháp và chính sách của Việt Nam liên quan đến bảo tồn chim di cư. **Tham vọng lớn nhất của tôi bây giờ là đảm bảo nguồn vốn để xây**





dựng trung tâm cứu hộ chim đầu tiên của Việt Nam tại huyện Giao Thủy, Nam Định. Tôi tin rằng đây là tiền đề cho công tác bảo tồn chim ở Việt Nam, vì chúng ta không thể chỉ hỗ trợ việc cưỡng chế thu giữ - rồi tiêu hủy những cá thể chim bị bắt giữ. Cần phải có một cơ sở và quy trình rõ ràng cho việc “cứu hộ - tái thả”, vì tương lai của các loài chim di cư ở Việt Nam. Tôi đang liên hệ với Tổ chức Bảo tồn Động vật Hoang dã Durrell để thảo luận với họ về thiết kế chuồng vây quanh của họ dành cho các loài chim di cư và khám phá cơ hội hợp tác với họ trong tương lai.

Cảm ơn chị rất nhiều vì đã mời WildAct trở thành đối tác của mạng lưới BirdLife International. Tôi đã tìm hiểu về chương trình này và dự định đăng ký trở thành một trong những đối tác của BirdLife. Nó có ý nghĩa rất lớn đối với chúng tôi nói chung và đối với bản thân tôi nói riêng, vì có rất nhiều điều để cho tôi có thể học hỏi.

Tôi chỉ muốn nói lời cảm ơn sâu sắc vì những lời động viên trong những lá thư của chị. Nhân dịp này, tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn tới Đại sứ quán Tây Ban Nha vì sáng kiến tuyệt vời giúp chúng ta liên hệ, trao đổi được với nhau. Và tôi hy vọng rằng chúng ta vẫn có thể tiếp tục hỗ trợ lẫn nhau, ngay cả sau khi sáng kiến này kết thúc.

Chúc chị có một mùa lễ hội tuyệt vời và xin gửi tới chị thật nhiều yêu thương.

Trang Nguyễn

Giám đốc WildAct Vietnam

Trang.nguyen@wildact-vn.org www.wildact-vn.org



Hanoi, 7 de diciembre de 2021

Querida Asunción,

Muchas gracias por tu carta que tanto me ha inspirado. No puedo creer que hayan pasado ya tres meses desde mi última carta. Te pido disculpas por mi respuesta tardía, han pasado tantas cosas desde entonces. Me ha emocionado mucho saber que *La Primavera silenciosa* es también tu libro favorito. Resulta asombroso, al igual que triste, que los problemas a los que se refería Rachel Carson hace 40 años sigan hoy sin resolverse.

Estoy impaciente por informarte de los resultados de nuestro proyecto “Conservación de las aves playeras mediante la participación comunitaria en el Delta del Río Rojo, Vietnam”. A causa de la situación de la pandemia del Covid-19, tuvimos que retrasar nuestro estudio de campo (inicialmente programado para septiembre de 2021) hasta principios de noviembre. Me sentía tan preocupada por haber podido perder la ocasión óptima de realizar el estudio sobre las amenazas a estas aves ya que, a pesar de que la temporada de migración de las aves comienza en Vietnam a finales de agosto y dura hasta los últimos días de diciembre, la temporada alta de caza se desarrolla entre septiembre y noviembre.

Debo confesarte que, hasta hace dos años, yo era una “gran snob de los mamíferos”, porque mi formación y mis trabajos anteriores siempre se habían centrado en los grandes mamíferos y primates. No había tenido muchas oportunidades de estudiar las aves y mi experiencia más reciente relacionada con las aves (antes de este proyecto) fue cuando cursaba mi licenciatura en conservación de la vida silvestre y realizamos un estudio sobre las aves en el norte de Inglaterra, como requisito académico, y de ello, hace ya más de una década.

Siempre he sido consciente del comercio ilegal de aves y, en particular, de la caza y el consumo ilegal de aves migratorias en Vietnam. Había leído informes, visto documentales y hablado con numerosos investigadores en la preparación de este proyecto. Sin embargo, qué poco sabía de la cantidad tan grande de redes de niebla, la profusión de la caza y la lucha por sobrevivir de las aves migratorias en Vietnam que iba a presenciar en estas últimas 6 semanas de trabajo de campo intensivo.

La cantidad de redes de niebla que encontramos es inimaginable. Había lugares donde entrábamos y una vez dentro no teníamos ni idea de cómo empezar a contarlas. Estaban a nuestra izquierda, derecha, enfrente, detrás. Había redes de casi 1 km. de longitud y 4 m. de altura. Había conjuntos con más de 70 redes de niebla, dispuestas como laberintos, la red más corta tenía

80m. y la más larga más de 500 m. Incluso nosotros quedamos atrapados en estas redes. ¡Era una locura, un absurdo!

Y allí estaban los pájaros.

Los pájaros atrapados en las redes sin posibilidad de liberarse. Tuvieron una muerte horrible y dolorosa.

Las redes de niebla son, sin duda, un crimen inhumano, repugnante y horrible. Pero lo que más me molestó es lo espantosamente derrochadores que fueron los cazadores. Encontré tantos cadáveres que yacían allí, sin vida y pudriéndose al sol. Hubo un lugar donde al llegar vi como la red se movía. Y pensé “¡oh, tal vez ese pájaro sigue vivo. Tal vez, si llego lo suficientemente rápido, podré liberarle”. Pero al acercarme, me di cuenta de que aquello no era más que un esqueleto seco. No quedaba nada, solo sus huesos. Al pobre pájaro se le atascó la pierna en la red y el cazador simplemente le dejó allí, a la espera de que se pudriera. Posiblemente porque no se trataba de aves con gran valor de mercado (como las garzas), a las que querían cazar.

No son únicamente las aves quienes quedan atrapadas en estas miserables redes, sino cualquier otro animal que vuela. Allí encontramos insectos, como libélulas, mariposas, escarabajos.

Los cazadores utilizan, igualmente, el señuelo del canto de los pájaros, que a menudo graban y reproducen en altavoces, y han invertido en entrenar a aves como reclamo para atraer a

sus terrenos de caza a otras aves silvestres. Así, encontramos atadas a centenares de aves, en su mayoría garzas y garcetas. A algunas les habían cosido sus ojos, a la espera de recibir la señal de los cazadores para empezar a llamar a las otras aves.

Como acabamos de regresar de allí, todavía no hemos tenido tiempo de analizar nuestros datos y calcular la densidad de las trampas. Pero somos conscientes de que debemos hacer todo lo posible para poner fin a esta práctica. En la provincia de Ninh Binh, el número de redes de niebla inspeccionadas en dos distritos fue de 660 ¡y su longitud total alcanzó los 94 km! Si las uniéramos, podríamos recorrer la distancia desde el centro de esa provincia hasta el mismo barrio antiguo de Hanoi.

Durante nuestra última semana de trabajo, tuvimos la oportunidad de colaborar con el Departamento de Protección Forestal de la provincia de Ninh Binh y sus guardas forestales. Ellos nos apoyaron mucho e inmediatamente colaboraron con nosotros para quitar y destruir las redes de niebla. Conseguimos retirar **más de 300 redes (con una longitud total de más de 50 km.) y nos incautamos de 75 aves.**

Como ves, no he utilizado el verbo “rescatar”, sino “incautar”. En la actualidad, no existe ningún centro de rescate de aves en Vietnam, las aves sanas y fuertes fueron liberadas de inmediato, pero aquellas entrenadas por cazadores y/o demasiado débiles para ser liberadas tenían que ser sacrificadas.



Mientras trabajaba con las fuerzas policiales provinciales, hablé con ellos sobre sus fortalezas y debilidades. Ambos nos dimos cuenta de que los guardabosques no conocían los animales salvajes ni habían recibido una formación específica y sabían poco del bienestar animal en general. Por ello, hemos elaborado un plan para principios del próximo año 2022 dirigido a los guardabosques y a la policía medioambiental, en materia de formación en primeros auxilios para animales. Realmente espero que sirva para aumentar las tasas de supervivencia de los animales y aves rescatados.

Al haber ya recopilado datos de referencia para este proyecto,

estamos ahora planificando un conjunto de actividades a llevar a cabo en el próximo año. Desde actividades de sensibilización y educación, una mayor aplicación del ordenamiento jurídico y presión para mejorar nuestras leyes y políticas en relación con la conservación de las aves migratorias. **Mi mayor reto ahora consiste en conseguir fondos para construir el primer centro vietnamita de rescate de aves en Giao Thuy, en el distrito de Nam Dinh.** Creo que este es el camino a seguir en la conservación de las aves en Vietnam, ya que no podemos simplemente apoyar la aplicación de la ley consistente en incautar y luego sacrificar esas aves. El futuro de las aves migratorias en Vietnam necesita de unas instalaciones y un



protocolo de “rescate y liberación”. Estoy en contacto con la Durrell Wildlife Conservation Trust para discutir sobre el diseño del recinto que tienen para sus aves migratorias y explorar, de este modo, la oportunidad de colaborar con ellos en el futuro.

Muchas gracias por invitar a WildAct a convertirse en socio de BirdLife International. De hecho, estaba investigando la asociación y planeaba registrarme como uno de los socios de BirdLife. Ello tendría un gran valor para nosotros y para mí, porque hay mucho que aprender.

Solo me resta agradecer tus ánimos, que brillan a través de sus cartas. También me gustaría aprovechar esta oportunidad para agradecer a la Embajada de España la organización de esta maravillosa iniciativa, y espero que podamos seguir apoyándonos mutuamente, incluso después de que finalice esta propuesta de *Cartas cruzadas*.

Te deseo unas maravillosas vacaciones y con mucho amor

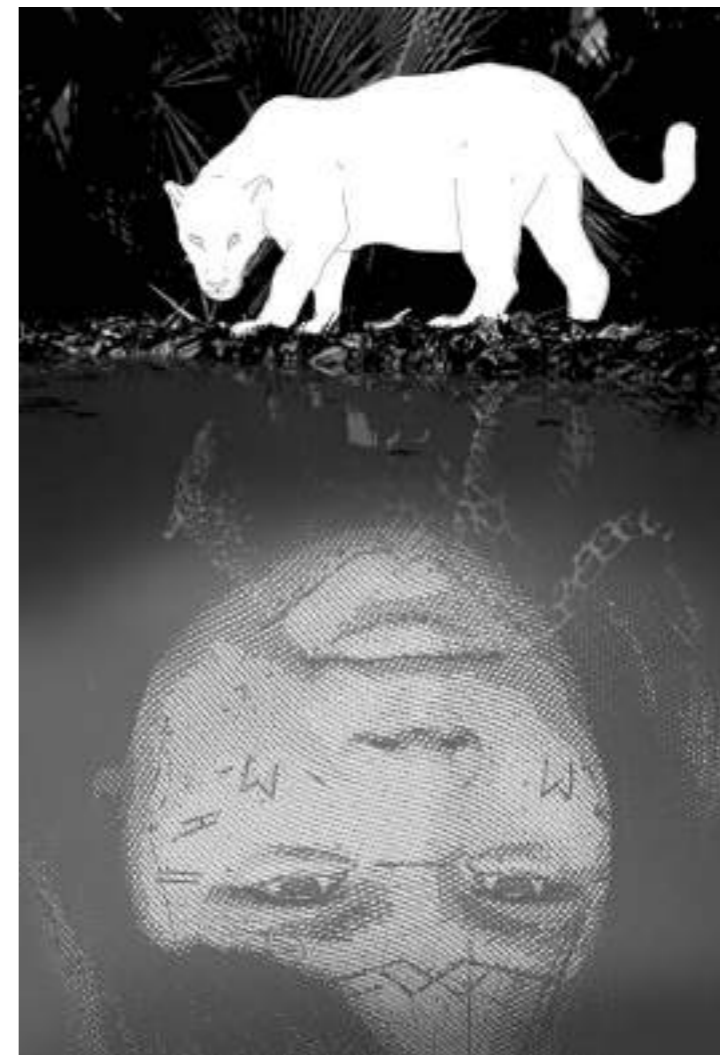
Trang Nguyen,

Directora, WildAct Vietnam.

Trang.nguyen@wildact-vn.org www.wildact-vn.org

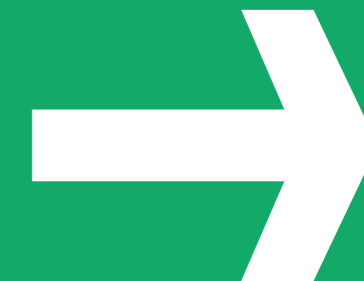


Quando el jaguar despierta, Verónica Perales
Khi báo đốm thức giấc, Verónica Perales



MIGRACIONES CLIMÁTICAS

DI CƯ KHÍ HẬU





PRIMERA CARTA DE BEATRIZ FELIPE PÉREZ A DRAGON TEAM

Investigadora Asociada al Centro de Estudios de Derecho Ambiental de Tarragona (CEDAT), investigadora y socia-cofundadora de la cooperativa CICrA Justicia Ambiental y colaboradora en la iniciativa Migraciones Climáticas. Beatriz es Doctora en Derecho por la Universidad Rovira i Virgili (Tarragona) y autora de la monografía “Las Migraciones Climáticas ante el Derecho Internacional” (Aranzadi, 2019). Especializada en el análisis jurídico y multidisciplinar de la movilidad humana inducida por los desastres y el cambio climático. También se ha centrado en la ciencia del cambio climático, la educación para la justicia global y la cooperación internacional.

Chuyên viên nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Luật Môi trường Tarragona (CEDAT), nghiên cứu viên và đối tác đồng sáng lập của nhóm hợp tác nghiên cứu phê bình và ứng dụng CICrA Justicia Ambiental, cộng tác viên của dự án về di cư khí hậu Migraciones Climáticas. Beatriz là Tiến sĩ Luật tốt nghiệp tại Đại học Rovira i Virgili (Tarragona) và là tác giả của cuốn sách chuyên khảo “Las Migraciones Climáticas ante el Derecho Internacional” (tạm dịch: “Di cư khí hậu và Luật pháp quốc tế”) (Aranzadi, 2019). Cô chuyên về phân tích pháp lý và đa ngành về vấn đề người di cư do thiên tai và biến đổi khí hậu. Cô cũng tập trung vào các lĩnh vực khoa học biến đổi khí hậu, giáo dục vì công bằng toàn cầu và hợp tác quốc tế.

Estimado Dr. Van Pham Dang Tri,

Encantada de saludarle. Para mí es un gran honor y motivo de alegría tener la oportunidad de participar en este intercambio de cartas con un investigador con una trayectoria tan nutrida e interesante como la suya y con quien comparto intereses comunes en relación con el medio ambiente. Estoy segura de que podré aprender mucho de su experiencia y conocimientos.

Le cuento que mi interés por la naturaleza se originó cuando era una niña. Nací en las Islas Canarias (España), un archipiélago conocido por su naturaleza, pero también por su gastronomía y la amabilidad de su gente. **Las islas, de origen volcánico, albergan cuatro parques nacionales y cuentan con un total de 146 espacios protegidos.** Debido a sus características climáticas y a su geografía, el archipiélago contiene una elevada biodiversidad, con múltiples especies endémicas y autóctonas. Aunque se encuentran muy lejos de Vietnam, quizás ha escuchado hablar de estas islas.

Durante nuestra infancia, mi madre y mi padre nos llevaban con frecuencia a recorrer parajes maravillosos en la isla de Tenerife a mi hermano y a mí. En estos paseos por la naturaleza disfrutábamos de la compañía de sus amigos y amigas, quienes tienen profundos conocimientos sobre la fauna y flora local. Las amistades de mi familia no solo nos enseñaron a identificar un viñátigo (*Persea indica*) o a (intentar) orientarnos en el bosque con un mapa topográfico y una brújula, sino a cuidar, respetar y

defender el medio ambiente. Muchos maestros y maestras de la escuela, el profesorado del instituto, mis amistades, mis abuelas y abuelos y el hecho vivir mi infancia y adolescencia en Arafo, un pequeño pueblo muy cercano a la naturaleza donde se practica la agricultura a pequeña escala, hicieron que este interés no desapareciera con los años, sino que se acrecentara.

De hecho, todo lo anterior me llevó a trasladarme a la Península ibérica, concretamente a Granada, para licenciarme en Ciencias Ambientales, ya que en esos momentos no existía la carrera en las islas. Más adelante me especialicé en Derecho ambiental con un máster en Tarragona y me doctoraré en Derecho en la misma universidad. Durante ese periodo realicé múltiples cursos y voluntariados relacionados con la protección de la naturaleza, desde el rescate de tortugas y pardelas durante los veranos en las islas, hasta la recolección de semillas en Cabañeros y el apoyo a la agricultura ecológica en Dinamarca. Además, me involucré en varios movimientos activistas en la defensa de la naturaleza y del territorio.

Al formar parte de estos movimientos y formarme también en cooperación internacional y desigualdades globales, **poco a poco comencé a entender que las dinámicas que destruyen la naturaleza oprimen, de igual manera, a muchas personas en el mundo y generan desigualdades.** Esto se ve claramente reflejado en el cambio climático, pues este fenómeno, que es consecuencia de la emisión de gases de efecto invernadero cuyo origen son las actividades humanas, en realidad se debe a





un modelo productivo dominado por unos pocos que necesita explotar a la propia naturaleza y a las personas para mantenerse en continuo crecimiento. Paradójicamente, quienes más sufren sus impactos son las naciones del Sur global, que son las que menos han contribuido. De la constatación de lo anterior surge mi interés en las migraciones climáticas.

Durante mis años como investigadora pre-doctoral y los años posteriores, en los que he trabajado como consultora y formadora, he podido profundizar en el estudio de las migraciones climáticas, sobre todo desde la perspectiva jurídica, pero también he podido acercarme a realidades concretas, como la de Panamá, México o la región mediterránea. A su vez, he podido analizar este fenómeno centrándome en sus impactos específicos para las mujeres y niñas y desde la perspectiva de las responsabilidades del Norte global, concretamente de las empresas de la Unión Europea. **En mis investigaciones jurídicas he llegado a la conclusión de que realmente ya existen mecanismos jurídicos que podrían (no sin dificultades) dar cabida a la protección de las personas migrantes climáticas, pero hace falta voluntad política para aplicarlas.**

Otro de mis temas de interés, que creo que también compartimos, es el Derecho Humano al Agua y al Saneamiento. Este tema se relaciona fuertemente con las migraciones climáticas ya que, por un lado, muchos de los impactos del cambio climático se vinculan directamente con alteraciones en el funcionamiento

del ciclo del agua, lo que, en casos de inundaciones o sequías está influyendo en la movilidad humana en muchas regiones del mundo, con consecuencias diferenciadas para las mujeres y las niñas y para las personas en situación de mayor vulnerabilidad. Por otro lado, el modelo de gestión del agua influye mucho, a su vez, en que todas las personas puedan tener acceso, en la cantidad y calidad adecuadas.

En este sentido, me gustaría preguntarle por los motivos que le han hecho desarrollar su interés personal por la naturaleza y la gestión del agua. Igualmente, quisiera saber más sobre los vínculos entre la crisis climática, el derecho humano al agua y al saneamiento y la movilidad humana en Vietnam y, si es posible, más concretamente en el Delta del Mekong. ¿Considera que la crisis climática está afectando a los patrones de movilidad en su país? Si la respuesta a lo anterior es positiva, me pregunto ¿cómo se relacionan estos factores? ¿Hay datos? ¿Existe alguna normativa nacional que provea protección a las personas afectadas? Aprovecho la oportunidad para preguntarle por su percepción de la justicia climática desde un país que históricamente ha contribuido poco a la crisis climática pero en el que están aumentando rápidamente sus emisiones y que, a la vez, ya está sufriendo sus nefastas consecuencias.

Saludos cordiales y gracias de antemano por su respuesta,

Beatriz Felipe Pérez

Kính thưa tiến sĩ Văn Phạm Đăng Trí,

Tôi rất hân hạnh được gửi lời chào tới ngài. Đây là niềm vinh dự vô cùng to lớn đối với tôi khi được tham gia vào hoạt động trao đổi thư với một nhà nghiên cứu có bề dày kinh nghiệm vô cùng phong phú và thú vị như ngài, người cùng chung mối quan tâm về môi trường như tôi. Tôi chắc chắn rằng mình có thể học hỏi rất nhiều kinh nghiệm và kiến thức từ ngài.

Tôi xin chia sẻ với ngài niềm quan tâm tới thiên nhiên của tôi đã bắt đầu từ khi tôi còn là một đứa trẻ. Tôi được sinh ra tại Canarias (Tây Ban Nha), một quần đảo nổi tiếng không chỉ về thiên nhiên mà còn bởi nền ẩm thực và sự thân thiện của người dân nơi đây. **Trên các hòn đảo có nguồn gốc núi lửa này có sự hiện diện của bốn công viên quốc gia và 146 khu vực được bảo tồn.** Do đặc điểm khí hậu và địa lý, quần đảo có hệ sinh thái đa dạng, với nhiều loài đặc hữu và bản địa. Mặc dù nằm ở khá xa Việt Nam, có lẽ ngài cũng từng được nghe nhắc tới những hòn đảo này.

Trong suốt thời thơ ấu của mình, bố mẹ tôi thường đưa tôi và anh trai đi nhiều nơi tuyệt vời trên hòn đảo Tenerife. Những chuyến dạo chơi nơi thiên nhiên đó luôn có sự đồng hành của những người bạn có kiến thức sâu rộng về động thực vật địa phương. Những người bạn của gia đình không những chỉ dạy chúng tôi cách nhận ra cây viñátigo (*Persea indica*) hay (cố gắng) dạy chúng tôi cách định hướng trong rừng bằng bản đồ địa hình và một chiếc la bàn, mà còn chăm sóc, tôn trọng và bảo vệ môi trường. Các giáo viên, bạn bè, ông bà cùng cuộc sống thời thơ

ấu và niên thiếu của tôi ở Arafo, một thị trấn nhỏ gắn gũi với thiên nhiên, nơi mà người dân vẫn trọt theo quy mô nhỏ, đã làm cho mối quan tâm của tôi tới thiên nhiên không hề biến mất theo năm tháng, ngược lại còn tăng thêm.

Trên thực tế, tất cả những điều tôi vừa kể trên đã thôi thúc tôi chuyển tới bán đảo Iberia, cụ thể là Granada, để theo học ngành Khoa học Môi trường, bởi vì vào thời điểm đó trên quần đảo vẫn chưa giảng dạy chuyên ngành này. Sau đó, tôi tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Luật môi trường và lấy bằng tiến sĩ về Luật tại cùng một trường đại học ở Tarragona. Trong khoảng thời gian này, tôi đã tham gia nhiều khóa học và các hoạt động tình nguyện liên quan đến việc bảo vệ thiên nhiên, từ công việc cứu hộ rùa và hải âu trên quần đảo trong các mùa hè tới việc thu hoạch hạt giống tại Cabañeros và hỗ trợ ngành nông nghiệp hữu cơ ở Đan Mạch. Ngoài ra, tôi còn tham gia vào các phong trào bảo vệ thiên nhiên và đất đai.

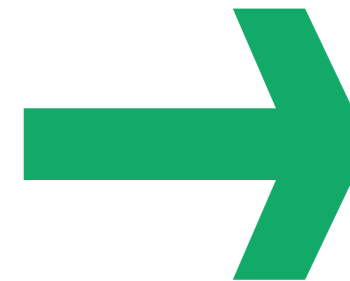
Khi tham gia vào các phong trào này và được đào tạo về hợp tác quốc tế và bất bình đẳng toàn cầu, **dẫn dắt tôi bắt đầu hiểu rằng chính việc phá hủy thiên nhiên ảnh hưởng tới tất cả mọi người dân trên thế giới và cũng góp phần tạo thêm sự bất bình đẳng.** Điều này có thể thấy rõ qua sự biến đổi khí hậu, hậu quả của việc gia tăng hiệu ứng nhà kính gây ra bởi mô hình sản xuất của một nhóm thiểu số thống trị khai thác chính nguồn tài nguyên thiên nhiên và con người để duy trì tăng trưởng liên tục. Nghịch lý là những quốc gia ở miền Nam địa cầu gây ảnh hưởng ít nhất nhưng lại hứng chịu nhiều tác động nhất. Nhận thức rõ

những điều trên đã làm nảy sinh mối quan tâm của tôi tới vấn đề di trú do khí hậu.

Trong giai đoạn làm nghiên cứu sinh và những năm tiếp theo khi tham gia công tác tư vấn và đào tạo, tôi đã có cơ hội nghiên cứu sâu hơn về vấn đề di trú gây ra do biến đổi khí hậu, đặc biệt từ góc độ pháp lý, từ những thực tế cụ thể tại Panama, Mexico hay khu vực Địa Trung Hải. Đồng thời, tôi đã tập trung phân tích hiện tượng này với những tác động cụ thể của nó đối với phụ nữ và trẻ em và từ góc độ trách nhiệm của phía bán cầu Bắc, mà cụ thể là của các công ty thuộc Liên minh châu Âu. **Trong các nghiên cứu pháp lý của mình, tôi đã đi tới kết luận rằng thực sự có cơ chế pháp lý mà (không phải không có khó khăn) có thể cho phép bảo vệ những người di cư vì biến đổi khí hậu, tuy nhiên vẫn cần tới sự tự nguyện để có thể thực hiện được.**

Một trong những chủ đề khác mà tôi cho rằng chúng ta cùng quan tâm là Quyền con người được sử dụng Nước và Hệ thống vệ sinh. Vấn đề này liên quan mật thiết với sự di trú do khí hậu bởi lẽ nhiều tác động của biến đổi khí hậu liên quan trực tiếp tới những thay đổi của tuần hoàn nước, ngập lụt hay hạn hán đang ảnh hưởng tới sự di trú của người dân tại nhiều khu vực trên thế giới, đem lại nhiều hậu quả khác nhau đối với phụ nữ, trẻ em và đối với những người dễ bị tổn thương nhất. Mặt khác, mô hình quản lý nước ảnh hưởng rất lớn tới việc được sử dụng nước sạch và phù hợp của tất cả mọi người.

Trên tinh thần này, tôi muốn biết những lí do nào khiến ngài quan



tâm tới thiên nhiên và sự quản lý nước. Đồng thời, tôi cũng muốn biết thêm về mối liên hệ giữa khủng hoảng khí hậu, quyền con người được sử dụng nước và hệ thống vệ sinh và sự di trú tại Việt Nam, và nếu có thể cụ thể hơn với trường hợp Đồng bằng sông Cửu Long. Ngài có cho rằng khủng hoảng khí hậu đang ảnh hưởng đến quá trình di trú tại quốc gia của mình không? Nếu câu trả lời là có, tôi tự hỏi những yếu tố này liên quan tới nhau như thế nào? Có dữ liệu nào không? Nhà nước có quy định gì để bảo vệ cho những người bị ảnh hưởng không? Nhân cơ hội này, tôi cũng muốn hỏi ngài sự nhận thức về công lý khí hậu tại một quốc gia ít có đóng góp vào cuộc khủng hoảng khí hậu tuy nhiên lượng khí thải đang tăng nhanh và đồng thời cũng đang phải gánh chịu những hậu quả nghiêm trọng của vấn đề này.

Xin cảm ơn trước về phúc đáp của ngài.

Trân trọng,

Beatriz Felipe Pérez



Dr. Van Pham Dang Tri



Mr. Nguyen Thanh Loc



Ms. Le Hoang Hai Anh



Ms. Ho Pham Kim Oanh



PRIMERA CARTA DE DRAGON TEAM A BEATRIZ FELIPE

Ông Văn Phạm Đăng Trí hiện là Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu, Đại học Cần Thơ, Việt Nam. Ông là chuyên gia nghiên cứu toàn diện về quản lý đồng bằng, đặc biệt là tác động của biến đổi khí hậu tới hệ thống đồng bằng toàn cầu, với trọng tâm là Đồng bằng sông Cửu Long. Ông đã tham gia nhiều dự án cấp quốc gia và quốc tế với vai trò điều phối dự án hoặc cố vấn chuyên môn.

Trong dự án này, GS. Phạm Văn Đăng Trí đã cùng cộng tác với ba nhà nghiên cứu khác của Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu thuộc trường Đại học Cần Thơ là Nguyễn Thành Lộc, Lê Hoàng Hải Anh và Hồ Phạm Kim Oanh.

Van Pham Dang Tri es actualmente el subdirector del Instituto de Investigación sobre el Cambio Climático de la Universidad de Can Tho, Vietnam. Se centra en la investigación integral de la gestión del delta, especialmente los efectos del cambio climático en el sistema del delta global, con enfoque en el delta del Mekong. Trabaja como gerente de proyectos o asesor técnico en varios proyectos nacionales e internacionales.

En este proyecto, el profesor Van Pham Dang Tri ha contado con la colaboración de tres investigadores del Instituto sobre el Cambio Climático de la Universidad de Can Tho, Nguyen Thanh Loc, Le Hoang Hai Anh y Ho Pham Kim Oanh.

Kính gửi bà Beatriz Felipe Pérez,

Trước tiên, xin cảm ơn bà về những câu chuyện rất đáng quý mà bà đã gửi cho chúng tôi trong lá thư vừa qua. Sự quan tâm cùng trải nghiệm từ các hoạt động của bà về môi trường thật sự thú vị đối với chúng tôi. Xin giới thiệu với bà, nhóm chúng tôi hiện đang hoạt động với tư cách là những nhà nghiên cứu về môi trường của Việt Nam nói chung và khu vực ĐBSCL nói riêng. Mỗi thành viên trong nhóm chúng tôi là những mảnh ghép cùng chung niềm đam mê và mối quan tâm đến thiên nhiên và con người. Điều đặc biệt ở lá thư này chính là sự kết hợp những suy nghĩ, tâm tư của từng cá thể riêng biệt có chung niềm đam mê, mối quan tâm đến thiên nhiên và con người.

Tôi là Nguyễn Thành Lộc, một người con của đất Cần Thơ, sinh ra và lớn lên trong một gia đình bình dân tại một khu phố nhỏ trong lòng thành phố. Thành phố Cần Thơ nằm dọc bên bờ sông Hậu hiền hoà, xinh đẹp. Những năm gần đây, Lộc đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của thành phố lớn nhất khu vực ĐBSCL về nhiều mặt, song cũng kéo theo nhiều hệ lụy về môi trường. Tình trạng ngập lụt ảnh hưởng rất lớn đến đời sống người dân địa phương do quá trình mở rộng đô thị chưa được hoạch định rõ ràng và hệ thống thoát nước xuống cấp. Người dân sống ven sông còn phải đối mặt với tình trạng sạt lở. Là một người con của đất Cần Thơ, Lộc rất băn khoăn và trăn trở đi tìm giải pháp để cải thiện các vấn đề môi trường của địa phương. Đây cũng là động lực để Lộc gắn bó với ngành môi trường với mong muốn góp phần cải thiện môi trường và phát triển cộng đồng.

Tôi là Lê Hoàng Hải Anh, cô gái đến từ tỉnh Bến Tre, một tỉnh ven biển được hình thành do phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long bồi tụ gồm sông Tiền, sông Ba Lai, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên. Từ những ngày thơ bé, tôi đã chứng kiến được hành trình mưu sinh bằng nghề nuôi tôm của ba mẹ tôi. Tuy nhiên, hiện nay đa số những người trẻ tuổi ở nơi đây không còn tha thiết trong việc làm nông nữa, họ cố gắng học tập và chuyển đến các thành phố lớn để có thể tìm được một công việc có thu nhập tốt hơn vì họ nghĩ rằng canh tác nông nghiệp hiện nay có nhiều rủi ro, vất vả nhưng thu nhập lại không cao. Sinh ra và lớn lên ở mảnh đất xứ dừa, chúng kiến được nhiều sự thay đổi ở vùng quê của mình và cũng mong muốn chung tay góp phần nâng cao điều kiện sống của quê hương chính là lý do để tôi theo đuổi đam mê nghiên cứu về thiên nhiên và con người.

Tôi là Hồ Phạm Kim Oanh, được sinh ra ở tỉnh Sóc Trăng, một tỉnh ven biển thuộc ĐBSCL và được nuôi lớn từ cây lúa bởi bàn tay của cha và mẹ. Cây lúa chính là nguồn kinh tế chính của gia đình tôi từ trước đến nay. Nhưng từ nhiều năm trở lại đây, gia đình tôi gặp khá nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp. Thời tiết và điều kiện tự nhiên thay đổi thất thường làm cho sản lượng lúa thu hoạch giảm. **Chính điều đó đã làm động lực thúc đẩy tôi theo đuổi lĩnh vực môi trường, muốn tìm hiểu rõ hơn về nguyên nhân, diễn biến thất thường của thời tiết như hiện nay để trong tương lai tôi có thể phần nào hỗ trợ gia đình cũng như quê nhà thích ứng tốt hơn với những biến đổi của khí hậu.**

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) chính là lựa chọn lý tưởng và phù hợp nhất để chúng tôi học tập, trau dồi kiến thức về môi trường thiên nhiên và con người. Trường ĐHCT được xem là một trong những trường đại học có quy mô và uy tín nhất ĐBSCL với các chương trình đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực như nông - lâm - ngư nghiệp - sinh. Sau khi tốt nghiệp, chúng tôi may mắn được làm việc tại Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu của Trường ĐHCT, là cơ hội quý giá để nghiên cứu sâu hơn về tác động của thiên tai tại các khu vực khác nhau của ĐBSCL. Các kết quả nghiên cứu về đặc tính thủy văn cho thấy lượng nước mùa mưa gia tăng kèm với các ảnh hưởng của thiên tai, trong khi mùa khô lại thiếu nước trầm trọng và bị ảnh hưởng nặng nề bởi xâm nhập mặn. Từ đó, chúng tôi nhận thức được vai trò quan trọng của công tác quản lý tài nguyên nước. Hiện nay, thông qua các nghiên cứu về thích ứng với biến đổi khí hậu, chúng tôi đang tập trung nâng cao khả năng hỗ trợ ra quyết định về quản lý tài nguyên nước của các bên liên quan và nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng từ đô thị đến khu vực nông thôn và ven biển đồng bằng. Qua đó, sẽ góp phần kết nối hợp tác giữa các nhà ra quyết định trong việc quản lý tài nguyên nước. Sự quản lý bền vững sẽ tạo điều kiện cân bằng nguồn nước giữa các khu vực làm giảm thiểu tình trạng khai thác nước không bền vững và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, chúng tôi cũng tìm hiểu về mối quan hệ giữa nước biển dâng và vấn đề di cư. Qua quan sát và tìm hiểu trong các chuyến thực tế, chúng tôi thấy rằng quá trình đô thị hóa và việc nuôi trồng thủy sản ồ ạt đã thu hẹp diện tích đất canh tác nông



Người lao động từ ĐBSCL quay lại các thành phố lớn để làm việc sau các kỳ nghỉ lễ, Tết (Nguồn: Báo Công An Nhân dân)



nghiệp và rừng phòng hộ tại ĐBSCL. Sự thiếu bền vững trong đánh bắt đã làm nguồn lợi thủy sản giảm nghiêm trọng. Nhiều tác động xấu đến môi trường đã được chúng tôi ghi nhận như tình trạng sạt lở tại các khu vực ven biển tại Cà Mau, xâm nhập mặn đang dẫn tiến sâu hơn vào đất liền và những vùng ngọt hóa,... đã đe dọa đến cuộc sống của người dân và tác động đến vùng sản xuất nông nghiệp, hệ thống cấp nước. Kết quả là ngày càng nhiều người dân phải di cư đến các thành phố lớn như TP. Hồ Chí Minh và khu vực Đông Nam Bộ để tìm kiếm việc làm và làm ảnh hưởng đến nguồn lực lao động của đồng bằng. Mặc dù các yếu tố kinh tế và nhân khẩu học là nguyên nhân chủ yếu của di cư tại Việt Nam, nhưng những bằng chứng hiện có cho chúng tôi thấy rằng suy thoái môi trường đang đóng vai trò ngày càng lớn, các yếu tố môi trường bao gồm hiện tượng thời tiết cực đoan làm mất mùa, sinh kế trở nên khó khăn hơn đã gián tiếp tác động đến quyết định di dân tại Việt Nam.

Hiện nay, nhà nước Việt Nam đã dành nhiều sự quan tâm đối với người dân bị ảnh hưởng do BĐKH. Cụ thể, nhiều chương trình tái định cư cho người dân ở vùng sạt lở giúp người dân có nơi định cư ổn định hơn nhưng vẫn đảm bảo duy trì nguồn thu nhập và sinh kế trước đây cho họ. Ngoài ra, nếu người di cư đồng ý tái định cư, họ sẽ được cấp chứng nhận quyền sử dụng lô đất được cấp cũng như được cấp một khoản vay để xây nhà mới theo chính sách của nhà nước. Bên cạnh đó, nhà nước đã ban hành một số các văn bản quy phạm pháp luật để bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ cho những người buộc phải di dời chỗ ở do ảnh hưởng của BĐKH.

Chúng tôi hi vọng với các thông tin được chia sẻ như trên đã giúp bà hiểu rõ hơn về những vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên nước và di trú tại Việt Nam cũng như ĐBSCL thân yêu của chúng tôi. Do lĩnh vực nghiên cứu của chúng tôi chưa liên quan đến sự nhận thức về công lý khí hậu nên không thể phản hồi về điều này, rất mong bà thông cảm và chúng tôi cũng mong có cơ hội để tìm hiểu thêm về vấn đề này trong những nghiên cứu tiếp theo. Nhân cơ hội này, bà có thể cho chúng tôi biết về những tác động của Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã ảnh hưởng đến kinh tế-xã hội ở Tây Ban Nha không? Công tác quản lý rủi ro thiên tai và các biện pháp ứng phó BĐKH tại Tây Ban Nha được thực hiện như thế nào? Chúng tôi cũng thừa nhận rằng chủ đề **Quyền con người được sử dụng Nước và Hệ thống vệ sinh** rất đáng được quan tâm. Do đó, với góc độ nghiên cứu của bà và qua các thông tin chúng tôi đã chia sẻ, theo bà chúng ta có thể hợp tác phát triển về chủ đề này như thế nào?

Chúng tôi xin cảm ơn và rất mong nhận được hồi âm từ bà.

Trân trọng,
Tiến sĩ Văn Phạm Đăng Trí
 cùng các thành viên trong nhóm Dragon Team

Estimada señora Beatriz Felipe Pérez:

Antes de nada, permítanos transmitirle nuestro agradecimiento por las valiosas historias que ha compartido con nosotros en su carta. Nos resulta realmente interesante conocer su interés y experiencias en el medio ambiente. Permítame que nos presentemos: somos un grupo de investigadores del medio ambiente de Vietnam, en general, y de la región del Delta del Mekong, en particular. Cada miembro del equipo es una pieza que comparte la misma pasión e interés por la naturaleza y el ser humano. Lo especial de esta carta es la combinación de nuestros pensamientos y sentimientos, ya que compartimos la misma pasión e interés por la naturaleza y las personas.

Me llamo Nguyen Thanh Loc, nacido en el seno de una familia de clase media y criado en un barrio pequeño de Can Tho. La ciudad de Can Tho se encuentra a lo largo de las orillas del tranquilo y bonito río Hau. En los últimos años, he sido testigo de un fuerte desarrollo en muchos aspectos, pero con muchas consecuencias medioambientales en la ciudad más grande de la región del Delta del Mekong. Debido a la poca planificación en la expansión urbana y al deterioro del sistema de drenaje, las inundaciones han afectado gravemente la vida de la población local. Las personas que viven a orillas del río también tienen que enfrentarse a los deslizamientos de tierra. Siendo un hijo

de la tierra de Can Tho, estoy muy preocupado y ansioso por hallar soluciones para mejorar los problemas medioambientales locales. Esta es la motivación de mi compromiso con el medio ambiente y el desarrollo comunitario.

Soy Le Hoang Hai Anh, procedente de Ben Tre, una provincia costera formada por el aluvión de los 4 brazos del río del Mekong: río Tien, río Ba Lai, río Ham Luong y río Co Chien. De pequeña, observaba cómo mis padres se ganaban la vida con el cultivo de gambas. Sin embargo, ahora la mayoría de los jóvenes locales ya no están interesados en la agricultura, intentan estudiar y mudarse a las grandes ciudades con la esperanza de encontrar un trabajo con una mejor remuneración, pensando que la agricultura tiene muchos riesgos y dificultades y está mal pagada. Haber nacido, crecido y sido testigo de tanto cambio en esta tierra de cocos, junto con el deseo de contribuir humildemente en la mejora de las condiciones de vida del pueblo explican mi pasión por investigar la naturaleza y el ser humano.

Soy Ho Pham Kim Oanh, nacida en Soc Trang, una provincia costera del Delta del Mekong, y criada alimentada con arroz producido por mis padres. El cultivo de arroz ha sido la principal fuente económica de mi familia. Pero en los últimos años, hemos tenido que enfrentarnos a muchas dificultades en la



Người dân ĐBSCL chịu thiệt hại nặng nề do tình trạng xâm nhập mặn, đặc biệt là vào năm 2016 và năm 2020 (Nguồn: Báo điện tử VNExpress)

producción agrícola. Los erráticos cambios en el clima y en los ecosistemas han provocado la reducción del rendimiento del arroz cosechado. **Esto me ha motivado a dedicarme al sector medioambiental, con el fin de estudiar más las causas y el desarrollo errático del clima en la actualidad para que en un futuro pueda ayudar a mi familia y a mi pueblo a mejor adaptarse al cambio climático.**

La Universidad de Can Tho (UCT) era la opción ideal y más apropiada para que estudiáramos, perfeccionáramos nuestros conocimientos sobre el entorno natural y humano. La UCT es considerada una de las universidades más grandes y prestigiosas en el Delta del Mekong, ofreciendo programas de formación e investigación multidisciplinarios sobre agricultura, silvicultura, pesca. Después de graduarnos, tuvimos la suerte de trabajar en el Instituto de Cambio Climático de la CTU, que constituía una valiosa oportunidad para estudiar en profundidad los impactos de los desastres naturales en diferentes áreas del Delta del Mekong. Los resultados obtenidos en las investigaciones sobre las características hidrográficas muestran que el aumento de la cantidad de agua en la temporada de lluvia intensifica los efectos de los desastres naturales, mientras que la temporada seca se ve muy afectada por la escasez de agua y la intrusión de agua salina. Desde entonces, hemos sido conscientes del importante papel que desempeña la gestión de los recursos hídricos. Actualmente, a través de las investigaciones sobre la adaptación al cambio climático, nos estamos centrando en

mejorar la capacidad para apoyar la toma de decisiones en la gestión de los recursos hídricos por las partes interesadas y mejorar la resiliencia comunitaria de las zonas urbanas, rurales y costeras del Delta.

De este modo, contribuimos a la conexión y cooperación entre los responsables de la gestión de los recursos hídricos. La gestión sostenible facilitará un equilibrio de los recursos hídricos entre las regiones, reduciendo la extracción de agua de manera insostenible y mitigando los impactos del cambio climático. Estudiamos también la relación entre el aumento del nivel del mar y las migraciones. Gracias a la observación y estudio durante nuestros viajes y trabajos de campo, nos hemos dado cuenta de que el proceso de urbanización y la acuicultura masiva han reducido el área de tierra agrícola y los bosques de protección en el Delta del Mekong. La pesca insostenible ha provocado una grave disminución de los recursos pesqueros. Se han registrado muchos impactos medioambientales negativos como deslizamientos de tierra en áreas costeras en Ca Mau, penetración de agua salada hacia el interior y en las zonas de agua dulce, etcétera, que amenazan la vida de los ciudadanos y afectan a las zonas de producción agrícola y al sistema de abastecimiento de agua. Como resultado, cada vez más personas migran a grandes ciudades como Ciudad Ho Chi Minh y a la región del sureste en búsqueda de trabajo y esto afecta a los recursos laborales de la zona del Delta. Aunque los factores económicos y demográficos son causas principales

de las migraciones en Vietnam, los datos disponibles nos muestran la importancia cada vez mayor de la degradación medioambiental y otros factores medioambientales, incluyendo los fenómenos meteorológicos extremos que provocan malas cosechas y dificultades económicas, y como todo ello está afectando de manera indirecta en la toma de decisiones de las personas que deciden migrar en Vietnam.

Actualmente, el gobierno vietnamita está prestando mucha atención a las personas afectadas por el cambio climático. Se han implementado muchos programas de reasentamiento para personas en áreas de deslizamientos de tierra, que les han ayudado a vivir en un lugar más estable, manteniendo sus fuentes de ingresos y medios de subsistencia anteriores. Asimismo, si los migrantes aceptan reasentarse, se les otorga un certificado de derecho de uso de tierras, así como un préstamo de acuerdo con las políticas estatales para que construyan una nueva casa. Además, se han promulgado una serie de medidas legales para proteger los derechos y apoyar a las personas que se ven obligadas a abandonar sus hogares debido al cambio climático.

Esperamos que esta información le haya ayudado a comprender mejor los problemas relacionados con el cambio climático, la gestión de los recursos hídricos y las migraciones tanto en Vietnam así como en nuestro querido Delta del Mekong. Dado que nuestro campo de estudio aún

no abarca la percepción de la justicia climática, esperamos su comprensión y deseamos tener oportunidad de investigar este asunto en nuestros próximos estudios. A propósito, ¿podría contarnos cómo afecta el cambio climático en España y su impacto social? ¿Cómo se implementan en España la gestión del riesgo de desastres y las medidas frente al cambio climático? También reconocemos que es necesario prestar atención al **Derecho Humano al Agua y el Saneamiento**. Por lo tanto, desde su perspectiva como investigadora y a través de la información que hemos compartido, ¿cómo podemos cooperar y desarrollar este tema?

Muchas gracias y estamos a la espera de su respuesta. Atentamente,

Doctor Van Pham Dang Tri con los otros miembros del Dragon Team.





SEGUNDA CARTA DE BEATRIZ PÉREZ AL DRAGON TEAM

Queridos Doctor Van Pham Dang Tri, Nguyen Thanh Loc, Le Hoang Hai Anh y Ho Pham Kim Oanh,

Gracias por los relatos compartidos en su carta. He aprendido mucho sobre la región del Delta del Mekong y sus desafíos particulares, así como de sus motivaciones personales y como grupo de investigación, lo que me ha servido de inspiración y de motivación para seguir trabajando por la conservación ambiental y la justicia social global ya que, **el medio ambiente no conoce de fronteras.**

En relación con sus inquietudes sobre las consecuencias del cambio climático en España y sus impactos sociales, les comento que, **de acuerdo con el IPCC, se espera que la cuenca mediterránea sea uno de los más vulnerables “climate hotspots”.** Independientemente del modelo y del escenario de emisiones, se prevé un claro aumento de las temperaturas en verano. También se espera que la Península Ibérica experimente incrementos de temperatura superiores a la media global. De acuerdo con el segundo Plan Nacional de Adaptación (2021-2030), en los próximos años en España nos enfrentaremos, entre otros impactos, a una disminución generalizada de la cantidad y calidad de los recursos hídricos

disponibles, diferentes afectaciones sobre la fauna y la flora (como cambios en la distribución de especies terrestres y acuáticas y la expansión de especies exóticas invasoras), deterioro generalizado de los ecosistemas, aumento del peligro de incendios y aumento del riesgo de desertificación.

Aquí la crisis climática y ambiental global también está cada vez más presente e induce diferentes formas de movilidad humana en el país. Por ejemplo, un joven cabrero explicaba en un reportaje de *Euronews* publicado en 2020 que los incendios que asolaron la Sierra de Gata en 2015 lo dejaron sin empleo al morir muchas de las cabras de su rebaño. Por este motivo, tuvo que marcharse en busca de una nueva forma de ganarse la vida y terminó trabajando como pastor en Francia y Suiza, cuidando los rebaños de otras personas.

Uno de los casos estudiados en uno de los primeros proyectos europeos sobre movilidad humana y cambio climático (*Each for Environmental Change and Forced Migration Scenarios*) se centró en el sureste de España, concretamente en Almería y regiones de Murcia. Según los resultados de este estudio, la degradación ambiental, las limitaciones de la agricultura tradicional (especialmente en relación con el agua), la pobreza y

el escaso desarrollo económico ya indujeron la migración hacia otras regiones del país en los años sesenta. Las y los autores del estudio resaltan la importancia de tomar medidas urgentes para no continuar permitiendo las actividades que agravan la sobreexplotación del agua y de la tierra en la región y así evitar la movilidad humana forzada.

De acuerdo con los datos del Centro para el Monitoreo del Desplazamiento Interno (IDMC), España fue el segundo país de Europa y Asia Central con mayor número de desplazamientos internos asociados a desastres en 2019. En 2020 la tormenta Gloria desplazó a más de 2.200 personas en suroeste de Francia y el este de España, donde fallecieron 14 personas. En total, según los datos del IDMC, en 2020 tuvieron lugar 15.293 nuevos desplazamientos internos asociados a desastres, la mayoría relacionados con inundaciones.

Como vemos, los desastres y los impactos de la crisis climática ya están afectando a España y están teniendo consecuencias para la vida de las personas. En este sentido, también es importante resaltar dos aspectos en términos de justicia social y global, ya que el cambio climático afecta a todas las personas, pero no por igual. Por un lado, quienes más sufren los impactos

de la crisis climática son quienes se encuentran en situación de pobreza, se enfrentan a discriminación por motivos de raza y/o género o quienes se encuentran en una situación administrativa irregular. Por lo general, cuentan con menos recursos y tienen mayores limitaciones para poder hacerles frente. Por otro lado, no podemos olvidarnos de la responsabilidad de España que, como país industrializado que forma parte del Norte global, también ha contribuido en gran medida a esta crisis de dimensiones globales. Por tanto, le corresponde actuar para reconocer y proteger no solamente a sus habitantes, sino a las personas que, en otros lugares del mundo, también están teniendo que huir, directa o indirectamente, de los impactos climáticos en conjunción con otros factores.

Este año 2021 se adoptó la Ley de Cambio Climático y Transición Energética, lo que supuso un paso importante, ya que tiene como finalidad asegurar el cumplimiento de los objetivos del Acuerdo de París. Sin embargo, a la Ley le falta ambición para hacer frente a los retos a los que nos enfrentamos. Además, no incluye ninguna referencia a la movilidad humana inducida por el cambio climático. En relación con el Derecho humano al agua y al saneamiento, las Naciones Unidas reconocieron este derecho en 2010 a través de la resolución 64/292. Justamente, la crisis



climática supone una amenaza para este derecho pues influye en la cantidad y calidad de agua disponible y esto, sumado a una gestión ineficiente e injusta puede afectar especialmente a las personas en situación de mayor vulnerabilidad.

Tras leer su carta y conocer mejor los escenarios en el Delta del Mekong, creo que tenemos muchos aspectos en común en nuestros ámbitos de investigación que podemos explorar conjuntamente y desarrollar. Bajo mi punto de vista, quizás sería interesante identificar los lugares más vulnerables a los impactos de la crisis climática en ambos países, especialmente en relación con el agua. También se podría analizar no solamente en qué medida están induciendo la migración de las personas, sino también visibilizar quienes son las más afectadas en función de variables económicas, de género, etc. Quizás también podríamos estudiar y comparar la normativa climática y migratoria en ambos países e identificar los puntos fuertes y débiles, para aprender mutuamente.

En este sentido, me gustaría conocer más detalles acerca de la garantía del derecho humano al agua y al saneamiento en Vietnam, ¿está reconocido constitucionalmente? También me gustaría preguntarles sobre el contexto en los países vecinos, ¿hay movimientos de población hacia Vietnam inducidos por las consecuencias de la crisis climática y ambiental global? Asimismo, aprovecho para solicitarles si podrían profundizar sobre los programas de reasentamiento para las personas vulnerables que se localizan en las áreas de deslizamientos de tierra y que se reubican, así como por más detalles sobre la normativa que comentan en su carta que se ha establecido para proteger los derechos y apoyar a las personas que se ven obligadas a abandonar sus hogares debido al cambio climático.

Muchas gracias de antemano por su amable respuesta.

Abrazos,

Beatriz Felipe Pérez

Kính gửi Tiến sĩ Văn Phạm Đăng Trí, Nguyễn Thành Lộc, Lê Hoàng Hải Anh và Hồ Phạm Kim Oanh,

Cảm ơn các bạn vì đã chia sẻ với tôi những câu chuyện qua lá thư trước. Nhờ bức thư tôi đã biết được nhiều điều về khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và những thách thức các bạn đang phải đối mặt cũng như động lực mang tính cá nhân của các bạn hay với tư cách là một nhóm nghiên cứu. Điều này đã truyền cảm hứng và động viên tôi tiếp tục các hoạt động bảo tồn môi trường và vì công bằng xã hội toàn cầu, và cũng vì **môi trường chính là vấn đề không biên giới**.

Liên quan đến mối quan tâm của các bạn về hậu quả của biến đổi khí hậu ở Tây Ban Nha và các tác động xã hội của vấn đề này, tôi xin được thông tin rằng **theo IPCC, lưu vực Địa Trung Hải dự kiến sẽ là một trong những “điểm nóng khí hậu” mong manh nhất**. Bất kể với mô hình và kịch bản phát thải nào, nhiệt độ dự kiến sẽ tăng lên rõ rệt vào mùa hè. Nhiệt độ tại bán đảo Iberia cũng được cho là sẽ tăng trên mức trung bình toàn cầu. Theo

Kế hoạch Thích ứng Quốc gia lần thứ hai (2021-2030), trong số những tác động từ biến đổi khí hậu chúng tôi phải đối mặt trong những năm tới ở Tây Ban Nha, nổi trội là sự sụt giảm tổng thể về số lượng và chất lượng của các nguồn nước sẵn có, các tác động khác nhau đối với động và thực vật (chẳng hạn như tình trạng thay đổi phân bố của các loài trên cạn và dưới nước và sự bành trướng của các loài ngoại lai xâm hại), sự suy giảm trên diện rộng của các hệ sinh thái, tăng nguy cơ hỏa hoạn và nguy cơ sa mạc hóa.

Ở Tây Ban Nha, khủng hoảng khí hậu và môi trường toàn cầu cũng ngày một rõ rệt và gây ra các hình thức di dân trên phạm vi cả nước. Ví dụ, trong báo cáo của Euronews xuất bản năm 2020, một người chăn dê trẻ tuổi đã kể lại rằng trận hỏa hoạn tàn phá Sierra de Gata hồi năm 2015 đã làm đàn dê của anh chết rất nhiều và do đó anh ta thất nghiệp. Vì vậy anh ta phải rời nhà đi tìm cách thức kiếm sống khác rồi cuối cùng trụ lại với công việc chăn cừu ở Pháp và Thụy Sĩ, chăm sóc đàn gia súc cho người khác.

Một trong nhiều trường hợp được nghiên cứu thuộc một trong những dự án đầu tiên của châu Âu về vấn đề di cư của con người và biến đổi khí hậu (các Kịch bản về Biến đổi Môi trường và Di cư Bất buộc) tập trung vào khu vực đông nam của Tây Ban Nha, đặc biệt là Almería và Murcia. Theo kết quả của nghiên cứu này, môi trường suy thoái cộng thêm những hạn chế của nông nghiệp truyền thống (đặc biệt khi liên quan đến nước), nghèo đói và kinh tế kém phát triển đã dẫn đến việc con người di cư đến các vùng khác của Tây Ban Nha trong những năm sáu mươi. Nhóm tác giả nghiên cứu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc triển khai các biện pháp khẩn cấp nhằm ngăn chặn các hoạt động làm trầm trọng thêm vấn nạn khai thác nước và đất quá mức trong khu vực và qua đó không để xảy ra tình trạng di cư cưỡng bức.

Theo dữ liệu từ Trung tâm Giám sát Hoạt động Di cư Nội địa (IDMC), Tây Ban Nha là quốc gia đứng thứ hai ở châu Âu và Trung Á về số lượng người di cư trong nước liên quan đến thiên tai vào năm 2019. Năm 2020, cơn bão Gloria đã khiến hơn 2.200 người phải di tản ở Tây Nam nước Pháp và miền Đông Tây

Ban Nha, nơi có 14 người thiệt mạng. Tổng cộng, theo số liệu của IDMC, vào năm 2020, có 15.293 trường hợp di cư nội địa mới liên quan đến thiên tai, phần lớn do ảnh hưởng từ lũ lụt.

Như chúng ta có thể thấy, thiên tai và tác động của khủng hoảng khí hậu đã và đang ảnh hưởng đến Tây Ban Nha và cuộc sống của người dân. Chính vì vậy, cũng cần nêu bật hai khía cạnh về công bằng xã hội và công bằng toàn cầu, vì biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến tất cả mọi người nhưng theo nhiều cách khác nhau. Một mặt, **những người chịu nhiều tác động nhất của khủng hoảng khí hậu là những người ở trong tình trạng nghèo đói, bị phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc và/hoặc giới tính hoặc những người trong tình trạng hành chính bất thường**. Nói chung, họ có ít nguồn lực hơn và gặp nhiều hạn chế hơn trong việc đối phó với các vấn đề khí hậu. Mặt khác, chúng tôi không thể quên trách nhiệm của Tây Ban Nha vì, với tư cách là một quốc gia công nghiệp phát triển nằm ở Bắc Bán cầu, chúng tôi cũng là tác nhân lớn của cuộc khủng hoảng có quy mô toàn cầu này. Do đó, Tây Ban Nha phải hành động để nhận thức và bảo

vệ không chỉ cư dân của mình mà còn cả người dân ở những nơi khác trên thế giới đang phải trốn chạy, trực tiếp hoặc gián tiếp, khỏi các tác động từ khí hậu cũng như từ những nguyên nhân khác.

Trong năm 2021, Luật Biến đổi Khí hậu và Chuyển đổi Năng lượng đã được thông qua. Đây là một bước quan trọng nhằm đảm bảo tuân thủ các mục tiêu của Thỏa thuận Paris. Tuy nhiên, Luật chưa đủ mạnh để giúp chúng ta đối mặt với với những thách thức hiện hữu. Hơn nữa, Luật cũng không bao gồm bất kỳ tham chiếu nào liên quan tới vấn đề di cư của con người do biến đổi khí hậu gây ra. Liên hợp quốc chỉ ít cũng đã công nhận quyền con người về nước và vệ sinh vào năm 2010 thông qua Nghị quyết

số 64/292. Khủng hoảng khí hậu thực tế lại đe dọa trực tiếp tới quyền này do gây ra ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng của nguồn nước sẵn có và điều này, cùng với công tác quản lý thiếu hiệu quả và không công bằng, có thể ảnh hưởng đặc biệt đến những người trong điều kiện dễ bị tổn thương hơn.

Sau khi đọc thư của các bạn và hiểu rõ hơn về các kịch bản ở Đồng bằng sông Cửu Long, tôi tin rằng chúng ta có nhiều điểm chung trong các lĩnh vực nghiên cứu mà chúng ta có thể cùng khám phá và phát triển. Theo quan điểm của tôi, có lẽ chúng ta nên quan tâm xác định những nơi dễ bị tổn thương nhất do tác động của khủng hoảng khí hậu ở cả hai quốc gia, đặc biệt là khủng hoảng liên quan đến nước. Cũng có thể cần phân tích

việc khủng hoảng đang thúc đẩy di cư ở mức độ nào và làm rõ những ai sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất dựa trên các biến số kinh tế, giới tính, v.v... Mặt khác, chúng ta cũng có thể nghiên cứu và so sánh các quy định về khí hậu và di cư ở cả hai quốc gia và xác định những điểm mạnh và điểm yếu, để từ đó học hỏi lẫn nhau.

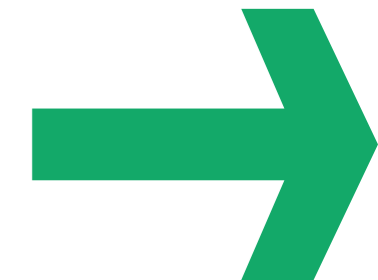
Chính vì vậy, tôi mong muốn các bạn chia sẻ thêm thông tin về vấn đề đảm bảo quyền con người về nước và vệ sinh ở Việt Nam, quyền này có được hiến pháp Việt Nam công nhận? Tôi cũng muốn hỏi các bạn về tình trạng ở các nước láng giềng, liệu có luồng di cư sang Việt Nam do hậu quả của khủng hoảng môi trường và khí hậu toàn cầu gây ra không? Ngoài ra, tôi muốn hỏi thêm chi tiết về các chương trình tái định cư cho người dễ bị tổn

thương ở những khu vực bị sạt lở đất và phải di dời; về các quy định đã được ban hành để bảo vệ quyền và hỗ trợ những người buộc phải rời bỏ nhà cửa do biến đổi khí hậu mà các bạn đã nêu trong thư.

Xin cảm ơn và mong nhận được hồi đáp của các bạn.

Gửi tới các bạn lời chào nồng nhiệt!

Beatriz Felipe Pérez





SEGUNDA CARTA DEL DRAGON TEAM A BEATRIZ FELIPE PÉREZ

Kính gửi bà Beatriz Felipe Pérez,

Chúng tôi rất vui khi nhận được thư hồi âm của bà và rất trân trọng với những chia sẻ của bà. Qua đó, chúng tôi biết thêm về tác động của biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng đến Tây Ban Nha cũng như mối quan tâm của bà về tình trạng người di cư do biến đổi khí hậu.

Liên quan đến những nơi dễ bị tổn thương nhất do tác động của khủng hoảng khí hậu tại Việt Nam, **vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được xem là một trong những vùng đồng bằng chịu tác động nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu và nước biển dâng.** Theo đó, những năm qua, khu vực ĐBSCL thường xuyên bị sạt lở (cả bờ sông và bờ biển), cũng như chịu tác động đáng quan ngại của hạn hán và xâm nhập mặn trong những năm gần đây; bên cạnh đó, triều cường và mưa, bão ngày càng bất thường và có xu hướng tác động ngày càng nhiều cả về mức độ nghiêm trọng và tần suất xuất hiện. Vào mùa khô, nước mặn tràn sâu vào nội đồng, đã làm thiếu hụt nguồn nước sản xuất và sinh hoạt. Nhiều diện tích cây ăn trái, diện tích nuôi trồng thủy sản (đặc biệt là thủy sản ngọt) và các công trình khai thác nước mặt bị thiệt hại nặng nề do xâm nhập mặn. Bên cạnh đó, tình trạng khai thác nước dưới đất quá mức, khiến mực nước hạ thấp sâu và bị xâm nhập mặn. Trong khi vào mùa mưa, tình trạng sạt lở xảy ra tại các khu vực ven sông, ven biển với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Tại các khu vực đô thị, người dân phải liên tục đối mặt với ngập lụt kết hợp với mưa và triều cường ảnh hưởng rất

lớn đến đời sống người dân cũng như phát triển kinh tế.

Thiên tai có thể được kể đến như là một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy quá trình di cư ở Việt Nam. Trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2015, Việt Nam đã có khoảng 2 triệu người phải lánh nạn do hậu quả của thiên tai (IDMC, 2016). Sau khi thiên tai qua đi, một số người dân đã lựa chọn quay trở về nơi ở cũ và tiến hành sửa chữa hoặc xây lại nhà cửa để tiếp tục duy trì cuộc sống. Tuy nhiên, mức độ tổn thương mà họ phải gánh chịu vẫn còn rất cao vì khu vực sinh sống của họ vẫn thường xảy ra thiên tai. **Theo nghiên cứu của Mạng lưới Di cư Mekong (MMN) được thực hiện tại thành phố Cần Thơ, khí hậu thay đổi một cách cực đoan đã ảnh hưởng nặng nề tới đời sống của người dân địa phương,** buộc người dân phải rời bỏ quê hương để đến những trung tâm đô thị lớn của Việt Nam để làm việc và phụ giúp kinh tế cho gia đình. Trái ngược với các lợi ích về kinh tế, hiện tượng di dân có thể gây nhiều tác động đối với trẻ em khi phải đối mặt với cuộc sống xa cách gia đình khi cha mẹ phải đi làm việc ở nơi khác, quá trình học tập bị gián đoạn và thiếu sự quan tâm giúp đỡ từ cha mẹ. Ngoài ra, những gia đình có người di cư đều để lại tác động đối với những người ở lại, bao gồm cả người già và phụ nữ ở độ tuổi trung niên. Những người ở lại này vừa phải làm việc vừa phải trông nom, nuôi dạy con cái của những người di cư. Mặt khác, người dân di cư cũng gặp nhiều khó khăn về điều kiện ăn ở tại các thành phố. Một số trường hợp người dân di cư không có hộ khẩu thường trú cũng như việc làm ổn định và dễ bị lạm dụng cả về mặt thể chất và

ting thần. Trong thực tế, người nhập cư thường có trình độ tay nghề thấp hơn so với người dân thành phố; đây là một phần lý do họ được trả lương thấp hơn so với mặt bằng thu nhập chung, nhất là đối với người nhập cư là phụ nữ và dân tộc thiểu số. Ngoài ra, vấn đề di cư từ các nước láng giềng vào Việt Nam là rất ít. Hầu hết những người di cư về Việt Nam là những người Việt Nam quay về sau khi kết thúc hợp đồng lao động ở nước ngoài. Bên cạnh đó, cũng có 1 số ít người nước ngoài nhập cư vào Việt Nam để làm việc ở các lĩnh vực liên quan đến ngành xây dựng, ngoại ngữ hoặc làm việc cho các tập đoàn đa quốc gia. Tuy nhiên, nguyên nhân nhập cư của họ không phải do khủng hoảng môi trường mà là họ yêu thích môi trường sống ở Việt Nam hay do nhu cầu của công việc.

Hiện nay, Chính Phủ và chính quyền địa phương đã và đang có nhiều chương trình hỗ trợ người dân dễ bị tổn thương tái định cư tại những khu vực bị sạt lở và được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật như Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 87 Luật Đất đai năm 2013. Những quy định này đã và đang hỗ trợ tái định cư và ổn định đời sống và sản xuất của người dân. Tại vùng ĐBSCL, các dự án tái định cư hầu hết đều thực hiện tái định cư cho các hộ gia đình dựa trên tinh thần tự nguyện để về nơi sống ổn định hơn như các cụm tuyến dân

cư an toàn trên đê hoặc cách xa bờ biển. Các dự án tái định cư thường đi kèm với các biện pháp bảo vệ khu dân cư khỏi các tác động của áp lực môi trường cùng với các kế hoạch tổng thể dài hạn hơn để xây dựng cơ sở hạ tầng. Ngoài các chương trình hỗ trợ người dân tái định cư, chính phủ Việt Nam cũng rất quan tâm đến việc đảm bảo quyền con người về nước và vệ sinh. Trong pháp luật Việt Nam hiện hành, quyền con người đã được ghi nhận tại Điều 51 Hiến pháp, trong đó quy định: **“Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”**. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tán thành với các nghị quyết của của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc “Quyền của con người về nước và vệ sinh” (A/RES/64/292), “Quyền của con người về nước uống an toàn và vệ sinh” (A/RES/68/157).

Trên đây là các phản hồi mà chúng tôi muốn cung cấp đến bà. Chúng tôi rất mong sẽ có dịp hợp tác nghiên cứu khoa học với bà trong thời gian sắp tới.

Chúc bà thật nhiều sức khỏe!

Trân trọng,

**Tiến sĩ Văn Phạm Đăng Trí
cùng các thành viên trong nhóm Dragon Team**



Estimada señora Beatriz Felipe Pérez,

Nos complace recibir su respuesta y agradecemos sus comentarios. Gracias a ello, sabemos más sobre el impacto del cambio climático en España así como sus preocupaciones sobre la situación de los migrantes causados por el cambio climático.

En cuanto a los lugares más vulnerables afectados por la crisis climática en Vietnam, **el Delta del Mekong es considerado uno de los deltas más afectados por el cambio climático y el aumento del nivel del mar.** En consecuencia, en los últimos años, la zona del Delta del Mekong se ha visto afectada regularmente por los deslizamientos de tierra (tanto en las orillas de los ríos como en las costas), y ha sufrido el preocupante impacto de la sequía y la intrusión de agua salada. Además, las marejadas, las lluvias y las tormentas son cada vez más inusuales y tienden a afectar más gravemente y con mayor frecuencia. En la estación seca, el agua salada penetra profundamente en el interior, lo que ha provocado una escasez de agua para la producción y uso cotidiano. Muchas áreas de árboles frutales, de acuicultura (especialmente de agua dulce) y de extracción de aguas superficiales están resultando muy dañadas por la intrusión de agua salada. Asimismo, la sobreexplotación de las aguas subterráneas ha provocado el descenso del nivel de agua y la intrusión salina. Mientras tanto, durante la temporada de lluvias se producen deslizamientos de tierra en las zonas ribereñas y costeras cada vez peores. Las zonas urbanas, se enfrentan constantemente a inundaciones combinadas con lluvias y marejadas que afectan en gran medida a la vida de la gente, así

como al desarrollo económico.

Los desastres naturales se pueden considerar como un motivo importante en las migraciones en Vietnam. En el período de 2008 a 2015, se registraron unos 2 millones de personas desplazadas por desastres naturales en Vietnam (IDMC, 2016). Suele ocurrir que tras el desastre natural, algunas personas optan por regresar a sus antiguos hogares y llevar a cabo reparaciones o reconstruir sus casas para continuar con sus vidas. Sin embargo, el nivel de vulnerabilidad que deben soportar sigue siendo muy alto ya que la zona donde viven suele estar sujeta a desastres naturales. **Según estudios de la Red de Migración del Mekong (MMN) realizados en la ciudad de Can Tho, el cambio climático extremo ha afectado gravemente la vida de la población local,** obligando a sus ciudadanos a abandonar su ciudad natal y acudir a los grandes centros urbanos de Vietnam para trabajar y apoyar económicamente a su familia. En contraste con los beneficios económicos, la migración puede provocar muchos impactos significativos en los niños y niñas por vivir separados de la familia cuando sus padres tienen abandonar el hogar para trabajar en otro lugar, por tener que interrumpir el estudio o por la falta de atención de sus padres. Además, ello afecta también a quienes se quedan, incluidos los ancianos y las mujeres de mediana edad, que deben trabajar, cuidar y criar a los hijos al mismo tiempo. Por otro lado, las personas migrantes también se enfrentan a dificultades en las condiciones de alojamiento en las ciudades. En algunos casos, las personas migrantes no tienen una residencia permanente ni un empleo estable y son vulnerables a los abusos tanto

físicos como mentales. De hecho, estas personas cuentan a menudo con menos calificaciones que los habitantes de la ciudad; por ello, en parte, reciben un salario menor que la media, especialmente cuando son mujeres y minorías. Además, los movimientos migratorios de personas de países vecinos hacia Vietnam son prácticamente insignificantes. La mayoría de las personas que regresan a Vietnam son vietnamitas que vuelven al finalizar sus contratos de trabajo en el extranjero. Asimismo, también hay un pequeño número de extranjeros que emigran a Vietnam para trabajar en ámbitos relacionados con la industria de la construcción, la enseñanza de idiomas extranjeros o para trabajar en multinacionales. Sin embargo, el motivo de sus migraciones no se debe a la crisis medioambiental, sino porque les encanta la calidad de la vida en Vietnam o por necesidades de trabajo.

Actualmente, el Gobierno y las autoridades locales han ejecutado muchos programas para apoyar a las personas vulnerables a reasentarse en áreas afectadas por deslizamientos de tierra y se recogen en documentos legales como el Artículo 16 del Decreto número 47/2014/ND-CP y Cláusula 3, Artículo 87 de la Ley de Tierras de 2013. Estas regulaciones han estado apoyando el reasentamiento y la estabilidad de la producción y la vida de las personas. En el Delta del Mekong, se llevan a cabo la mayoría de los proyectos de reasentamiento basados en la voluntad de trasladar a lugares más estables, a áreas residenciales seguras construidas con diques o lejos de la costa. Los proyectos de reasentamiento, a menudo, van acompañados de medidas para proteger a los vecindarios de los efectos de

la presión medioambiental, junto con planes generales, a más largo plazo, para la construcción de infraestructuras. Además de los programas para apoyar al reasentamiento de las personas, el gobierno vietnamita también está muy interesado en garantizar el derecho humano al agua y al saneamiento. En la legislación vietnamita actual, los derechos humanos están reconocidos en el Artículo 51 de la Constitución, que estipula: **“Todos los ciudadanos son iguales ante la ley”.** Además, Vietnam también ha apoyado las resoluciones de la Asamblea General de las Naciones Unidas “Derecho humano al agua y al saneamiento” (A/RES/64/292), “Derecho humano al agua potable y al saneamiento” (A/RES/68/157).

Todo lo mencionado es lo que queremos compartir con usted. Esperamos tener la oportunidad de cooperar con usted en un futuro próximo.

Le deseamos muy buena salud.

Atentamente,

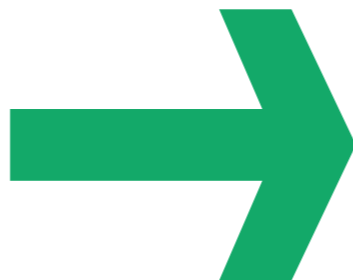
**Doctor Văn Phạm Đăng Trí
y miembros del grupo Dragon Team**





INVESTIGACIÓN CIENTÍFICA Y CAMBIO CLIMÁTICO

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



PRIMERA CARTA DE MARÍA JOSÉ SANZ A NGÔ ĐỨC THÀNH

Doctora en Ecofisiología, Universidad de Valencia (1991). Realizó estancias postdoctorales en la Arizona State University, US FOREST Service y JRC de Ispra. Fue coordinadora del Programa Efectos de la contaminación atmosférica y ciclo del carbono del Centro de Estudios Mediterráneos (CEAM) de 1993 a 2006; Coordinó la Unidad de asuntos sectoriales del Programa de Métodos, Datos y Análisis, Secretaría de la Convención Marco de las Naciones Unidas sobre el Cambio Climático (CMNUCC) (2007-2010) coordinando las negociaciones técnicas del Protocolo de Kioto sobre LULUCF, REDD+ y Agricultura; Directora Científica del Instituto de investigación en cambio climático de Zaragoza (I2C2) (2011); Coordinadora del Programa UNREDD en la FAO (2011-2015); actualmente es la Directora Científica del Centro Vasco de Cambio Climático (BC3) y Profesor Ikerbasque.

Tiene más de 300 publicaciones, la mayoría en las áreas de contaminación del aire y cambio climático. Colabora con el Fondo Verde, la FAO, el Banco Mundial, CMNUCC, entre otras instituciones.

Fue autora principal de más de 6 informes del IPCC, que obtuvo el Premio Nobel de la Paz en 2007. En 2019 obtuvo la Distinción al Mérito Científico de la Comunidad Valenciana.

María José Sanz tốt nghiệp tiến sĩ ngành sinh lý học môi trường tại Đại học Valencia (1991) và nghiên cứu sau tiến sĩ tại Đại học Bang Arizona, Cục Kiểm lâm Hoa Kỳ và Trung tâm nghiên cứu chung của Ủy ban châu Âu tại Ispra. Bà từng là Điều phối viên Chương trình nghiên cứu Tác động của Ô nhiễm không khí và Chu trình Carbon của Trung tâm Nghiên cứu Địa Trung Hải (CEAM) từ năm 1993 đến năm 2006; điều phối Ban phụ trách Phương pháp, Dữ liệu và Phân tích, Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) (2007-2010) thực hiện điều phối các cuộc đàm phán kỹ thuật của Nghị định thư Kyoto về Sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp LULUCF, Chương trình giảm phát thải khí nhà kính từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD+) và Nông nghiệp; Giám đốc Khoa học của Viện Nghiên cứu Biến đổi Khí hậu Zaragoza (I2C2) (2011); Điều phối viên của Chương trình hợp tác của LHQ về Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng ở các nước đang phát triển UNREDD tại FAO (2011-2015); và hiện đang là Giám đốc Khoa học của Trung tâm Biến đổi Khí hậu Basque (BC3) và Giáo sư của Quỹ phát triển khoa học Ikerbasque.

Bà đã công bố hơn 300 công trình nghiên cứu, chủ yếu là về các lĩnh vực ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu. Bà đã cộng tác với Fondo Verde, FAO, Ngân hàng Thế giới, UNFCCC, và nhiều tổ chức khác.

Bà là tác giả chính của hơn 6 báo cáo của Ủy Ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC), và cùng với đó nhận được Giải Nobel Hòa bình năm 2007. Năm 2019, bà đã nhận được Giải thưởng dành cho nhà Khoa học Xuất sắc của Cộng đồng tự trị Valencia.

LA INVESTIGACIÓN CIENTÍFICA Y EL CAMBIO CLIMÁTICO**Prof. Maria José Sanz****Directora Científica de BC3, Basque Centre for Climate Change***Carta 1*

Me gustaría iniciar esta conversación con una reflexión sobre el punto de inflexión en el que nos encontramos en lo que se refiere al papel del conocimiento y la “ciencia” en el abordaje del gran reto del cambio climático.

Es indudable que la ciencia ha sido, y sigue siendo, esencial para comprender el cambio climático, sus impactos y las medidas que se deberían tomar para combatirlo. Como queda patente en los recientes informes publicados por el Panel Intergubernamental sobre Cambio Climático (IPCC por sus siglas en inglés). Así, **el Informe especial sobre el calentamiento global de 1,5 grados, establece que limitar el calentamiento a 1,5 grados no es físicamente imposible, pero requeriría transiciones sin precedentes en todos los aspectos de la sociedad.** Y el Informe Especial sobre el Cambio Climático y la Tierra enfatiza que los suelos están bajo una presión humana creciente y que el cambio climático se suma a estas presiones. Ambos indican que los esfuerzos deben producirse en todos los sectores, e incluir cambios sistémicos, incluyendo el sistema alimentario.

Y que hay claros beneficios en mantener el calentamiento a 1,5 grados centígrados comparado con 2 grados centígrados o más. Los científicos podemos y debemos jugar un papel clave en procurar que el conocimiento necesario esté disponible.

De alguna manera nuestro conocimiento como investigadores ha contribuido a caracterizar este fenómeno global que es el cambio climático, durante más de 20 años hemos demostrado que es un fenómeno real e incluso que sus causas son antropogénicas. El último informe del Grupo I del IPCC lo afirma contundentemente y, lo que es más, nos reafirma en lo que ya sospechábamos: nos queda poco tiempo para corregir el rumbo de nuestro desarrollo como último causante de las emisiones de gases de efecto invernadero. Pero no se queda ahí, reconoce que los impactos son cada vez más intensos (y seguirán incrementándose) y más extendidos por todas las regiones.

No obstante, los debates sobre la mitigación del cambio climático, y las transformaciones que son necesarias para abordarlo, se han centrado en lo críticos que son los avances tecnológicos y mantener los niveles de desarrollo. En mi humilde opinión en parte derivado de la creciente fragmentación y aislamiento de las diferentes disciplinas científicas. A los científicos nos cuesta salir de nuestras parcelas de conocimiento debatir y aprender de otros colegas que dominan otros aspectos del conocimiento.

Esto se acentúa con el enorme crecimiento del conocimiento en cada una de las disciplinas científicas. Es por ello que, al pensar en soluciones climáticas muchos científicos a menudo se imaginan soluciones exclusivamente técnicas o muy ligadas a una única disciplina. Pero **hoy sabemos que las transformaciones que ya son ineludibles, son complejas y requieren de ser apoyadas por un conocimiento multidisciplinar.**

La ciencia reconoce que los impactos climáticos están golpeando con más fuerza y antes de lo que las evaluaciones climáticas indicaron hace una década. Por ello, es necesario que la ciencia pase a la acción, imaginando y ayudando a poner en marcha transformaciones que permitan transicionar hacia una sociedad más resiliente, sostenible y respetuosa con el planeta que nos alberga. ¿Cómo lo hacemos en un tiempo récord?. En primer lugar, debemos vincular mitigación y adaptación como dos caras de ya una única moneda. Y creo estaremos de acuerdo en que, en esta tesitura, **la colaboración entre las ciencias sociales y las ciencias naturales son clave para la proposición de soluciones climáticas efectivas,** así como para abordar los retos que los impactos que inevitablemente se puedan producir suponen. Y esta colaboración debe generarse desde el respeto, las diferentes capacidades y perspectivas que la multidisciplinariedad nos aporta, el coraje de abordar la complejidad de los sistemas físicos y socio-ecológicos.

Y si en principio, los científicos e ingenieros podrían implementar cualquiera de estas soluciones. ¿Pero deberían ellos? Para responder a esta pregunta, la sociedad necesita humanistas y sus tecnologías “blandas”, herramientas intangibles para resolver problemas basados en el conocimiento no científico. Los estudiosos de las humanidades y la cultura pueden inyectar conocimientos fundamentales. Los humanistas también pueden ayudar a los tomadores de decisiones a ver cómo la historia y la cultura afectan las opciones de futuro. Al aprovechar lo que mueve a las personas, el campo emergente de las humanidades ambientales puede ayudar a estimular la acción climática. Los estudiosos de historia, filosofía, estudios religiosos, literatura y medios de comunicación están explorando muchos aspectos de la relación de los humanos con la Tierra.

Creo que colaboraciones más fuertes entre las humanidades y las ciencias naturales son clave para soluciones climáticas efectivas, y para conjuntamente visionar una sociedad resiliente, inclusiva y respetuosa con el planeta. **En mi opinión, es hora de que los científicos, ingenieros y humanistas rompan estas barreras y aprecien el elemento humano del cambio climático global.**

Un atento saludo,
María J. Sanz



NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Giáo sư María José Sanz

Giám đốc Khoa học BC3, Trung tâm Biến đổi Khí hậu Basque

Lá thư thứ nhất

Tôi xin phép bắt đầu cuộc trao đổi của chúng ta bằng việc nhắc lại về thời điểm mang tính quyết định hiện nay, khi mà tri thức và “khoa học” có vai trò quan trọng trong việc giải quyết thách thức từ biến đổi khí hậu.

Khoa học đã và đang tiếp tục là phương tiện quan trọng để tìm hiểu về biến đổi khí hậu, các tác động và các biện pháp cần thiết để đối phó với hiện tượng này. Điều này đã được thể hiện rõ trong các báo cáo gần đây của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (tên viết tắt tiếng Anh là IPCC). Theo đó, **Báo cáo đặc biệt về sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5 độ cho biết việc hạn chế sự nóng lên ở mức 1,5 nói trên không phải là bất khả thi về mặt vật lý, nhưng sẽ đòi hỏi những chuyển đổi chưa từng có trong mọi khía cạnh xã hội.** Trong khi đó, Báo cáo Đặc biệt về Biến đổi Khí hậu và Trái đất nhấn mạnh rằng đất đai đang chịu áp lực ngày càng lớn từ con người và biến đổi khí hậu đang làm tăng thêm những áp lực này. Cả hai Báo cáo đều chỉ ra rằng chúng ta phải nỗ lực trong mọi lĩnh vực, bao gồm cả những thay đổi mang tính hệ thống, kể cả hệ thống thực phẩm. Việc giữ mức tăng nhiệt độ ở 1,5 độ C so với 2 độ C trở lên mang lại cho chúng ta những lợi ích rõ ràng. Các nhà khoa học có thể và nên là những người giữ vai trò quan trọng trong việc phổ biến

những kiến thức cần thiết.

Ở một mức độ nhất định, kiến thức mà chúng ta đóng góp với tư cách nhà nghiên cứu đã xác định hiện tượng toàn cầu này là biến đổi khí hậu. Trong hơn 20 năm qua, chúng ta đã chứng minh rằng đó là một hiện tượng có thật và thậm chí nguyên nhân của nó là do con người gây ra. Báo cáo mới nhất từ Nhóm công tác I của IPCC khẳng định mạnh mẽ điều này. Hơn thế, báo cáo còn tái khẳng định điều mà chúng ta nghi ngờ bấy lâu: chúng ta còn rất ít thời gian để điều chỉnh quá trình phát triển của mình, vốn là nguyên nhân chủ yếu gây ra phát thải khí nhà kính. Nhưng không dừng lại ở đó, báo cáo còn ghi nhận những tác động ngày càng nghiêm trọng (và còn tiếp tục gia tăng) và lan rộng trên toàn thế giới.

Tuy vậy, các cuộc tranh luận về giảm thiểu biến đổi khí hậu và những chuyển đổi cần thiết để giải quyết vấn đề này lại thường tập trung vào tầm quan trọng của tiến bộ công nghệ và duy trì mức độ phát triển. Theo ý kiến của riêng tôi, điều này một phần bắt nguồn từ sự phân mảnh, thiếu kết nối ngày càng tăng của các ngành khoa học khác nhau. Các nhà khoa học thường gặp khó khăn trong việc vượt ra khỏi địa hạt nghiên cứu của mình để thảo luận và học hỏi từ các đồng nghiệp khác, những người nắm vững các kiến thức chuyên biệt khác. Điều này diễn ra cùng với sự phát triển nhanh chóng của tri thức trong mỗi ngành khoa học. Đây là lý do khi nghĩ về các giải pháp khí hậu, nhiều nhà khoa học thường nghĩ tới các giải pháp mang thuần tính kỹ thuật hoặc gắn chặt với một chuyên ngành duy nhất. **Nhưng giờ đây**

chúng ta biết rằng những chuyển đổi này, vốn đã không thể tránh khỏi, rất phức tạp và cần được hỗ trợ bằng kiến thức đa ngành.

Khoa học thừa nhận rằng các vấn đề khí hậu đang tác động mạnh hơn và sớm hơn so với các đánh giá được chỉ ra trong thập kỷ trước. Do đó, khoa học cần hành động, hình dung và giúp khởi động các hoạt động chuyển đổi cho phép hướng tới một xã hội có khả năng phục hồi, bền vững và thân thiện hơn với hành tinh nơi chúng ta đang sinh sống. Làm thế nào để có thể thực hiện điều đó trong một thời gian ngắn? Đầu tiên, chúng ta phải gắn việc giảm thiểu tác động với việc thích ứng như hai mặt của một vấn đề. Và tôi nghĩ chúng ta đều đồng ý rằng, trong tình huống này, **sự phối hợp giữa khoa học xã hội và khoa học tự nhiên chính là chìa khóa để đưa ra các giải pháp khí hậu hiệu quả** cũng như giải quyết những thách thức mà các tác động không tránh khỏi mà biến đổi khí hậu có thể gây ra. Sự hợp tác này cần phải được xây dựng trên cơ sở sự tôn trọng, những năng lực và quan điểm đa ngành cũng như sự quyết tâm trong việc giải các hệ thống vật lý và sinh thái xã hội phức tạp.

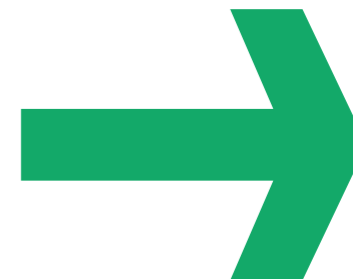
Và nếu về nguyên tắc, các nhà khoa học và kỹ sư có thể thực hiện bất kỳ giải pháp nào trong số này. Nhưng liệu họ có nên làm điều đó không? Để trả lời câu hỏi này, xã hội cần những nhà nghiên cứu khoa học nhân văn cùng những công nghệ “mềm” của họ, những công cụ vô hình có tác dụng giải quyết vấn đề dựa trên những kiến thức phi khoa học. Các học giả về nhân văn và văn hóa có thể bổ sung kiến thức cơ bản và cũng có thể giúp

những người vạch ra quyết sách tìm hiểu ảnh hưởng của lịch sử và văn hóa đến các phương án lựa chọn trong tương lai. Bằng cách khai thác các yếu tố tác động tới con người, lĩnh vực nhân văn môi trường mới có thể giúp thúc đẩy hành động vì khí hậu. Các học giả về lịch sử, triết học, tôn giáo, văn học và các phương tiện truyền thông đang khám phá nhiều khía cạnh của mối quan hệ giữa con người với Trái đất.

Tôi tin rằng sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa khoa học xã hội và khoa học tự nhiên là chìa khóa cho các giải pháp khí hậu hiệu quả và để chúng ta cùng nhau hướng tới một xã hội có khả năng thích ứng, bao trùm và thân thiện với trái đất. **Theo tôi, đã đến lúc các nhà khoa học, kỹ sư và nhà nhân văn học cần phá bỏ những rào cản vốn có và đề cao yếu tố con người trong biến đổi khí hậu toàn cầu.**

Kính thư,

María J. Sanz





PRIMERA CARTA DE NGÔ ĐỨC THÀNH A MARÍA JOSÉ SANZ

PGS.TS. Ngô Đức Thành tốt nghiệp tiến sĩ ngành khí tượng năm 2005 tại Đại học Paris VI năm 2005. Luận án tiến sĩ của ông đã được nhận Huy chương Bạc của Học viện Nông nghiệp Pháp và Giải Nathalie DEMASSIEUX của Hiệp hội các trường Đại học Paris năm 2006 cho luận án xuất sắc nhất.

PGS.TS. Ngô Đức Thành hiện là Trưởng Khoa Vũ trụ và Ứng dụng, Đồng Giám đốc Phòng thí nghiệm Liên hợp Quốc tế LOTUS (<http://lotus.usth.edu.vn>) tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH, hay còn gọi là Đại học Việt Nam - Pháp). Ông hiện là thành viên của Hội đồng Khoa học Trái đất và Môi trường, Quỹ Quốc gia về Phát triển Khoa học và Công nghệ (NAFOSTED).

Sử dụng công cụ mô hình hóa và viễn thám, PGS.TS. Ngô Đức Thành tập trung vào các chủ đề liên quan đến biến đổi khí hậu, thiên tai, bao gồm lũ lụt và cơ chế của mưa lớn. Ông đã xuất bản hơn 70 bài báo trên các tạp chí uy tín và đã trình bày các báo cáo, cũng như là khách mời của nhiều đại hội và hội nghị quốc tế.

PGS.TS. Ngô Đức Thành là một trong những tác giả chính (tác giả Việt Nam duy nhất) của Báo cáo đánh giá lần thứ sáu của nhóm công tác đầu tiên của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (năm 2021).

Ngo Duc Thanh defendió su tesis doctoral en meteorología en 2005 en la Universidad de París VI en 2005. Su tesis doctoral fue premiada con la Medalla de Plata de la Academia de Agricultura Francesa y el Premio Nathalie Demassieux de la Asociación de Universidades de París en 2006 a la mejor tesis.

Ngo Duc Thanh es actualmente Co-Decano del Departamento de Espacio y Aplicaciones, Co-Director del Laboratorio Mixto Internacional LOTUS (<http://lotus.usth.edu.vn>) en la Universidad de Ciencia y Tecnología de Hanoi (USTH, también llamada Universidad Vietnam - Francia). Actualmente es miembro del Consejo de Ciencias en la Tierra y el Medio Ambiente, de la Fundación Nacional para el Desarrollo de la Ciencia y la Tecnología (NAFOSTED).

Utilizando herramientas de modelado y teledetección, las investigaciones del profesor Ngo Duc Thanh se centran en temas relacionados con el cambio climático, desastres naturales, incluidas inundaciones y mecanismo de lluvias intensas. Ha publicado más de 70 trabajos en revistas de prestigio y ha presentado informes y ha sido invitado en numerosos congresos y conferencias internacionales.

El profesor Ngo Duc Thanh es uno de los autores principales (único autor vietnamita) del Sexto Informe de Evaluación del primer grupo de trabajo del Panel Intergubernamental sobre el Cambio Climático (2021).

CHIA SẼ DỮ LIỆU VÀ CHÚ TRỌNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC TRONG LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

PGS.TS. Ngô Đức Thành

Đông Trường Khoa Vũ trụ và Ứng dụng,

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam

Thưa Giáo sư María José Sanz,

Bức thư Giáo sư gửi đã chỉ rõ Biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề đương đại, những thách thức mà chúng ta đang và sẽ phải đối mặt trong hiện tại cũng như trong tương lai. Tôi hoàn toàn đồng ý với Giáo sư rằng vai trò của tri thức và khoa học, **cùng với cách tiếp cận liên ngành sẽ là chìa khoá để nhân loại có thể đưa ra các giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.**

Những tháng ngày gần đây thật đặc biệt. Có lẽ chưa khi nào tôi thấy cụm từ “Biến đổi khí hậu” được nhắc đến nhiều như vậy. Tháng 8 vừa qua, Báo cáo lần thứ 6 (AR6) của nhóm làm việc thứ nhất (WG1), Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC), đã được công bố. Các kết quả khoa học đã chỉ ra ảnh hưởng của con người đã làm khí hậu nóng lên với tốc độ chưa từng có trong ít nhất 2000 năm qua.

Nhiệt độ toàn cầu giai đoạn 2010–2019 đã tăng so với thời kỳ 1850–1900 là 1,09°C, trong đó con người đóng góp tới 1,07°C vào tổng mức tăng thông qua các hoạt động phát thải khí nhà kính. Ngày 5 tháng 10, giới khoa học nghiên cứu về biến đổi khí hậu, trong đó có Giáo sư và tôi, đều rất phấn khởi khi giải thưởng Nobel Vật lý năm 2021 được công bố. 2 trên 3 nhà khoa học được trao giải thưởng là Syukuro Manabe và Klaus Hasselmann do các đóng góp to lớn của họ trong lĩnh vực nghiên cứu mô phỏng khí hậu Trái đất và nóng lên toàn cầu. Trong những ngày tới, Hội nghị các bên lần thứ 26 (COP26) của Liên Hợp Quốc sẽ được tổ chức tại Glasgow với sự tham gia của nhiều nguyên thủ quốc gia để bàn về việc đẩy nhanh các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm hiện thực hoá mục tiêu của Thỏa thuận Paris. Tôi đang rất chờ đợi để cập nhật các kết quả và thoả thuận đạt được từ COP26.

Trong lá thư thứ nhất của mình, Giáo sư đã đề cập đến vấn đề là sự phân mảnh và thiếu kết nối ngày càng tăng của các ngành khoa học khác nhau. **Biến đổi khí hậu là bài toán không biên giới, đa ngành, liên ngành, và xuyên ngành.** Chúng ta đã biết rằng những kết quả nghiên cứu cụ thể của bài toán đánh giá biến đổi khí hậu (nhóm làm việc thứ nhất của IPCC) liên quan chặt chẽ với các bài toán đánh giá tác động, thích ứng và tính dễ bị tổn thương (nhóm làm việc thứ hai), từ đó dẫn tới các chiến





lược giảm nhẹ biến đổi khí hậu (nhóm làm việc thứ ba). Trong mỗi nhóm bài toán, còn quá nhiều câu hỏi mở mà cộng đồng khoa học đã và đang nỗ lực trả lời. Tuy nhiên tôi cũng nhận thấy một điều là bên cạnh sự phân mảnh và thiếu kết nối giữa các ngành khoa học khác nhau, có sự phân mảnh, địa phương hoá các nguồn số liệu phục vụ nghiên cứu. Lấy ví dụ một chủ đề nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu trên vùng đồng bằng sông Mekong. Mekong là một trong những con sông lớn nhất thế giới và có lưu vực đi qua các nước Trung Quốc, Lào, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, và Việt Nam. Nghiên cứu tại hạ lưu Mekong sẽ được thực hiện toàn diện hơn nếu như có được đầy đủ các số liệu liên quan đến dòng chảy sông trên thượng nguồn (ví dụ: số liệu lượng mưa, số liệu lưu lượng nước, mực nước, số liệu đo đạc lòng sông, thông số hoạt động của các hồ thủy điện, v.v.). Tuy nhiên với kinh nghiệm của mình, tôi thấy rằng việc tiếp cận nguồn số liệu này quả thật không đơn giản. Một ví dụ khác là nguồn số liệu khí hậu, khí tượng thủy văn quan trắc chính thống từ các mạng lưới trạm quan trắc của các trung tâm khí tượng thủy văn các quốc gia hiện mới chỉ được chia sẻ một phần nhỏ cho cộng đồng. Theo tôi, **chúng ta cần nỗ lực thúc đẩy sự chia sẻ dữ liệu miễn phí và rộng rãi**. Việc có thể dễ dàng tiếp cận các nguồn số liệu sẽ thúc đẩy mạnh mẽ các nghiên cứu phục vụ sự phát triển chung của nhân loại.

Các công cụ tính toán, công nghệ và khoa học biến đổi khí hậu đã có những bước phát triển vượt bậc trong những thập kỷ qua. Cùng nhớ lại thời kỳ hơn 50 năm trước, khi Syukuro Manabe, 1

trong 3 nhà khoa học đoạt giải Nobel Vật lý năm nay, bắt đầu tiến hành các nghiên cứu bản lề trong lĩnh vực mô phỏng khí hậu. Khi đó các máy tính còn rất thô sơ với khả năng tính toán và lưu trữ rất thấp. Mô hình đối lưu - bức xạ một chiều đơn giản mà Manabe xây dựng đã đặt nền móng cho các mô hình khí hậu 3 chiều phức tạp, chạy trên những siêu máy tính mạnh nhất thế giới ngày nay. Nguồn số liệu tính toán từ mô hình, nguồn số liệu viễn thám và quan trắc trực tiếp nay đã trở nên vô cùng phong phú, cả về khối lượng lẫn mức độ đa dạng về chủng loại. Bên cạnh việc thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, tôi cho rằng **việc hợp tác liên ngành, nhất là kết hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trong sử dụng khai thác nguồn dữ liệu lớn này sẽ là hướng đi cần được đầu tư và phát triển trong những thập kỷ tới**.

Tôi cũng rất tâm đắc ý kiến của Giáo sư trong việc đề cao yếu tố con người trong công cuộc ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Mặc dù là bài toán không biên giới, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu lại rất cần cả tri thức bản địa cũng như nguồn nhân lực chất lượng cao địa phương có khả năng hội nhập quốc tế. Với những quốc gia đang phát triển như đất nước tôi (Việt Nam), **việc đào tạo nhân lực và nâng cao năng lực trong lĩnh vực biến đổi khí hậu lại càng cần được đẩy mạnh với những chiến lược, kế hoạch rõ ràng**.

Trân trọng,

Ngô Đức Thành

INTERCAMBIO DE DATOS Y CAPACITACIÓN EN LOS RECURSOS HUMANOS EN EL ÁMBITO DEL CAMBIO CLIMÁTICO

Profesor Asociado - Doctor Ngô Đức Thành

Co-Decano del Departamento de Espacio y Aplicaciones,
Universidad de Ciencia y Tecnología de Hanói, Vietnam

Estimada Doctora María José Sanz,

Su carta señaló claramente que el cambio climático es uno de los problemas contemporáneos, un desafío al que nos enfrentamos ahora y que tendremos que seguir afrontando en el futuro. Estoy totalmente de acuerdo con usted, Doctora, en que el conocimiento y la ciencia, junto con **el enfoque interdisciplinario serán claves para encontrar soluciones efectivas al cambio climático.**

Los últimos meses han sido particularmente especiales. Probablemente nunca había escuchado tanto la expresión “cambio climático”. En agosto pasado, se publicó el Sexto Informe de Evaluación (AR6) del Grupo de Trabajo I (WGI) del Panel Intergubernamental sobre Cambio Climático. Los

resultados científicos han demostrado que la influencia humana ha causado el calentamiento del sistema climático a un ritmo sin precedentes en los últimos 2000 años.

En el intervalo de 2010–2019, la temperatura global aumentó un 1,09°C en comparación con el período 1850–1900, cuando el ser humano contribuyó a un calentamiento de 1,07°C a través de las emisiones de gases de efecto invernadero. Los científicos que han estudiado el cambio climático, entre los que nos encontramos usted y yo, se sintieron muy emocionados cuando se anunció el Premio Nobel de Física 2021 el 5 de octubre. Dos de los tres científicos laureados, Syukuro Manabe y Klaus Hasselmann, fueron galardonados gracias a sus contribuciones fundamentales en la investigación de la modelación física del clima en la Tierra y del calentamiento global. En los próximos días, se organizará la 26ª Conferencia (COP26) de las Naciones Unidas en Glasgow con la participación de varios Jefes de Estado para debatir los avances y los retos relacionados con el Acuerdo de París sobre el cambio climático. Estoy a la espera de poder actualizar los resultados y acuerdos alcanzados en la COP26.

En su primera carta, usted mencionó el problema de la fragmentación y aislamiento de las diferentes disciplinas científicas. **El cambio climático es un problema sin fronteras, multidisciplinario, interdisciplinario y transdisciplinario.** Sabemos que los resultados específicos de la evaluación del cambio climático (el Grupo de Trabajo I del IPCC) están estrechamente relacionados con la evaluación de los impactos, la adaptación y las evaluaciones de vulnerabilidad (el Grupo de Trabajo II), que a su vez conduce a estrategias de mitigación del cambio climático (el Grupo de Trabajo III). Quedan demasiadas preguntas abiertas en cada investigación que la comunidad científica ha estado y está tratando de responder. Sin embargo, me doy cuenta de que, aparte de la fragmentación y aislamiento de las diferentes disciplinas científicas, persiste la fragmentación y localización de datos disponibles para la investigación. Tomemos como ejemplo un estudio sobre los impactos del cambio climático en el Delta del Mekong. El Mekong es uno de los ríos más grandes del mundo y su cuenca recorre China, Laos, Birmania, Tailandia, Camboya y Vietnam. Este estudio será más completo si para la investigación sobre el tramo bajo del río Mekong se disponen de suficientes datos relacionados con el flujo en su tramo aguas arriba (por ejemplo, datos de

precipitaciones, de caudal, de nivel de agua, de medición del lecho del río, de parámetros operativos de los embalses hidroeléctricos, etc.). Sin embargo, de acuerdo con mi propia experiencia, el acceso a estos datos no es fácil. Otro ejemplo, sólo se han puesto a disposición de una pequeña parte de la comunidad científica los datos climáticos y las observaciones hidrometeorológicas de las redes de estaciones de monitoreo de los centros hidrometeorológicos nacionales. En mi opinión, **tenemos que esforzarnos por promover el intercambio de datos gratuitos y generalizados.** La facilidad de acceso a las fuentes de datos promoverá fuertemente las investigaciones que sirvan al desarrollo común de la humanidad.

La tecnología, la ciencia y las herramientas informáticas del cambio climático han logrado grandes avances en las últimas décadas. Recordamos que hace más de 50 años, Syukuro Manabe, uno de los tres científicos ganadores del Premio Nobel de Física este año, empezó los estudios fundamentales en la simulación climática. En aquella época, los ordenadores eran muy rudimentarios, con pocos programas de cálculo y poca capacidad de almacenamiento. El sencillo modelo unidimensional de radiación-convección que construyó Manabe

sentó las bases para los modelos climáticos tridimensionales complejos, que se ejecutan en los superordenadores hoy en día. Las fuentes de datos de teledetección y observación directa han sido ricas, tanto en cantidad como en variedad. Además de promover el intercambio de datos, me parece que la **cooperación interinstitucional, especialmente la combinación de inteligencia artificial en el uso y exploración de estas fuentes de Big Data será la guía para invertir y desarrollarse en las próximas décadas.**

Me siento muy conforme con su opinión en poner el énfasis en los factores humanos en la respuesta al cambio climático global. Aunque es un problema que no conoce fronteras, la respuesta proactiva al cambio climático necesita tanto de conocimientos autóctonos como de recursos humanos locales de alta calidad, capaces de integrarse internacionalmente. Para los países en desarrollo como mi país (Vietnam), **la capacitación de los recursos humanos y el fomento de las capacidades en la esfera del cambio climático deben promoverse aún más con estrategias y planes específicos.**

Atentamente,

Ngô Đức Thành





SEGUNDA CARTA DE MARÍA JOSÉ SANZ A NGÔ ĐỨC THÀNH

INTERCAMBIO DE DATOS Y CAPACITACIÓN EN LOS RECURSOS HUMANOS EN EL ÁMBITO DEL CAMBIO CLIMÁTICO

Profesor IKERBASQUE María José Sanz

Directora Científica del Basque Centre for Climate Change (BC3)

Estimado Dr. Ngô Đức Thành,

Sin duda el cambio climático es un reto global aceptado ya por todos los ámbitos de la sociedad, y no sólo de dominio de la comunidad académica. Como usted apunta el Sexto Informe de Evaluación (AR6) del Grupo de Trabajo I (WGI) del Panel Intergubernamental sobre Cambio Climático ya no deja la menor duda sobre la magnitud del problema y sus causas indudablemente humanas. Y el reconocimiento del trabajo de los Profesores Syukuro Manabe y Klaus Hasselmann al ser galardonados por sus contribuciones fundamentales para la investigación de la modelación física del clima de la Tierra y del calentamiento global con el Premio Nobel también lo refuerza.

En los márgenes y durante la 26ª Conferencia de las Partes (COP26) de la Convención Marco sobre Cambio Climático de las Naciones Unidas (UNFCCC por sus siglas en inglés) en Glasgow en la que participaron muchos Jefes de Estado y Ministros para avanzar en la finalización de las reglas que

permitirán la implementación del Acuerdo de París se hicieron avances notables en varios frentes (que comentaré más adelante con más detalle), pero sin duda constituye un punto de inflexión importante en el que el 1.5°C es reconocido como la nueva norma, las conclusiones del IPCC se mencionan y reconocen explícitamente en toda su extensión y se hace un reconocimiento explícito y conexión entre el corto (NDCs y 2030) y el largo plazo (2050).

En términos cuantitativos y según los últimos análisis después de la COP26, si los países cumplen con las contribuciones condicionadas e incondicionales determinadas a nivel nacional (NDC) para el objetivo a corto plazo de 2030 que han sido envidias a fecha de hoy, el calentamiento proyectado para 2100 sería de 2,4°C (1,8- 3,3°C). Si se cumplen sus promesas de cero netos a largo plazo (2050), el calentamiento global se reduciría a alrededor de 1,8°C (1,4 -2,6°C) para 2100, aunque las temperaturas probablemente alcanzarían un máximo de 1,9°C a mediados de siglo antes descender. Además de las NDC revisadas y las metas a largo plazo, ha habido una serie de anuncios en la COP26, incluido el Compromiso Global de Metano y una eliminación acelerada del carbón, así como compromisos comerciales como parte del sector privado como parte de la campaña de acción climática “Rise to Zero”. Un análisis reciente publicado en “Carbon Brief” encuentra que estos nuevos

anuncios, combinados con las actualizaciones recientes de las NDC, podrían representar una reducción adicional a 2030 de 0.1°C. Pero no debemos confiarnos y debemos ser conscientes de que incluso esos esfuerzos nos dejarían por encima de 1.5°C.

Haciendo un breve repaso de todos los avances alcanzados en Glasgow, se pueden resumir en lo siguiente:

- El establecimiento del mercado de carbono (Art. 6.2 y 6.4 del Acuerdo de París).
- La adopción de los formatos estandarizados de reporte para el marco de transparencia del Acuerdo de París, sin los que no puede reportar el progreso regular de las NDCs.
- Un programa de trabajo de dos años para definir un nuevo objetivo global sobre adaptación y cómo medir su progreso.
- Un compromiso de los países desarrollados de “al menos duplicar” la financiación de la adaptación entre 2019 y 2025.
- Reconocimiento de las pérdidas y daños (“loss and damage”) que ya está causando el calentamiento, promover la operacionalización de la “Red de Santiago” y un diálogo de dos años para discutir los arreglos para la financiación de

actividades para evitar, minimizar y abordar las pérdidas y los daños.

- Una nota de “profundo pesar” por el hecho de que el objetivo de financiamiento climático de \$ 100 mil millones aún no se haya cumplido, y se insta a los países desarrollados a “cumplir plenamente con urgencia y hasta 2025”. Así como un compromiso para “aumentar significativamente” el apoyo financiero y un nuevo organismo para acordar el objetivo financiero posterior a 2025 para 2024.
- **Repetidas referencias a los derechos humanos, los derechos de los pueblos indígenas y la igualdad de género, así como la necesidad de salvaguardias sociales y ambientales.**
- Reconocimiento de la necesidad de proteger, conservar y restaurar “la naturaleza y los ecosistemas”.
- Una invitación a las Partes a “considerar nuevas acciones para reducir para 2030” otros gases de efecto invernadero, incluido el metano.

Ha sido una conferencia exitosa, que nos abre un camino en el que parece que toda la sociedad se siente involucrada. Pero **los esfuerzos van a tener que intensificarse, en un contexto cada vez más difícil porque los impactos son cada vez más**



evidentes y de mayor magnitud por lo que la adaptación se convierte en una necesidad para todos los países.

Por ello, aunque coincido con que quedan demasiadas preguntas abiertas que la comunidad científica está tratando de responder, estas deberán responderse a la par que se actúa. Y es por ello que más que nunca **debemos promover la integración de los conocimientos que ya tenemos en las diferentes disciplinas científicas, dar acceso a la información disponible y promover la coproducción con**

los actores sociales de las soluciones mejores para cada contexto cultural, geográfico y socio-económico, más que una aspiración es una necesidad. Y por ello coincido en que tenemos que esforzarnos por promover el intercambio de datos y conocimiento y la cooperación interinstitucional van a ser fundamentales.

Atentamente,

María José Sanz



TRAO ĐỔI DỮ LIỆU VÀ ĐÀO TẠO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Giáo sư IKERBASQUE María José Sanz

Giám đốc Khoa học của *Trung tâm Biến đổi Khí hậu Basque (BC3)*

Kính thưa Tiến sĩ Ngô Đức Thành,

Không còn nghi ngờ gì nữa, biến đổi khí hậu là một thách thức toàn cầu. Điều này đã được thừa nhận không chỉ bởi cộng đồng học thuật mà còn bởi tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Như ông đã đề cập, Báo cáo đánh giá lần thứ sáu (AR6) của Nhóm công tác I (WGI) của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu đã khẳng định mức độ nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và chắc chắn rằng con người là nguyên nhân chính gây ra vấn đề này. Và việc Giáo sư Syukuro Manabe và Klaus Hasselmann được trao giải thưởng Nobel ghi nhận những đóng góp của họ trong việc nghiên cứu mô hình hóa vật lý khí hậu Trái đất và sự nóng lên toàn cầu cũng đã củng cố điều này.

Bên lề và trong suốt Hội nghị các bên lần thứ 26 (COP26) về Công ước Khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC) được tổ chức tại Glasgow mà nhiều Nguyên thủ Quốc gia và các Bộ trưởng đã tham gia để thúc đẩy việc hoàn thiện các quy tắc cho phép thực hiện Hiệp định Paris, các bên đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể trên nhiều phương diện (mà sau đây tôi sẽ thảo luận một cách chi tiết hơn). Nhưng chắc chắn hội nghị đã tạo được một bước ngoặt quan trọng khi giới hạn ấm lên 1,5°C được

xác định là tiêu chuẩn mới, các kết luận của IPCC được đề cập và công nhận toàn bộ và có sự liên kết giữa các giai đoạn ngắn hạn (NDCs và 2030) và dài hạn (2050).

Về mặt định lượng và theo các phân tích mới nhất sau COP26, nếu các quốc gia tuân thủ các đóng góp có điều kiện và vô điều kiện do Quốc gia tự xác định (NDC) cho mục tiêu ngắn hạn năm 2030 đã được gửi đi, thì dự báo mức tăng nhiệt độ vào năm 2100 sẽ là 2,4°C (1,8- 3,3°C). Nếu những cam kết dài hạn về phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 được thực hiện, thì hiện tượng ấm lên toàn cầu sẽ chậm lại với mức tăng khoảng 1,8°C (1,4-2,6°C) vào năm 2100, mặc dù nhiệt độ có thể sẽ tăng đạt đỉnh 1,9°C vào giữa thế kỉ trước khi giảm dần. Ngoài các NDC đã được sửa đổi và các mục tiêu dài hạn được thiết lập, tại COP26 đã có một loạt các thông báo bao gồm Cam kết về khí mê-tan toàn cầu và tăng tốc quá trình loại bỏ than đá, cũng như các cam kết thương mại từ phía các doanh nghiệp tư nhân tham gia chiến dịch hành động vì khí hậu “Race to Zero”. Một phân tích gần đây được công bố trên tạp chí “Carbon Brief” cho thấy rằng những thông báo mới này, kết hợp với các bản cập nhật NDC gần đây, có khả năng làm giảm mức tăng nhiệt độ thêm 0,1°C so với mức cam kết đến năm 2030. Nhưng chúng ta không nên tự tin quá mức và nên nhận thức được rằng, ngay cả với những nỗ lực đó chưa chắc chúng ta có thể giới hạn mức tăng nhiệt độ ở ngưỡng 1,5°C. Chúng ta có thể tóm tắt ngắn gọn những bước tiến đã đạt được tại Glasgow như sau:

- Hình thành thị trường carbon (Điều 6.2 và 6.4 của Hiệp định Paris)
- Thông qua các mẫu báo cáo được tiêu chuẩn hóa cho khuôn khổ minh bạch của Hiệp định Paris, những công cụ rất cần thiết cho việc báo cáo tiến độ thường xuyên của Các khoản đóng góp có điều kiện và vô điều kiện do Quốc gia tự xác định.
- Một chương trình làm việc cho hai năm để xác định mục tiêu toàn cầu mới về thích ứng và phương thức đánh giá tiến độ thực hiện.
- Cam kết của các nước phát triển về việc “tăng ít nhất gấp đôi” nguồn tài trợ thích ứng biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2019- 2025.
- Ghi nhận những tổn thất và thiệt hại (“loss and damage”) do tình trạng nóng lên toàn cầu gây ra, thúc đẩy hoạt động của “Mạng lưới Santiago” và đối thoại hai năm một lần về các thỏa thuận tài chính nhằm tránh, giảm thiểu và giải quyết các tác động của tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.
- Một điểm “đáng tiếc lớn” là mục tiêu tài chính khí hậu 100 tỷ Đô la vẫn chưa được thực hiện, và các nước phát triển được thúc giục “khẩn trương hoàn thành mục tiêu đến năm 2025”. Bên cạnh đó là cam kết “tăng đáng kể” hỗ trợ tài chính và một cơ chế mới vào năm 2024 để thống nhất mục tiêu tài chính sau năm 2025.
- **Nhiều lần để cập tới nhân quyền, quyền của người dân bản địa và bình đẳng giới, cũng như sự cần thiết phải bảo vệ xã hội và môi trường.**
- Ghi nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ, bảo tồn và khôi phục “thiên nhiên và hệ sinh thái”.

- Kêu gọi các bên “xem xét các kế hoạch hành động mới để giảm phát thải vào năm 2030” khí nhà kính khác, trong đó có khí metan.

Đó là một hội nghị thành công, mở ra một con đường mà ở đó dường như có sự tham gia của toàn xã hội. Tuy nhiên, **các nỗ lực cần phải được tăng cường hơn nữa trong bối cảnh ngày càng khó khăn bởi các tác động của biến đổi khí hậu ngày càng trở nên rõ ràng và ở quy mô rộng lớn hơn và đó là lí do tại sao thích ứng đang trở thành nhu cầu thiết yếu của tất cả các quốc gia.**

Vi vậy, mặc dù có cùng quan điểm rằng còn tồn tại quá nhiều câu hỏi còn bỏ ngỏ mà giới khoa học đang cố gắng trả lời, nhưng những câu trả lời này cần đi đôi với hành động. Và đó là lí do tại sao hơn bao giờ hết chúng ta cần phải thúc đẩy việc kết hợp những kiến thức **đã có của các ngành khoa học khác nhau, tiếp cận thông tin có sẵn và thúc đẩy hợp tác với các chủ thể xã hội để tìm được giải pháp tốt nhất cho mỗi nền văn hóa, địa lý và kinh tế-xã hội, đó không chỉ là mong muốn mà là một sự cần thiết.** Và do đó, tôi cũng chia sẻ quan điểm rằng chúng ta cần phải nỗ lực thúc đẩy việc trao đổi dữ liệu, kiến thức và quan hệ hợp tác giữa các tổ chức của chúng ta là nền tảng quan trọng.

Trân trọng.

María José Sanz

Được by: Trần Nguyễn





SEGUNDA CARTA DE NGÔ ĐỨC THÀNH A MARÍA JOSÉ SANZ

HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU:

Ví dụ từ Việt Nam

PGS.TS. Ngô Đức Thành

Đồng Trưởng Khoa Vũ trụ và Ứng dụng,

Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội, Việt Nam

Thưa Giáo sư María José Sanz,

Bức thư thứ 2 của Giáo sư đã tóm tắt rất rõ ràng về những bước tiến đạt được từ COP26 tại Glasgow.

Tôi cũng rất tán thành với Giáo sư về quan điểm các nghiên cứu, các đề xuất giải pháp cần đi đôi với hành động. Tôi vui mừng nhận thấy dường như đang có sự chuyển biến rõ rệt trong nhận thức của các thực thể khác nhau trong xã hội về sự cần thiết phải đạt được phát thải ròng carbon bằng “0” (net-zero emission) trong thời gian sớm nhất. Và các chính phủ, các nhà hoạch định chính sách đang cam kết mạnh mẽ hơn, đồng thời tiến hành việc xây dựng và triển khai các kế hoạch cụ thể để hiện thực hoá các cam kết này.

Tôi xin lấy ví dụ cụ thể của Việt Nam. Tại COP26, thủ tướng Việt Nam Phạm Minh Chính đã phát biểu cam kết Việt Nam sẽ đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, dựa trên nguồn lực của chính Việt Nam, cùng với sự hợp tác, hỗ trợ của cộng đồng

quốc tế. Việc nhấn mạnh “nguồn lực của chính mình” là một bước tiến rất quan trọng về chiến lược với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Còn nhớ tại COP21 (2015), Việt Nam cam kết đến 2030 giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường bằng nguồn lực trong nước, và có thể giảm tiếp đến 25% nếu nhận được sự hỗ trợ quốc tế. So sánh giữa hai cam kết, có thể thấy chính phủ Việt Nam đã có bước chuyển đổi quan trọng và tiến bộ trong việc chủ động ứng phó với BĐKH. Ngay cả khi Quỹ tài chính khí hậu 100 tỷ đô la/năm để hỗ trợ các nước đang phát triển thực hiện chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải ít carbon và thích ứng với BĐKH có thể không được thực hiện đầy đủ, như trong thư Giáo sư đã đề cập, vẫn có cơ sở để tin rằng các chính sách và hành động ứng phó với BĐKH vẫn sẽ được thực hiện mạnh mẽ tại Việt Nam trong những thập kỷ tới. Cụ thể, Việt Nam ủng hộ chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch. Việt Nam cam kết không khai thác gỗ rừng từ 2030. Việt Nam cũng cùng với 102 quốc gia khác cam kết giảm phát thải ít nhất 30% khí mê tan toàn cầu vào năm 2030. Tôi được biết rằng cùng với các chính sách, kế hoạch để thực hiện các cam kết sẽ sớm được thể chế hoá và đưa vào triển khai tại Việt Nam.

Song song với mục tiêu giảm nhẹ BĐKH, đưa mức phát thải ròng carbon về 0 sớm nhất có thể, vấn đề thích ứng với BĐKH cũng cần được tích hợp trong các kế hoạch hành động. **Khi nhiệt độ**

toàn cầu tăng lên thì các hiện tượng cực đoan cũng tăng lên

cả về cường độ lẫn tần suất. Ví dụ báo cáo lần thứ 6 của IPCC đã chỉ ra rằng một sự kiện nhiệt độ cực trị xảy ra 01 lần/10 năm thời kỳ tiền công nghiệp sẽ có thể xảy ra 4.1 lần/10 năm nếu nhiệt độ toàn cầu tăng lên 1.5°C, và năm nào cũng xuất hiện nếu nhiệt độ toàn cầu tăng lên 4°C. Những siêu bão chết chóc hiếm gặp trong thời kỳ hiện đại như siêu bão Hải Yến năm 2013 tàn phá Philippines, sẽ có thể xảy ra ngày càng thường xuyên hơn. Các nhà hoạch định chính sách, các bên liên quan cần phải chuẩn bị kế hoạch hành động tương ứng để thích ứng với tình hình này. Để có thể đưa ra những chiến lược thích ứng hợp lý, thông tin đánh giá BĐKH và các tác động của nó là cần thiết, và cần liên tục được cập nhật.

Ngay trước thềm COP26, một bản báo cáo dày 612 trang² về hiện trạng biến đổi khí hậu tại Việt Nam, cũng như các tác động của nó tới các mặt đời sống kinh tế xã hội đã được hoàn thành và trao cho Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam ngay tại Glasgow. Tôi vinh dự được đóng góp vào báo cáo này với tư cách là người phụ trách (coordinator) của Chương 1 và là đồng tác giả của Chương 7. Báo cáo này là một minh chứng cho sự hợp tác chặt chẽ liên ngành của hơn 60 nhà khoa học trong và ngoài Việt Nam trong bài toán đánh giá tác động và thích ứng với BĐKH. Một số kết luận được rút ra như thiệt hại trực tiếp đến GDP Việt Nam nếu nhiệt độ toàn cầu tăng 1.5°C, 2°C, và 3°C lần lượt là 4.5%, 6.7% và 10.8%.

² <https://www.afd.fr/en/ressources/gemmes-vietnam-climate-change-impacts-and-adaptation>

Như vậy, chúng ta có đồng quan điểm về việc cần thúc đẩy sự hợp tác liên ngành, thúc đẩy trao đổi dữ liệu, kiến thức và hợp tác giữa các tổ chức trong công cuộc ứng phó với BĐKH. Nhiều hành động cụ thể đã và đang được tiến hành trên các quy mô khác nhau. Tôi cũng muốn lưu ý một vấn đề là các chính sách ứng phó có thể bị phụ thuộc rất nhiều vào thể chế chính trị hoặc người đứng đầu. Sự tham gia của nước Mỹ vào thoả thuận Paris qua các thời tổng thống khác nhau là một minh chứng cụ thể. **Vấn đề đặt ra là làm thế nào để các cam kết, các hành động ngày hôm nay sẽ được duy trì và phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai, độc lập với các định chế xã hội và vai trò lãnh đạo của các cá nhân?** Tôi cho rằng việc truyền thông sâu rộng tới các thực thể xã hội là rất quan trọng, để rồi tiếng nói của từng thực thể đối với vấn đề BĐKH sẽ là những nhân tố tiên quyết ảnh hưởng tới các quyết sách của xã hội.

Có câu nói rằng: **“Tích tiểu thành đại”** (Every little helps). Tôi lạc quan nghĩ rằng những trao đổi giữa GS và tôi cũng đang góp phần hữu ích trong công cuộc ứng phó với BĐKH, một trong những thách thức lớn nhất của thời đại chúng ta.

Trân trọng cảm ơn,

Ngô Đức Thành





ACCIÓN SOBRE EL CAMBIO CLIMÁTICO:

Caso de ejemplo de Vietnam

Profesor Asociado. PhD. Ngô Đức Thành

Co-Director del Departamento Espacio y Aplicaciones,
Universidad de Ciencia y Tecnología de Hanoi, Vietnam

Estimada Profesora María José Sanz:

Su segunda carta resume claramente los logros de la COP26 en Glasgow.

Estoy totalmente de acuerdo con usted en que investigación y soluciones deben ir acompañadas de acciones. Me alegra apreciar un posible cambio en la percepción de la sociedad sobre la necesidad de lograr la neutralidad en las emisiones (*net-zero emission*) lo antes posible. Y los gobiernos y sus responsables en la formulación de políticas están asumiendo compromisos más firmes, y al mismo tiempo desarrollando e implementando planes concretos para cumplir con dichos compromisos.

Permítame darle un ejemplo específico de Vietnam. En la COP26, el Primer Ministro vietnamita, Pham Minh Chinh, declaró el compromiso de Vietnam con la consecución de la neutralidad climática en 2050, basándose en los recursos propios del país, junto con la cooperación y el apoyo de la comunidad internacional. Priorizar los “propios recursos” es

un paso estratégico muy importante para un país en vías de desarrollo como Vietnam. Recordamos que en la COP21 (2015), Vietnam se comprometió a reducir las emisiones de gases de efecto invernadero en un 8% para 2030 en comparación con un escenario de desarrollo normal, basándose en los recursos nacionales, que se podría reducir hasta en un 25% si recibiera apoyo internacional. Si comparamos los dos compromisos, podemos observar como el gobierno vietnamita ha apostado por una transición importante y progresiva con una respuesta proactiva al cambio climático. Incluso si no se pueden cumplir los compromisos del Fondo de Financiación Climático de 100 mil millones de dólares anuales para apoyar a los países en desarrollo en una transición hacia una economía baja en carbono y adaptada al cambio climático como mencionó usted en su carta, sigue habiendo motivos para creer que las políticas y acciones de respuesta al cambio climático se implementarán decididamente en Vietnam en las próximas décadas. En concreto, Vietnam apoya la conversión en energía limpia de la energía producida por carbón; Vietnam se ha comprometido a no explotar la madera forestal a partir de 2030; junto con otros 102 países, Vietnam se ha comprometido a reducir las emisiones globales de metano en, al menos, un 30% para 2030. Estoy seguro de que pronto se institucionalizarán y se pondrán en práctica en Vietnam las políticas y los planes para implementar estos compromisos.

Paralelamente al objetivo de mitigar el cambio climático,

alcanzando lo antes posible las cero emisiones netas de carbono, las cuestiones relacionadas en la adaptación al cambio climático, también, deben integrarse en los planes de acción. **A medida que aumentan las temperaturas globales, se incrementa también la intensidad y frecuencia de los fenómenos extremos.** Por ejemplo, el Sexto Informe del IPCC indica que un fenómeno de temperaturas extremas que ocurra una vez por décima parte en la era preindustrial será posible 4,1 veces al año si las temperaturas globales aumentan a 1,5°C, y cada año con un aumento de 4°C. Es probable que los supertifones mortales, raros en la era moderna como el tifón HaiYan que devastó Filipinas en 2013, ocurran cada vez con mayor frecuencia. Los responsables políticos y las partes interesadas deben preparar planes de acción adecuados para adaptarse a esta situación. Es necesaria la elaboración de estrategias de adaptación razonables, la información relacionada con la evaluación del cambio climático y sus impactos, que deben actualizarse constantemente.

En vísperas de la COP26, se completó un informe de 612 páginas³ sobre el estado actual del cambio climático en Vietnam, así como sus impactos en la vida socioeconómica, que se entregó al Ministro de Recursos Naturales y Medio Ambiente vietnamita en Glasgow. Me siento honrado de haber contribuido a este informe como coordinador del Capítulo 1 y coautor del Capítulo 7. Este informe es un testimonio de la estrecha cooperación interdisciplinaria de más de 60 científicos dentro y fuera de

Vietnam en la evaluación del impacto y la adaptación al cambio climático. Se extraen algunas conclusiones tales como el daño directo al PIB de Vietnam si las temperaturas globales aumentan en 1,5°C, 2°C y 3°C será de 4,5%, 6,7% y 10,8%, respectivamente. Por lo tanto, coincidimos en la opinión sobre la necesidad de promover la cooperación interdisciplinaria, el intercambio de datos, el conocimiento y la cooperación entre organizaciones en la respuesta al cambio climático. Se han llevado a cabo muchas medidas concretas en diferentes ámbitos. También, me gustaría señalar que las políticas de respuesta pueden depender en gran medida de las instituciones políticas o de los líderes. La participación de Estados Unidos en el acuerdo de París en diferentes épocas presidenciales es una prueba concreta de ello. **La pregunta es ¿cómo se mantendrán y desarrollarán más fuertes los compromisos y acciones de hoy en el futuro, independientemente de las instituciones sociales y de liderazgo de los individuos?** Creo que una comunicación estrecha con las entidades sociales es muy importante, para que todas las voces implicadas en el cambio climático sean escuchadas como requisito previo en la toma de decisiones que afectan al conjunto de la sociedad.

Hay un dicho: **“Todo pequeño gesto ayuda”** (*Every little helps*). Soy optimista en que los intercambios entre usted, Profesora, y yo también están siendo una contribución útil en la respuesta al cambio climático, uno de los mayores desafíos de nuestra era. Muchas gracias.

Ngô Đức Thành

³<https://www.afd.fr/en/ressources/gemmes-vietnam-climate-change-impacts-and-adaptation>

GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

EDUCACIÓN MEDIOAMBIENTAL



PRIMERA CARTA DE ELENA PITA DOMÍNGUEZ A NGUYỄN VĂN THÁI

Elena Pita es directora de la Fundación Biodiversidad desde julio de 2020. Previamente ha sido funcionaria de ONU Medio Ambiente en la Oficina Regional para América Latina y Caribe, en Panamá. Ha trabajado también para la Unión Europea, como consultora, y en la Delegación de la UE en Mauritania, para la Agencia Española de Cooperación Internacional para el Desarrollo, para la Oficina Española de Cambio Climático y para la consultora AEPO en su oficina de Libreville (Gabón). Es ingeniera agrónoma por la Universidad Politécnica de Madrid y Master of Sciences del Instituto Agronómico Mediterráneo de Montpellier (IAMM).

Bà Elena Pita đảm nhiệm vị trí giám đốc của Tổ chức Đa dạng Sinh học Fundación Biodiversidad kể từ tháng 7 năm 2020. Trước đó, bà từng là cán bộ của Văn phòng Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc Khu vực Châu Mỹ Latinh và Caribe tại Panama. Bà cũng đã từng làm việc tại Liên minh Châu Âu trong vai trò cố vấn, Phái đoàn EU tại Mauritania, Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Tây Ban Nha, Văn phòng Biến đổi Khí hậu của Tây Ban Nha và văn phòng công ty tư vấn AEPO tại Libreville (Gabon). Bà tốt nghiệp kỹ sư nông nghiệp trường Đại học Bách khoa Madrid và Thạc sĩ Khoa học ở Viện Nông nghiệp Địa Trung Hải Montpellier (IAMM).

Estimado Sr Thai Van Nguyen,

Es un placer para mí ponerme en contacto con usted. En primer lugar, querría aprovechar esta oportunidad para darle las gracias por su liderazgo y felicitarle por sus importantes logros en la defensa de la naturaleza, de la que en definitiva dependen nuestra salud y nuestro futuro como especie.

Durante mi carrera profesional he tenido la oportunidad de trabajar en diferentes instituciones y en diferentes países de Europa, África y América Latina (incluyendo Gabón, donde el pangolín es una especie muy amenazada, cazada por su carne, y sólo desde hace unos meses objeto de protección legal). Así, he podido ver en diferentes contextos tanto los impactos de la degradación ambiental en la vida de las personas, especialmente de las más vulnerables, como el compromiso y la valentía de los defensores y defensoras de la naturaleza en todo el mundo.


Numerosos informes científicos indican que es necesario y urgente revertir la pérdida de biodiversidad, abordar la emergencia climática y descarbonizar la economía. Los datos no dejan lugar a dudas y muestran que la ventana de oportunidad para buscar soluciones es cada vez más estrecha. Sin embargo, la evidencia, datos e informes no han servido

para que los necesarios cambios estructurales y culturales se produzcan de forma general y a una escala suficiente.

A pesar de esto, creo que aún queda lugar para la esperanza. **La pandemia ha servido para evidenciar la importancia de los servicios que proporcionan los ecosistemas y su vínculo con nuestra salud, nuestro bienestar, y nuestra economía.** Hemos tenido globalmente una experiencia personal de su importancia para nuestra salud y bienestar. En este sentido, creo firmemente que la acción colectiva puede hacer que se revierta la situación.

Sin duda, se han producido avances. Por ejemplo, he tenido la oportunidad de participar estos días en el Congreso Mundial de la Naturaleza de UICN (Unión Internacional para la Conservación de la Naturaleza) y podido comprobar que, a nivel internacional, existe una gran conciencia de la necesidad de abordar el cambio climático y la pérdida de biodiversidad como retos estrechamente conectados, que requieren de atención urgente y decidida. También hay compromiso por parte de muchos países, agencias y organizaciones en colaborar para que el proceso de recuperación post-Covid no solo sirva para recuperar la naturaleza, sino para mejorar su situación, y se está trabajando en el reconocimiento del derecho humano a





un medio ambiente sano, limpio y sostenible. A nivel nacional, en España, se han aprobado leyes y estrategias ambiciosas, como la Ley de Cambio Climático y Transición Energética o la Estrategia Nacional de Infraestructura Verde y de la Conectividad y Restauración Ecológicas. No obstante, es necesario traducir estos compromisos en acciones concretas en el territorio.

Nadie tiene la receta para llevarlo a cabo, pero sí hay algunos ingredientes que, en nuestro trabajo, consideramos imprescindibles para avanzar hacia un nuevo modelo de sociedad, respetuoso con los límites planetarios.

La Fundación Biodiversidad, fundación pública que forma parte del Ministerio de Transición Ecológica y Reto Demográfico, está firmemente comprometida con la conservación, la restauración y el uso sostenible de los ecosistemas. Para ello, **creemos que es necesario integrar la biodiversidad en todos los sectores de la economía y la sociedad, así como en todos los territorios, incluyendo los entornos urbanos.**

El establecimiento de alianzas entre diversos tipos de actores es otro de estos elementos. Como Fundación, hemos llevado a cabo proyectos donde se articula la participación del gobierno nacional y los gobiernos regionales, academia, organizaciones no gubernamentales y del sector privado para alcanzar un objetivo estratégico. A menudo se habla de la necesidad de innovar, pero la innovación no debe ser solo tecnológica.

También trabajar de manera diferente, estableciendo alianzas, fortaleciendo la participación de las diversas partes implicadas, es frecuentemente una forma innovadora de abordar problemas ambientales.

Otro de los temas centrales de nuestro trabajo es el vínculo entre ciencia y gestión de la biodiversidad, especialmente cómo hacer para que el conocimiento esté accesible a la hora de establecer prioridades y sea útil para los tomadores de decisiones. En particular, estamos actualmente coordinando la elaboración de una estrategia de Biodiversidad y Ciencia para el Ministerio que pretende abordar estos retos.

Por último, el contexto actual de triple crisis, sanitaria, de emergencia climática y de pérdida de biodiversidad, nos exige redoblar nuestros esfuerzos para no ser solamente una institución gestora de fondos, sino un real vector de cambio. Así, en el marco del Plan español de Recuperación, Transformación y Resiliencia, la Fundación tiene por objetivo apoyar proyectos transformadores a través de convocatorias de ayudas. Para lograr un impacto real, buscamos apoyar proyectos ambiciosos, que contemplen agrupaciones de actores, que integren a la ciencia, y que busquen reforzar el papel de la naturaleza como motor de desarrollo.

Además, como elemento transversal, la comunicación y la educación ambiental son grandes referentes. La Fundación

Biodiversidad ha estado muy presente en la reciente elaboración del Plan de Acción de Educación Ambiental para la Sostenibilidad. Este Plan ha surgido de un amplio proceso participativo en el que academia, sector privado, organizaciones ecologistas y generalistas, sindicatos etc... han aportado sus conocimientos y trabajo. Que la sociedad en su conjunto sienta este Plan como suyo es clave para su desarrollo posterior, y uno de nuestros retos para el próximo año. También desde la Fundación hemos puesto en marcha diversas iniciativas, como encuentros o seminarios online donde hemos querido dar voz al sector de la ciencia y la investigación para hacer llegar su mensaje a toda la sociedad.

Hay consenso en el ámbito científico sobre la urgencia y la necesidad de un nuevo paradigma de prosperidad, sostenible e inclusivo. Me gustaría mucho conocer su opinión y su experiencia sobre cómo podemos impulsar estos cambios, tanto estructurales, como culturales, y cómo conseguir que sirvan para construir una sociedad sostenible y más justa para todos, incluyendo mujeres, jóvenes y a las personas más desfavorecidas.

Le envío un cordial saludo con mi más sincero respeto y admiración por su labor.

Elena Pita

Kính gửi ông Nguyễn Văn Thái,

Rất hân hạnh được liên hệ với ông. Trước tiên, tôi xin nhân cơ hội này cảm ơn ông đã đứng ra đảm nhiệm vai trò lãnh đạo và chúc mừng ông đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công tác bảo vệ thiên nhiên, khi mà sức khỏe và tương lai chúng ta, với tư cách là một loài, đều phụ thuộc vào đó.

Trong sự nghiệp chuyên môn của mình, tôi đã có cơ hội làm việc ở nhiều tổ chức và quốc gia khác nhau tại Châu Âu, Châu Phi và Châu Mỹ Latinh (bao gồm Gabon, nơi mà loài tê tê bị đe dọa nghiêm trọng, bị săn bắt để lấy thịt và chỉ mới được pháp luật chính thức bảo vệ từ vài tháng nay). Vì vậy, tôi đã tận mắt quan sát những tác động của suy thoái môi trường đối với cuộc sống của con người trong những bối cảnh khác nhau, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất; cũng như đã chứng kiến cam kết và lòng dũng cảm của những người bảo vệ thiên nhiên trên khắp thế giới.

Rất nhiều báo cáo khoa học đã chỉ ra rằng cần khẩn trương đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học, giải quyết tình trạng khẩn cấp về khí hậu và giảm phát thải cacbon. Các số liệu đều thể hiện rõ vấn đề này và cơ hội tìm kiếm các giải pháp đang ngày một thu hẹp hơn. Tuy nhiên, những bằng chứng, số liệu và báo cáo là chưa đủ để đảm bảo việc những thay đổi cấu trúc và văn hóa cần thiết được thực hiện một cách tổng quát và trên quy mô đủ lớn.

Mặc dù vậy, tôi nghĩ vẫn còn cơ sở để hy vọng. **Đại dịch đã chứng tỏ tầm quan trọng của các dịch vụ hệ sinh thái và mối liên hệ giữa chúng với sức khỏe, an sinh và nền kinh tế của chúng ta.** Tất cả chúng ta đều có những trải nghiệm cá nhân về tầm quan trọng của hệ sinh thái đối với an sinh và sức khỏe của bản thân. Do vậy, tôi tin tưởng chắc chắn rằng hành động tập thể có thể giúp đảo ngược tình hình.

Rõ ràng là chúng ta đã có những bước tiến. Ví dụ, vừa qua tôi đã có dịp tham dự Hội nghị Bảo tồn Thế giới IUCN của Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên. Tôi nhận thấy, ở cấp độ quốc tế đã có nhận thức rõ ràng về sự cấp thiết trong việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học bởi đây là những thách thức có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, đòi hỏi một thái độ quan tâm kịp thời và quyết liệt. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia, cơ quan và tổ chức cũng cam kết hợp tác để quá trình phục hồi hậu Covid không chỉ nhằm phục hồi mà còn cải tạo thiên nhiên, và công việc đang được thực hiện dựa trên sự công nhận về quyền của con người được sống trong một môi trường trong lành, sạch đẹp và bền vững. Ở cấp độ quốc gia, tại Tây Ban Nha, nhiều quy định và chiến lược đầy tham vọng đã được thông qua, chẳng hạn như Luật về Biến đổi khí hậu và Chuyển hóa năng lượng hay Chiến lược Quốc gia về Cơ sở hạ tầng Xanh, Kết nối và Phục hồi Hệ sinh thái. Tuy nhiên, cần biến những cam kết này thành hành động cụ thể.

Không ai có sẵn công thức để thực hiện công việc này, nhưng

có một số hoạt động mà chúng ta cần phải coi là thiết yếu để hướng tới một mô hình xã hội mới, tôn trọng các giới hạn của hành tinh.

Quý Đa dạng Sinh học, một tổ chức công thuộc Bộ Chuyển đổi Sinh thái và Thách thức Nhân khẩu học Tây Ban Nha, cam kết mạnh mẽ với việc bảo tồn, phục hồi và khai thác bền vững các hệ sinh thái. Vì mục tiêu đó, **chúng tôi tin rằng cần lồng ghép đa dạng sinh học vào tất cả các lĩnh vực kinh tế và xã hội, cũng như ở mọi vùng miền, bao gồm cả môi trường đô thị.**

Việc thiết lập liên kết giữa các chủ thể khác nhau là một yếu tố khác nữa. Với tư cách là một Quý, chúng tôi đã thực hiện các dự án có sự tham gia của chính phủ quốc gia và các chính quyền địa phương, học viện, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân nhằm đạt được một mục tiêu chiến lược. Người ta thường nói về nhu cầu đổi mới, nhưng đổi mới không nên chỉ được thực hiện trên phương diện công nghệ. Những biện pháp khác như thiết lập mối liên kết, tăng cường sự tham gia của các bên liên quan cũng là những cách thức đổi mới để giải quyết các vấn đề môi trường.

Một trong những hoạt động trọng tâm khác trong công việc của chúng tôi là mối liên hệ giữa nghiên cứu khoa học và quản lý đa dạng sinh học, đặc biệt là làm sao để kiến thức được ưu tiên tiếp cận và trở nên hữu ích đối với những người những người vạch ra quyết sách. Cụ thể, chúng tôi hiện đang phối hợp xây dựng một





chiến lược về Khoa học và Đa dạng Sinh học cho Bộ nhằm giải quyết những thách thức này.

Cuối cùng, bối cảnh hiện tại của bộ ba khủng hoảng gồm vấn đề vệ sinh, biến đổi khí hậu và mất đa dạng sinh học đòi hỏi chúng tôi phải nỗ lực gấp đôi để không chỉ hoạt động như một tổ chức quản lý quỹ mà còn là một cầu nối thực sự dẫn tới sự thay đổi. Do đó, trong khuôn khổ của Kế hoạch Phục hồi, Chuyển đổi và Ứng phó của Tây Ban Nha, Quý chúng tôi mong muốn trợ giúp các dự án chuyển đổi bằng các chương trình hỗ trợ. Để tạo ra được tác động thực sự, chúng tôi hướng tới các dự án tham vọng đưa ra phân tích các nhóm tác nhân, tích hợp khoa học và tìm cách củng cố vai trò của thiên nhiên như một động lực phát triển.

Ngoài ra, truyền thông và giáo dục môi trường, với tính chất xuyên suốt, là những nguồn tham khảo tuyệt vời. Gần đây, Quý Đa dạng Sinh học đã rất tích cực tham gia soạn thảo bản Kế hoạch Hành động Giáo dục Môi trường vì Sự Bền vững. Việc xây dựng Bản kế hoạch này có sự tham gia rộng rãi của nhiều bên, trong đó giới học thuật, khu vực tư nhân, các tổ chức môi trường, các chuyên gia, công đoàn, v.v. đã cùng đóng góp kiến thức và tham gia hành động. Việc khiến cho toàn xã hội coi đó như là bản Kế hoạch của chính mình là chìa khóa cho sự phát triển trong tương lai, và là một trong những thách thức của chúng tôi trong năm tới. Tổ chức của chúng tôi cũng đã thực hiện nhiều hoạt động khác nhau, ví dụ như tổ chức các buổi gặp gỡ hoặc hội thảo trực tuyến nhằm

tạo không gian cho giới khoa học và nghiên cứu để họ có thể lên tiếng, truyền tải thông điệp đến toàn xã hội.

Chúng tôi nhận thấy sự đồng thuận trong lĩnh vực khoa học về nhu cầu và tính cấp thiết của một mô hình mới, thịnh vượng, bền vững và bao trùm. Tôi rất muốn biết ý kiến và kinh nghiệm của ông về cách thức thúc đẩy những đổi mới này, cả về cấu trúc và văn hóa, cũng như làm thế nào để đảm bảo những thay đổi này sẽ giúp xây dựng một xã hội bền vững và công bằng hơn cho tất cả mọi người, bao gồm cả phụ nữ, thanh niên và những người yếu thế nhất.

Xin gửi tới ông lời chào trân trọng cùng sự kính trọng và ngưỡng mộ chân thành đối với công việc mà ông đang cống hiến.

Elena Pita





PRIMERA CARTA DE NGUYỄN VĂN THÁI A ELENA PITA

Ông Nguyễn Văn Thái (sinh năm 1982) hiện đang là Phó Chủ tịch Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế IUCN, là người sáng lập và Giám đốc Trung tâm bảo tồn động vật hoang dã tại Việt Nam – Save Vietnam's Wildlife. Ông là một trong những người đi đầu, và đặt nền móng cho công tác cứu hộ, tái thả tê tê ở Việt Nam. Tính đến nay, ông đã có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn, trực tiếp tham gia công tác bảo tồn, góp phần giúp Việt Nam trở thành quốc gia đi đầu trong công tác cứu hộ tê tê trên thế giới. Năm 2021, ông là người đại diện cho châu Á nhận giải thưởng Môi trường Goldman 2021, và trước đó ông cũng đã nhận được rất nhiều giải thưởng danh giá khác như AfA Wildlife Heroes Award, Future for Nature, nhân vật trong cuốn sách 40 Wildlife Heroes, v.v..

Nguyen Van Thai, nacido en 1982, es el actual Vicepresidente de la Unión Internacional para la Conservación de la Naturaleza (IUCN), es el fundador y Director del Centro de Conservación de la Vida Silvestre en Vietnam – Save Vietnam's Wildlife. Es uno de los pioneros que sentaron las bases para el rescate y liberación de pangolines en Vietnam. Hasta el momento, tiene más de 16 años de experiencia en el campo de la conservación, participando directamente en trabajos de conservación, contribuyendo a que Vietnam se convierta en un país líder en el rescate de pangolines en el mundo. En 2021, como representante de Asia, recibió el Premio Medioambiental Goldman 2021. En el pasado su labor también ha sido reconocida con muchos otros premios de prestigio como el AfA Wildlife Heroes Award, Future for Nature, personaje del libro 40 Wildlife Heroes, etc.



Ninh Bình, ngày 8 tháng 11 năm 2021

Kính gửi bà Elena Pita,

Tôi rất trân trọng và cảm ơn những tình cảm của bà dành cho tôi, cho các đồng nghiệp và tổ chức của tôi. Tôi rất vui khi nhận được lời mời tham gia dự án ngoại giao khoa học “Thư trao đổi: Việt Nam - Tây Ban Nha. Gặp gỡ giữa Thiên nhiên” và rất sẵn lòng tham gia dự án đó.

Tôi cũng rất cảm ơn và trân quý những lời khen của bà dành cho những thành quả mà chúng tôi đã đạt được trong suốt hơn 7 năm nỗ lực, cố gắng không ngừng nghỉ để vượt qua những khó khăn; tranh đấu, giành giật lại sự sống cho từng cá thể động vật hoang dã được tịch thu từ buôn bán trái phép và tái thả chúng lại tự nhiên của toàn bộ.

Tôi cũng rất đồng tình với bà về nhận định rằng có những mối liên hệ chặt chẽ giữa các vấn đề về biến đổi khí hậu và sự mất đa dạng sinh học, và con người cũng đang có nhu cầu cấp thiết, cần hành động quyết liệt để giải quyết những vấn đề trên. Bởi đa dạng sinh học vốn là một loại tài nguyên mang tính sống còn đối với sự tồn tại của trái đất. **Sự tuyệt chủng của bất cứ loài**

nào trong hệ sinh thái ấy không những gây ra phản ứng dây chuyền đến các loài khác, mà còn đe dọa sự an nguy của loài người.

Tôi cũng thực sự đau lòng khi phải thừa nhận rằng, Việt Nam tuy là trong 16 nước có đa dạng sinh học cao nhất thế giới nhưng cũng luôn được coi là một trong những thị trường tiêu thụ và trung chuyển động vật hoang dã lớn. Đặc biệt là các sản phẩm có nguồn gốc từ tê tê, tê giá, voi, hổ, gấu v.v... những loài đang phải đứng bên bờ vực tuyệt chủng.

Tôi may mắn được sinh ra và lớn lên ngay cạnh rừng. Cũng nhờ đó mà tôi bén duyên và yêu rừng từ khi còn rất nhỏ. **Tôi cảm nhận được sự quan trọng của thiên nhiên, nuôi dưỡng tâm hồn, tình yêu trong mỗi con người, và những giá trị tinh thần tuyệt vời khác mà thiên nhiên mang lại.** Tôi còn nhớ như in ngày nhìn thấy tê tê đào hang ở dưới gốc mít trong vườn nhà mình, thật hiền lành, cuộn tròn và đang say giấc. Nó thực sự khiến cậu bé như tôi cảm thấy an bình, và hạnh phúc.

Đau lòng thay, từng ngày lớn lên, tôi phải chứng kiến những cảnh thiên nhiên bị tàn phá. Rừng càng ngày bị thu hẹp, bị chặt phá. Động vật hoang dã thì bị bị săn bắt, buôn bán trái phép để



đáp ứng những nhu cầu ích kỉ của con người: như làm thức ăn, làm đồ trang sức, làm thuốc đông y... đặc biệt là tê tê. Con người đã biến chúng thành loài thú có vú bị buôn bán trái phép nhiều nhất trên thế giới.

Việc buôn bán, và sử dụng tê tê có xu hướng gia tăng mạnh trong thập kỷ qua. Theo tôi, một phần nguyên nhân là do sự phát triển kinh tế nhanh tại các nước như Việt Nam, Trung Quốc, đã tạo ra một tầng lớp giàu có, trung lưu, sẵn sàng chi lớn cho những món ăn độc lạ. Động vật càng quý hiếm, thì càng kích thích mong muốn “thử” ăn, hoặc sở hữu. Thêm vào đó, nhiều người tin rằng, vẩy tê tê là một dược liệu quý trong đông y, có tác dụng chữa bệnh. 23% trên tổng 9000 người được phỏng vấn đều tin vào điều đó. Mặc dù, chưa có một bằng chứng khoa học về việc tác dụng chữa bệnh của vẩy tê tê.

Ở Việt Nam vốn có 2 loài tê tê là tê tê vàng và tê tê Java. Tuy nhiên, trong suốt 16 năm nay, chúng tôi chưa tìm được hình ảnh nào, hay trực tiếp bắt gặp hình ảnh tê tê vàng ngoài tự nhiên của Việt Nam. Chúng tôi đã cố gắng bằng đủ các phương pháp, thậm chí là sử dụng chó nghiệp vụ, từ Mỹ đưa về Việt Nam nhưng cũng chưa tìm thấy tê tê vàng ngoài tự nhiên. Tôi cũng đã nghe từ thợ săn là có tê tê vàng, nhưng cũng chỉ là những tin tức mập mờ về việc có vài cá thể trong suốt 16 năm qua.

Không chỉ với tê tê, tôi cũng rất lo sợ nhiều động vật hoang dã khác của Việt Nam cũng sẽ biến mất dần. **Năm 2014, tôi quyết**

định thành lập Save Vietnam's Wildlife, chỉ với mong muốn kêu gọi tất cả mọi người cùng hành động, để ngăn chặn sự tuyệt chủng và phục hồi của các quần thể động vật hoang dã nguy cấp tại Việt Nam. Suốt 7 năm, chúng tôi vẫn luôn thực hiện các dự án thiết thực, minh bạch và sử dụng tài chính một cách thực sự hiệu quả. Chúng tôi đề cao tinh thần làm chủ của người Việt, thúc đẩy vai trò của người Việt trong các chương trình của mình. Bởi tôi tin, chính những hành động của người Việt sẽ tạo sự thay đổi cho cộng đồng người Việt về hành vi sử dụng, tiêu thụ và buôn bán động vật hoang dã. Tôi tin, những tâm huyết của chúng tôi trong từng hoạt động: cứu hộ, sinh sản bảo tồn, bảo vệ rừng và động vật hoang dã ngoài tự nhiên, giáo dục nâng cao nhận thức, vận động thay đổi chính sách, nghiên cứu động vật hoang dã ngoài tự nhiên sẽ góp phần giúp con người trân trọng thiên nhiên, sống hài hòa với tự nhiên, cũng như góp phần để xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới bà. Tôi rất mong có cơ hội được gặp và chia sẻ trực tiếp với bà về các hoạt động, và dự án trực tiếp tại hai cơ sở bảo tồn động vật hoang dã của chúng tôi đặt tại Vườn quốc gia Cúc Phương (tỉnh Ninh Bình) và Vườn quốc gia Pù Mát (tỉnh Nghệ An).

Cảm ơn bà,

Nguyễn Văn Thái

Ninh Binh, 8 de noviembre de 2021

Estimada Sra. Elena Pita:

Aprecio y agradezco su cariño hacia mi organización, mis colegas y a mi persona. Estoy muy contento de la invitación a participar en el proyecto de Diplomacia científica *Cartas cruzadas: España - Vietnam. Encuentros en la Naturaleza* y estoy dispuesto a participar en él.

También agradezco y valoro sus elogios por los resultados logrados durante más de 7 años de esfuerzos, tratando constantemente de superar las dificultades, luchando por la vida de cada animal silvestre rescatado del comercio ilegal para devolverlos a la Naturaleza.

Estoy totalmente de acuerdo con usted en que existen fuertes vínculos entre el cambio climático y la pérdida de biodiversidad, y en que el ser humano necesita urgentemente medidas drásticas para abordar estos problemas, ya que la biodiversidad es un recurso esencial para la existencia de la vida en la Tierra. **La extinción de cualquier especie en un ecosistema no sólo provoca una reacción en cadena, impactando a otras especies, sino que también amenaza la seguridad humana.**

También, me rompe el corazón admitir que Vietnam, a pesar de encontrarse entre los 16 países con la mayor biodiversidad del mundo, ha sido siempre considerado como uno de los principales mercados de consumo y tráfico ilegal de animales

silvestres, especialmente de productos derivados de pangolines, rinocerontes, elefantes, tigres y osos, etc., animales al borde de la extinción.

Tuve la suerte de nacer y criarme justo al lado del bosque. Gracias a ello, me enamoré de los bosques desde una edad muy temprana. **Aprecio la importancia de la Naturaleza, nutriendo el alma, el amor en cada persona, y otros valores espirituales maravillosos que atesora la Naturaleza.** Recuerdo bien el día en que vi en mi jardín un pangolín cavando bajo el árbol de la fruta de jack, tan gentil, acurrucado y dormido. Realmente me hizo sentir en paz y feliz.

Lamentablemente, todos los días me obligan a ser testigo de la destrucción de la naturaleza. Se ha reducido el área forestal arbolada debido a la tala de bosques. Los animales salvajes son cazados, comercializados ilegalmente para satisfacer necesidades egoístas de los seres humanos, usándolos como alimentos, joyas o tratamientos con plantas medicinales. Especialmente, los pangolines se han convertido en los mamíferos más comercializados ilegalmente en el mundo.

El comercio y uso de pangolines ha aumentado considerablemente en la última década. Desde mi punto de vista, parte de la razón se debe al rápido desarrollo económico en países como Vietnam y China, con una nueva clase media adinerada, dispuesta a pagar mucho dinero por platos exóticos. Cuanto más raro es el animal, más grande es el deseo de “probarlo” o poseerlo. Además, muchas personas creen que

las escamas de pangolín contienen propiedades medicinales mágicas para la medicina oriental, con efectos curativos. El 23% de las 9.000 personas entrevistadas lo cree, a pesar de la falta de evidencia científica de los efectos curativos de las escamas de pangolín.

En Vietnam hay dos especies de pangolines, el pangolín amarillo y el pangolín malayo. Sin embargo, en los últimos 16 años, no hemos encontrado rastro de sus huellas en la Naturaleza en Vietnam. Lo hemos intentado por todos los medios, incluso con perros rastreadores profesionales traídos de Estados Unidos, pero no hemos encontrado ningún pangolín amarillo en la Naturaleza. He escuchado también hablar de los pangolines amarillos por parte de los cazadores, sin embargo, sólo son algunos rumores en estos últimos 16 años.

No únicamente temo por la desaparición de los pangolines, sino que también me preocupa la desaparición de muchos otros animales salvajes de Vietnam en el futuro. **En 2014, decidí crear Save Vietnam's Wildlife, con el único deseo de pedir a todo el mundo hacer algo juntos para prevenir la extinción de los animales, y restaurar la población de aquellos animales salvajes en peligro de extinción en Vietnam.** Durante los últimos 7 años, hemos llevado a cabo proyectos prácticos y transparentes y hemos usado la financiación de una manera realmente eficiente. Valoramos mucho el liderazgo de los vietnamitas, promoviendo la labor del pueblo vietnamita en nuestros programas. Creo que las acciones del pueblo vietnamita servirán para que nuestra comunidad rechace el

uso, consumo y comercio de animales salvajes. **Nuestra pasión nos ha llevado a dedicarnos al rescate, la reproducción, la conservación, la protección de los bosques y los animales silvestres en la Naturaleza, la mejora de la concienciación, la promoción de los cambios en las políticas, la investigación sobre los animales silvestres en la Naturaleza.** Todo esto ayudará a las personas a apreciar la Naturaleza, vivir en armonía con la Naturaleza, así como contribuir a la construcción de una sociedad sostenible.

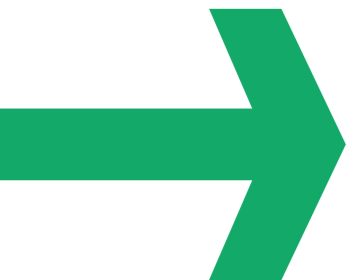
Me gustaría expresarle mi más sincero agradecimiento. Espero tener la oportunidad de conocerle en persona y conversar directamente con usted sobre nuestras actividades y proyectos en nuestras dos sedes de conservación de animales silvestres en el Parque Nacional Cuc Phuong (provincia de Ninh Binh) y el Parque Nacional Pu Mat (provincia Nghe An).

Muchas gracias.

Nguyen Van Thai



SEGUNDA CARTA DE ELENA PITA DOMÍNGUEZ A NGUYỄN VĂN THÁI



Madrid, 7 de diciembre de 2021

Estimado Sr. Van Thai:

Es un honor continuar compartiendo con usted conocimiento y experiencias, y es muy grato comprobar cómo esta iniciativa de la Embajada española en su país nos permite estrechar lazos entre personas que ponemos nuestro empeño en fomentar el cuidado de nuestro entorno natural.

Su escrito pone de manifiesto el difícil pero apasionante reto que quienes nos dedicamos a la conservación de la naturaleza tenemos por delante y todos los desafíos a los que nos enfrentamos: la pérdida de biodiversidad, la lucha contra el cambio climático y la deforestación, el cuidado de los ríos y mares, el comercio ilegal de especies silvestres y animales salvajes, los hábitos de consumo y así un gran número de asuntos que no debemos combatir de manera aislada.

Comparto con usted la preocupación que expresa sobre el tráfico ilegal de especies. Desde la Fundación Biodiversidad, como instrumento del Ministerio para la Transición Ecológica y el Reto Demográfico, estamos aportando nuestro granito de arena para ayudar a combatirlo. Así, hemos creado una convocatoria de ayudas para proporcionar apoyo a los centros de rescate depositarios de especímenes vivos decomisados incluidos en el Convenio sobre el Comercio Internacional de

Especies Amenazadas de Fauna y Flora Silvestres (Convenio CITES).

Somos conscientes de que el comercio internacional de especies de fauna y flora silvestres ha sido el responsable de una considerable disminución del número de muchas de estas especies. Estas ayudas pretenden contribuir a protegerlas de una explotación desmedida, apoyando a los centros de rescate. Su objetivo es, por un lado, evitar que los animales decomisados queden de nuevo bajo la custodia de los infractores por falta de capacidad en los centros actuales. Por otro lado, estas ayudas también pretenden que los ejemplares pertenecientes a especies especialmente valiosas puedan ser repatriados a sus países de origen o integrados en programas de cría en cautividad de parques zoológicos u otras instituciones especializadas. Creo que es importante que este problema se aborde tanto en los países de origen como en destino y es un ejemplo del valor de la cooperación multilateral en temas ambientales.

Me gustaría también agradecerle especialmente su mensaje acerca de la importancia de vivir en armonía con la naturaleza, que también comparto plenamente. Creo que **es una buena noticia en este sentido el reconocimiento, el pasado mes de octubre, del derecho a un medioambiente seguro, limpio, saludable y sostenible por parte del Consejo de Derechos Humanos de la ONU, abriendo el camino para que sea incluido en la Declaración Universal de Derechos Humanos.** Significa

un importante reconocimiento del vínculo entre naturaleza y dignidad humana, ya que los bienes y servicios que nos proporcionan los ecosistemas sanos son indispensables para poder disfrutar plenamente de muchos derechos humanos, como el derecho a la vida, a la salud, a la alimentación, y al agua y el saneamiento.

El reto sigue siendo cómo materializar esto en el territorio y cómo obtener resultados tangibles, que reviertan la degradación ambiental antes de que sea demasiado tarde. En este sentido, me parece muy interesante el enfoque de los proyectos que su organización está llevando a cabo, vinculando las actividades de conservación con la necesidad de un cambio en los hábitos de uso, consumo y comercio de animales salvajes. En la Fundación también compartimos esta filosofía, que implica actuar simultáneamente en varios frentes, conservando hábitats y especies, restaurando ecosistemas y deteniendo las principales causas de su deterioro, como la contaminación, la sobreexplotación de recursos o el cambio climático para poder revertir la pérdida de biodiversidad.

Así, por una parte, trabajamos en la conservación y restauración de ecosistemas terrestres y marinos. A lo largo de sus 23 años de trayectoria, la Fundación ha realizado un trabajo intenso en este ámbito. Ha sido pionera, por ejemplo, en la designación de Áreas Marinas Protegidas. **España, con un 12% de superficie**

marina protegida, es uno de los pocos países que ha superado el objetivo de proteger el 10% de las regiones marinas en el año 2020 comprometido con el Convenio de Diversidad Biológica (CBD). A esto ha contribuido, de forma importante y sostenida, el trabajo de la Fundación en la última década, coordinando el trabajo de numerosos socios y beneficiarios.

Además, en estos años la Fundación ha trabajado con cerca de 200 especies, mejorando el estado de conservación de algunas tan emblemáticas como el lince ibérico, el oso pardo, el águila imperial, la tortuga boba o la posidonia. Por otra parte, y de forma complementaria, se ha impulsado la economía y el empleo verde y azul a través de los programas Empleaverde y Pleamar.

Actualmente estamos desarrollando dos nuevas líneas de trabajo. La primera se dirige a reforzar el papel de la naturaleza en entornos urbanos, con objeto de mejorar la resiliencia y la biodiversidad de las ciudades, así como la calidad de vida y la salud de sus habitantes. La segunda, tiene por objetivo contribuir a cambiar los estilos de vida, a generar un cambio en los modelos de producción y consumo y una nueva percepción social a través de cambios en tres niveles: cambios de comportamiento en el día a día de las personas, cambios de políticas públicas, que generen un entorno propicio para que se produzcan estos cambios y se mantengan en el tiempo, y cambios en las percepciones y los valores de la sociedad, para que las personas no solo cambien



sus formas de actuar, sino que estén convencidas de ello y lo promuevan activamente.

Finalmente, a mí también me encantaría tener la oportunidad de conocerle en persona, en Vietnam o en España. Me gustaría mucho poder visitar sus sedes de conservación de animales silvestres, cuando las condiciones sanitarias lo permitan. Mientras tanto, quizás las tecnologías nos brinden la oportunidad de continuar conversando, para extender este diálogo que la

Embajada de España tan amablemente ha propiciado.

Agradeciéndole de nuevo su misiva y deseándole todo el éxito en el logro de sus objetivos personales y profesionales, le envío un cordial saludo con mi más sincero respeto y admiración por su labor.

Elena Pita Domínguez
Directora

Madrid, ngày 7 tháng 12 năm 2021

Thưa ông Nguyễn Văn Thái,

Tôi rất vinh dự được tiếp tục cùng ông chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm và thật sự vui mừng khi thấy sáng kiến của Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam đã cho phép chúng ta tăng cường mối quan hệ giữa những cá nhân đang nỗ lực hết mình để thúc đẩy việc chăm sóc môi trường tự nhiên của chúng ta.

Bức thư của ông đã nêu bật những thách thức khó khăn nhưng cũng thú vị mà chúng ta, những người cống hiến hết mình cho công cuộc bảo tồn thiên nhiên đang gặp phải, và tất cả những trở ngại mà chúng ta phải đối mặt: mất đa dạng sinh học, cuộc đấu tranh chống biến đổi khí hậu và nạn phá rừng, gìn giữ môi trường sông và biển, buôn bán bất hợp pháp các loài động thực vật hoang dã, các thói quen tiêu dùng cũng như một số lượng lớn các vấn đề mà chúng ta không nên giải quyết một cách riêng rẽ.

Tôi chia sẻ những lo lắng của ông về việc buôn bán bất hợp pháp các loài hoang dã. Thông qua Quỹ Đa dạng Sinh học, với tư cách là một công cụ của Bộ Chuyển đổi Sinh thái và Thách thức Nhân khẩu học, chúng tôi đang đóng góp chút sức lực của mình để đấu tranh chống lại vấn nạn trên. Do

đó, chúng tôi đã kêu gọi tài trợ để hỗ trợ các trung tâm cứu hộ lưu giữ các mẫu vật sống bị bắt giữ theo Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES).

Chúng tôi nhận thức rằng việc buôn bán trên phạm vi quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã là nguyên nhân làm giảm đáng kể số lượng của nhiều loài. Những khoản tài trợ nhằm giúp bảo vệ chúng khỏi bị khai thác quá mức, hỗ trợ các trung tâm cứu hộ. Mục tiêu của công tác hỗ trợ một mặt nhằm tránh để các động vật tịch thu được lại bị trả về cho những kẻ phạm pháp do các trung tâm hiện nay thiếu năng lực; mặt khác, các mẫu vật thuộc các loài đặc biệt có giá trị có thể được quay về quốc gia xuất xứ hoặc được lồng ghép vào các chương trình nhân giống nuôi nhốt của các vườn thú hoặc các tổ chức chuyên môn khác. Tôi nghĩ điều quan trọng là vấn đề này phải được giải quyết ở cả quốc gia sở hữu và quốc gia là thị trường tiêu thụ những loài động thực vật này; đây cũng là một ví dụ về giá trị của hợp tác đa phương về các vấn đề môi trường.

Tôi cũng muốn đặc biệt cảm ơn và cũng hoàn toàn chia sẻ thông điệp của ông về tầm quan trọng của việc sống hòa hợp với thiên nhiên. Tôi cho rằng, **sự công nhận của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc vào tháng 10 năm ngoái đối với quyền có một**

môi trường an toàn, trong sạch, lành mạnh và bền vững là một tin tốt lành trên phương diện này, mở đường cho việc đưa quyền này vào Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền. Đó là một sự thừa nhận quan trọng về mối liên hệ giữa thiên nhiên và phẩm giá con người, vì các lợi ích và dịch vụ mà những hệ sinh thái lành mạnh cung cấp cho chúng ta là cần thiết cho việc thụ hưởng đầy đủ nhiều quyền con người, chẳng hạn như quyền được sống, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền thực phẩm, quyền tiếp cận với nước sạch và vệ sinh.

Thách thức vẫn là làm thế nào để hiện thực hóa kế hoạch này trên thực tế và làm thế nào để thu được kết quả kết quả hữu hình nhằm đảo ngược quá trình suy thoái môi trường trước khi quá muộn. Ở khía cạnh này, tôi thấy cách tiếp cận trong các dự án mà tổ chức của ông đang thực hiện rất thú vị, gắn kết các hoạt động bảo tồn với sự cần thiết phải thay đổi thói quen sử dụng, tiêu thụ và buôn bán động vật hoang dã. Tại Quý, chúng tôi cũng chia sẻ triết lý này, ngụ ý hành động đồng thời trên nhiều mặt, bảo tồn sinh cảnh và các loài sinh vật, khôi phục các hệ sinh thái và ngăn chặn các nguyên nhân chính dẫn đến suy thoái, chẳng hạn như ô nhiễm, khai thác quá mức tài nguyên hoặc biến đổi khí hậu nhằm đảo ngược tình trạng mất đa dạng sinh học.

Vì vậy, một mặt, chúng tôi thực hiện công tác bảo tồn và phục

hồi các hệ sinh thái trên cạn và dưới biển. Trong suốt lịch sử 23 năm hình thành và phát triển, Quỹ đã thực hiện các hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực này. Ví dụ, Quỹ là tổ chức tiên phong trong việc chỉ định các Khu Bảo tồn Biển. **Tây Ban Nha với 12% diện tích biển được bảo vệ, là một trong số ít quốc gia đã hoàn thành vượt mức mục tiêu bảo vệ 10% các vùng biển vào năm 2020** theo cam kết trong Công ước Đa dạng Sinh học (CBD). Hoạt động của Quỹ trong thập kỷ qua đã có những đóng góp quan trọng và bền vững vào công tác này, điều phối công việc của nhiều đối tác và bên thụ hưởng.

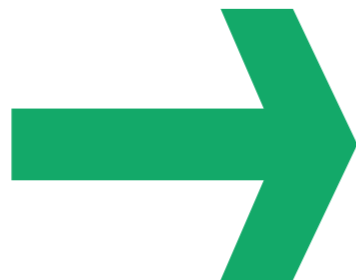
Ngoài ra, trong những năm qua, Tổ chức đã tiến hành công việc liên quan tới khoảng 200 loài, cải thiện tình trạng bảo tồn của một số loài mang tính biểu tượng như linh miêu Iberia, gấu nâu, đại bàng hoàng gia, rùa biển hay cỏ biển posidonia. Mặt khác, các chương trình Empleaverde và Pleamar được tổ chức như một hoạt động hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế và việc làm xanh lá và xanh lam.

Chúng tôi hiện đang phát triển hai hướng công tác mới. Hướng đầu tiên nhằm tăng cường vai trò của thiên nhiên trong môi trường đô thị, cải thiện khả năng phục hồi và đa dạng sinh học của các thành phố cũng như chất lượng cuộc sống và sức khỏe của người dân. Hướng thứ hai có mục tiêu góp phần thay đổi lối

sống, tạo ra sự thay đổi trong mô hình sản xuất và tiêu dùng và nhận thức xã hội mới thông qua những thay đổi ở ba cấp độ: thay đổi hành vi trong cuộc sống hàng ngày của người dân, thay đổi chính sách công, tạo môi trường thuận lợi cho những thay đổi này diễn ra và được duy trì theo thời gian, và những thay đổi trong nhận thức và giá trị của xã hội để mọi người không chỉ thay đổi cách hành động mà còn nhận thức một cách sâu sắc và tích cực phát huy những giá trị này.

Cuối cùng, tôi cũng rất mong có cơ hội được gặp ông trực tiếp, tại Việt Nam hoặc tại Tây Ban Nha. Tôi rất mong có thể đến thăm các trung tâm bảo tồn động vật hoang dã nước ông, khi điều kiện dịch tễ cho phép. Trong khi chờ đợi, có lẽ công nghệ sẽ cho chúng ta cơ hội để tiếp tục trò chuyện, mở rộng cuộc đối thoại mà Đại sứ quán Tây Ban Nha đã hết lòng tạo điều kiện.

Một lần nữa cảm ơn ông về lá thư và chúc ông đạt được nhiều thành công trong công việc và cuộc sống. Xin gửi đến ông lời chào thân ái cùng với sự trân trọng và ngưỡng mộ chân thành đối với công việc mà ông đang làm.



Giám đốc
Elena Pita Domínguez



SEGUNDA CARTA DE NGUYỄN VĂN THÁI A ELENA PITA

Ninh Bình, ngày 8 tháng 11 năm 2021.

Kính gửi bà Elena Pita,

Tôi xin chân thành ơn sáng kiến của Đại sứ quán Tây Ban Nha tại Việt Nam đã tạo cơ hội để tôi và bà có thể tiếp tục chia sẻ các kiến thức và kinh nghiệm xung quanh chủ đề về môi trường, đa dạng sinh học và thiên nhiên hoang dã. Cảm ơn sự nhiệt thành, hỗ trợ và chia sẻ của bà.

Trong chia sẻ của bà, tôi cảm thấy rất vui khi không chỉ chúng tôi, và những tổ chức bảo tồn ở Việt Nam, mà Quý Đa dạng Sinh học, với tư cách là một công cụ của Bộ Chuyển đổi Sinh thái và Thách thức Nhân khẩu học đã và đang nỗ lực cùng đấu tranh chống lại các hành vi buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp. Đặc biệt, tôi tin rằng sự tham gia của Quý trong việc kêu gọi tài trợ, hỗ trợ các hoạt động của các trung tâm cứu hộ sẽ góp phần thúc đẩy các liên minh, liên kết hợp tác quốc tế bài trừ hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái phép qua đường biên giới.

Tôi đồng ý với suy nghĩ của bà về điều quan trọng trong việc giải quyết vấn đề về buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã quốc tế cần được giải quyết ở các nước sở tại, và các nước là điểm nóng về tiêu thụ động vật hoang dã. Chính vì lẽ đó, năm 2014 tôi đã quyết tâm thành lập tổ chức Save Vietnam's Wildlife, kêu gọi chính người Việt tham gia, hoạt động và thực hiện các dự án bảo tồn nhằm phục hồi những quần thể động vật hoang dã

cuối cùng còn sót lại. Tôi thực sự cảm thấy tự hào và xúc động khi nhìn lại những đồng nghiệp luôn sát cánh bên tôi, ngày đêm làm việc chăm chỉ, cần mẫn trên mọi miền của tổ quốc. Có nhóm hàng ngày thực hiện chăm sóc các cá thể động vật bị tịch thu từ các vụ buôn bán trái phép rồi tái thả động vật lại tự nhiên. Có nhóm hàng ngày vẫn đi gõ từng bẫy, tuần tra bảo vệ rừng mang lại cuộc sống an toàn cho các bạn động vật hoang dã. Có nhóm hàng ngày lên lớp như những giáo viên lan tỏa tình yêu thiên nhiên, yêu động vật hoang dã qua những bài giảng cho các em học sinh, bài chia sẻ cho người dân, để họ trân quý thiên nhiên hơn. Và có nhóm luôn nghiên cứu, tìm ra những giải pháp tốt nhất cho công tác bảo tồn tại Việt Nam. Họ chính là những người đóng góp trực tiếp, để chúng tôi đạt được những thành tựu như ngày hôm nay như “Trung tâm cứu hộ tê tê nhiều nhất thế giới”, ghi nhận quốc tế qua những giải thưởng quốc tế về môi trường như Goldman Enviromental Prize, AfA Wildlife Heroes Award, Future for Nature ... và nhiều giải ghi nhận khác. Trong hơn 7 năm thực hiện, tính đến tháng 4 năm 2020, chúng tôi đã cứu gần 2000 cá thể động vật hoang dã, thuộc hơn 40 loài khác nhau. 60% trong số đó được tái thả thành công lại tự nhiên. Chúng tôi cũng là tổ chức tiên phong trong công tác sinh sản bảo tồn cho hai loài Cây vằn và Tê tê vàng ở Việt Nam. Sau hơn ba năm triển khai mô hình tuần tra bảo vệ rừng (anti-poaching) tại Vườn quốc gia Pù Mát, nhóm đã đồng hành cùng Kiểm lâm ở Pù Mát trong 1.350 đợt tuần tra, với quãng đường đi bộ trong rừng là 58.683km. Phát hiện 710 người vào rừng trái phép, trong đó 325 người bị phạt và lập biên bản. Phát hiện 399 cây gỗ bị chặt, tịch



thu 12.868 cái bẫy, 104 khẩu súng, 27 kích điện, 2 cưa xăng, 913 lán trại và hàng trăm kg động vật bị săn bắt. Và qua các nghiên cứu đặt bẫy ảnh theo hệ thống, thì các loài thú ở VQG Pù Mát đã phát triển tăng trở lại. Và chúng tôi cũng đang tiếp tục nhân rộng mô hình tuần tra bảo vệ rừng hiệu quả này tại thêm 4 vườn quốc gia khác trên cả nước.

Tôi cảm thấy rất vui khi thấy những chia sẻ của bà về định hướng phát triển mới của quỹ có những điểm tương đồng với những hoạt động giáo dục bảo tồn và nâng cao nhận thức của chúng. Đặc biệt là định hướng thứ hai, góp phần thay đổi lối sống, tạo ra những hoạt động sinh kế, thay đổi nhận thức và hành vi của người dân, đặc biệt là người vùng đệm, để họ và những người thân trong gia đình không còn vào rừng săn bắt động vật hoang dã, không tiếp tay cho các hành vi buôn bán, tiêu thụ động vật hoang dã. Chúng tôi đã thực hiện các chuyến trải nghiệm thiên nhiên cho 8156 trẻ em xung quanh vùng đệm, các em có thể là con em của những phụ huynh đã từng làm thợ săn. 90% các em đã quyết định không sử dụng động vật hoang dã. Chuỗi sự kiện tê tê của chúng tôi đến trường đã thu hút được 7000 học sinh, giáo viên, phụ huynh tham gia tìm hiểu về động vật hoang dã và hơn 90% mọi người cam kết chung tay bảo vệ Tê tê và động

vật hoang dã. Và hiện tại, chúng tôi cũng đang gấp rút, dành rất nhiều tâm huyết thực hiện các dự án trường học, nâng cao nhận thức, dự án cộng đồng, giảm nhu cầu sử dụng thịt động vật hoang dã tại Nghệ An - một tỉnh được coi là điểm nóng trong việc săn bắt tiêu thụ động vật hoang dã tại chỗ và xuyên biên giới qua Lào.

Tôi xin chân thành cảm ơn bà, và Đại sứ quán Tây Ban Nha đã tạo ra dự án để tôi có thể chia sẻ cùng bà. Thật sự còn rất nhiều dự án nữa tôi muốn chia sẻ với bà về những dự án, những kế hoạch, dự án quan trọng mà chúng tôi mong muốn thực hiện sắp tới. Tôi rất mong chúng ta có thể trao đổi trực tiếp, và có cơ hội hợp tác với nhau trong tương lai gần.

Cảm ơn bà. Chúc bà và gia đình cùng các cộng sự có một Giáng sinh an lành.

Giám đốc
Nguyễn Văn Thái



Ninh Binh, 8 de noviembre de 2021.

Estimada Elena Pita:

Me gustaría agradecer la iniciativa de la Embajada de España en Vietnam por brindarnos la oportunidad de seguir compartiendo nuestros conocimientos y experiencias en torno al medio ambiente, la biodiversidad y la naturaleza salvaje. Gracias por su entusiasmo, su apoyo y participación.

En su carta, me siento muy feliz de que no solo nosotros y las organizaciones conservacionistas en Vietnam, sino el Fondo de Biodiversidad, como una herramienta del Ministerio para la Transición Ecológica y el Reto Demográfico haya estado trabajando juntos para combatir el comercio ilegal de animales silvestres. En particular, creo que la participación del Fondo en la convocatoria de financiación y apoyo a las actividades de los centros de rescate contribuirá a promover alianzas y cooperación internacionales para combatir el tráfico ilegal de vida silvestre a través de la frontera del país.

Estoy de acuerdo con su idea sobre la importancia de abordar el comercio y el consumo internacional de vida silvestre, que debe tratarse en los países de origen y en los países de destino que son puntos críticos para el consumo. Por esa razón, en 2014 decidí fundar Save Vietnam's Wildlife, llamando a los vietnamitas a participar, operar e implementar proyectos de

conservación con el fin de restaurar las últimas poblaciones de vida silvestre que quedan. Mis colegas, que siempre han estado a mi lado, han realizado un duro trabajo día y noche por todo el país, del que me siento realmente orgulloso y conmovido. Hay grupos que se ocupan de los animales confiscados del comercio ilegal diariamente y que, luego, devuelven a la naturaleza. Hay grupos que todavía retiran trampas cada día cuando patrullan el bosque para garantizar una vida segura a los animales salvajes. Otros grupos transmiten el amor por la naturaleza y la vida silvestre a través de conferencias a estudiantes y que imparten lecciones para que las personas aprecien más la naturaleza. Otros investigan y encuentran mejores soluciones para el trabajo de conservación en Vietnam. Ellos son los contribuyentes directos, los que nos permiten alcanzar logros como «El centro de rescate de pangolines más grande del mundo», reconocido internacionalmente a través de premios ambientales internacionales: Premio Ambiental Goldman, Premio AFA Wildlife Heroes, Futuro para la Naturaleza ... y muchos otros. En más de 7 años de trabajo, hasta abril de 2020, hemos salvado cerca de 2000 animales salvajes de más de 40 especies diferentes. El 60% de ellos fueron devueltos con éxito a la naturaleza. También somos pioneros en la cría de conservación de dos especies de algalia y del pangolín amarillo en Vietnam. Después de más de tres años de implementar el modelo contra la caza furtiva en el Parque Nacional Pu Mat, hemos acompañado al Cuerpo de Agentes Forestales en 1.350 patrullajes por 58.683 km de recorrido a pie en el bosque,

encontrado a 710 personas que ingresan ilegalmente al bosque, de ellos 325 personas fueron multadas y registradas, encontrado 399 árboles talados, recogido 12.868 trampas, 104 fusiles, 27 trampas eléctricas, 2 cortadoras a gasolina, 913 campamentos y cientos de kilogramos de animales capturados. Mediante las cámaras trampa, se observa que la población de las especies animales en el Parque Nacional Pu Mat ha aumentado de nuevo. Continuamos replicando este eficaz modelo de patrulla de protección forestal en otros cuatro parques nacionales en todo el país. Me complace mucho ver que su intercambio sobre la nueva dirección de desarrollo de la fundación tiene similitudes con nuestras actividades de educación para la conservación y sensibilización. De ellas la segunda orientación contribuye a cambiar estilos de vida, crear actividades de subsistencia, cambiar las percepciones y comportamientos de las personas, especialmente las personas en la zona de amortiguamiento. Con la sensibilización, ellos y sus familiares no van al bosque a cazar animales salvajes ni a promover actos de comercio y consumo de estos animales. Hemos realizado excursiones por la naturaleza con 8156 niños alrededor de la zona de amortiguamiento; algunos de estos niños pueden ser hijos de padres que solían ser cazadores. El 90% de los niños decidió no consumir animales salvajes. Nuestra serie de eventos de pangolines ha atraído a 7000 estudiantes, maestros y padres a aprender sobre la vida silvestre y más del 90% de las personas están comprometidas con la protección de los pangolines y la vida silvestre. Ahora, con apuros y entusiasmo, nos dedicamos

a implementar proyectos escolares y comunitarios, sensibilizar, reducir la demanda de carne de animales salvajes en Nghe An, una provincia que se considera un punto de concentración de la caza de vida silvestre y el consumo local y al otro lado de la frontera con Laos.

Me gustaría agradecerle a usted y a la Embajada de España por crear el presente proyecto, que compartimos con ustedes. Realmente hay muchos más importantes proyectos y planes que queremos implementar en un futuro cercano y contárselos. Espero que podamos hablar directamente y que tengamos la oportunidad de cooperar en un futuro próximo.

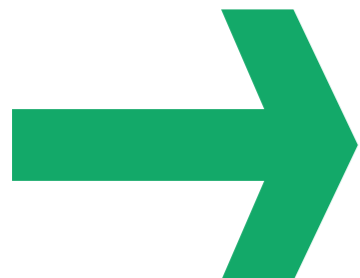
Gracias, señora. ¡Les deseo a usted, a su familia y a los asociados una Feliz Navidad!

Director
Nguyen Van Thai



ĐẤT NGẬP NƯỚC, NƯỚC VÀ SỰ SỐNG

HUMEDALES, AGUA Y VIDA



PRIMERA CARTA DE ANTONIO CAMACHO A PHẠM THỊ DIỆU MY



Antonio Camacho es Doctor en Biología, Director del Grupo de Investigación de Limnología del Instituto Cavanilles de Biodiversidad y Biología Evolutiva, y Catedrático de Ecología de la Universidad de Valencia. Su principal actividad investigadora y docente universitaria está relacionada con aspectos básicos y aplicados de la ecología acuática y su interacción con el cambio climático y los servicios ecosistémicos. Es coautor de unos 160 artículos de investigación en revistas científicas y libros. Actualmente es el presidente de la European Federation for Freshwater Sciences, y miembro del Comité Científico de la División de Ciencias de la Tierra y el Medio Ambiente de la Academia Europea de Ciencias.

Antonio Camacho là Tiến sĩ Sinh học, Quản lý Nhóm Nghiên cứu Hồ học của Viện Đa dạng Sinh học và Sinh học Tiến hóa Cavanilles và là Giáo sư Sinh thái học tại Đại học Valencia. Ông chủ yếu nghiên cứu và giảng dạy liên quan đến các khía cạnh cơ bản và ứng dụng của các hệ sinh thái dưới nước và sự tương tác của chúng với biến đổi khí hậu và các dịch vụ hệ sinh thái. Ông là đồng tác giả của khoảng 160 bài nghiên cứu trên các tạp chí và sách khoa học. Ông hiện là Chủ tịch của Liên đoàn Châu Âu về Khoa học Nước ngọt và là thành viên của Ủy ban Khoa học, Ban Khoa học Trái đất và Môi trường của Viện Hàn lâm Khoa học Châu Âu.

Estimada Sra. Pham Thi Dieu My,

Mi nombre es Antonio Camacho, soy una persona de 56 años, biólogo, y trabajo como Catedrático de Ecología en la Universidad de Valencia, una de las universidades más grandes de nuestro país que se ubica en la propia ciudad de Valencia, una ciudad de mediano tamaño situada en la zona costera del este de España, donde gozamos de un clima mediterráneo y un entorno muy rico en zonas húmedas.

Como todo niño nacido en la ciudad, mi contacto con la naturaleza se intensificaba en los veranos, cuando durante las vacaciones escolares viajábamos al pueblo de mis abuelos, y allí pasaba los meses de verano jugando en la huerta de mis tíos. Pero, como a otros tantos niños de mi generación, lo que me despertó el interés por la naturaleza, un interés ya más consciente, fueron los programas de televisión sobre naturaleza, y más concretamente, los de Félix Rodríguez de la Fuente (https://en.wikipedia.org/wiki/F%C3%A9lix_Rodr%C3%ADguez_de_la_Fuente), un famoso naturalista español que nos acercaba la vida de los animales que vivían ahí, en el campo, pero que nosotros difícilmente podíamos conocer en nuestra vida urbanita. Y como tantos otros, eso que veía en la televisión despertó una conciencia militante de que, por encima de todo, había que proteger a la naturaleza. ¿Por qué? Porque si no la defendíamos

ella sola no podía defenderse. Ahí solo lo veía todo desde un lado, de forma radical, hay que conservar la naturaleza por encima de todo, hay que defenderla de nosotros, los humanos, que solo queremos explotarla y, por ello, la destruimos.

Esa pasión por la naturaleza me hizo hacerme biólogo, y conforme me iba dedicando a ello más profesionalmente me fui dando cuenta de cuáles son las consecuencias, los beneficios y los costes, de la conservación. Normalmente, unos pierden y otros ganan, y los primeros solían ser los conservacionistas y, sobre todo, la gente que vive más en contacto con la naturaleza, y que más necesita que esté en buen estado, para poder vivir. A escala local, unos necesitamos más los servicios ecosistémicos que otros, aunque a escala global, **todos vivimos en un mismo planeta y, más pronto que tarde, sufriremos las consecuencias de hacer las cosas de una manera no sostenible, enfrentándonos con la naturaleza en lugar de convivir, o más bien de vivir, en ella.**

Algo de lo que algunos ya éramos conscientes, que los beneficios para el ser humano obtenidos de la naturaleza, se van perdiendo si se pierde la salud ecológica de los ecosistemas, las ciencias, tanto biofísicas como sociales, lo han incorporado dentro del concepto hoy tan manido de “servicios de los ecosistemas”, que se ha convertido en el nuevo paradigma de la sostenibilidad

y la alianza entre humanos y naturaleza. **En mis clases de Biología de la Conservación en la universidad mis alumnos me oyen decir habitualmente que “la conservación no es una opción, es la única opción”.** Esa frase no quiere decir más que si no preservamos, o restauramos, la salud ecológica de los ecosistemas, este planeta, y nuestras sociedades humanas, tienen una fecha de caducidad, al menos tal como ahora los entendemos. Por el contrario, **el futuro está en comprender y practicar esa sostenibilidad, y hace falta mucha pedagogía para ello.** Los que tenemos clara esa visión debemos tratar de transmitirla, pero algo esencial es conseguir que sea asimilable. Ahí aflora otra palabra fundamental, justicia.

Conservar con justicia quiere decir que el coste de conservar no puede recaer principalmente sobre aquellos que dependen más directamente de la conservación de la salud ecológica de la naturaleza para vivir, que es lo que lamentablemente está pasando y, lo que es más grave, puede seguir pasando en un contexto de cambio climático en el que la resiliencia de las comunidades locales está mucho más amenazada. “Pensar globalmente, actuar localmente” parece un buen lema para cómo hacer las cosas, pero a menudo no sabemos cómo hacerlo, como ciudadanos, ni, como científicos, sabemos cómo transmitirlo.

En estos diálogos se nos propone reflexionar conjuntamente sobre cómo poder alcanzar “un futuro digno para la Tierra y quienes la habitan: seres humanos, animales, plantas, ecosistemas”. Como científico especialista en humedales, pienso que estos ecosistemas, que están entre los más ricos, biodiversos, y activos biogeoquímicamente de nuestro planeta, pueden constituir un buen ejemplo en el que plasmar nuestras reflexiones y, a su vez, enriquecerse con la diversidad cultural de nuestros dos países. Esa diversidad nos puede ayudar a compartir, desde distintos puntos de vista, cómo nuestros ciudadanos han podido alcanzar puntos de armonía en los que las poblaciones locales han coexistido con estos tipos de ecosistemas aprovechando sus servicios para tener una vida digna. Además de esos beneficios para la población local, que son bien percibidos por ésta, y que han hecho que en muchas ocasiones sean las comunidades locales las mayores protectoras de los humedales, la ciencia aporta evidencias cada vez más abrumadoras de que los humedales, pese a ocupar una fracción relativamente pequeña de la superficie de nuestro planeta, juegan un papel biogeoquímico, y en particular climático, desproporcionadamente mucho más relevante que casi cualquier otro tipo de ecosistema.

En consonancia con lo expuesto, **mi propuesta de diálogo estribaría en que ambos exploremos juntos cómo ven**

nuestros pueblos, vietnamita y español, el papel de los humedales en su bienestar. Por ello, propongo que identifiquemos, respectivamente y para cada uno de nuestros países, cómo percibe la población local, la que vive con, en, y de los humedales, por un lado, y el resto de la población, que conoce los humedales pero que no los vive en su día a día, por otro, el papel de los humedales como otorgadores de servicios para nuestro bienestar. Para ello propongo que, en nuestro intercambio epistolar, nos transmitamos mutuamente cuáles son los servicios más valorados por nuestros ciudadanos en cada uno de esos ámbitos de entre los otorgados por los humedales, cómo la riqueza cultural de nuestros pueblos contribuye a esa apreciación, y hasta qué punto vietnamitas y españoles somos conscientes de que solo con una buena salud ecológica de estos ecosistemas tan valiosos podremos

seguir disfrutando de esos servicios, con la esperanza de que la relación entre humedales y seres humanos pueda ser un ejemplo de la alianza entre nuestra especie y el resto de la naturaleza. Me gustaría, por tanto, invitar a la Señora Pham Thi Dieu My a transmitirme sus reflexiones sobre la visión que sus conciudadanos tienen del valor de los humedales, la importancia de su conservación, y la ligazón entre la salud de estos ecosistemas y el bienestar de las personas y nuestras sociedades, y estaré encantado de actuar de manera recíproca al respecto.

Reciba un cordial saludo, y mi aprecio personal a la excelente labor profesional que realiza.

Antonio Camacho



*Félix Rodríguez de la Fuente, el amigo de los lobos.
Imagen emblemática de la serie El hombre y la Tierra, cedida por RTVE.*

*Félix Rodríguez de la Fuente, người bạn của bầy sói.
Bức ảnh biểu tượng của loạt phim El hombre y la Tierra do RTVE cung cấp.*

Bà Phạm Thị Diệu My thân mến!

Tôi là Antonio Camacho, 56 tuổi. Tôi nghiên cứu sinh vật học và là giáo sư sinh thái học tại Đại học Valencia, một trong những trường đại học lớn nhất cả nước được đặt ở thành phố Valencia; thành phố với quy mô trung bình nằm ven duyên hải phía đông Tây Ban Nha, nơi chúng tôi tận hưởng khí hậu Địa Trung Hải cùng môi trường đa dạng và độ ẩm cao.

Giống như mọi đứa trẻ sinh ra ở thành phố, tôi tiếp xúc với thiên nhiên nhiều hơn vào mùa hè, khi chúng tôi về thị trấn của ông bà tôi trong kỳ nghỉ. Ở đó tôi đã dành những tháng hè mê mải trong vườn cây ăn quả của các chú tôi. Nhưng, cũng như rất nhiều đứa trẻ khác cùng thế hệ, điều giúp tôi khơi dậy niềm yêu thích đối với thiên nhiên, một sở thích vốn đã có ý thức hơn, là các chương trình truyền hình về đề tài này. Cụ thể là chương trình của Félix Rodríguez de la Fuente (https://en.wikipedia.org/wiki/F%C3%A9lix_Rodr%C3%ADguez_de_la_Fuente), một nhà tự nhiên học nổi tiếng người Tây Ban Nha, người đã giúp chúng tôi hiểu biết hơn về cuộc sống của các loài động vật ở vùng nông thôn mà chúng tôi khó có thể biết tới khi chỉ sống ở thành phố. Giống như nhiều người khác, những gì nhìn thấy qua truyền hình đã khơi dậy ý thức mãnh liệt trong tôi: thiên nhiên trên hết cần phải được bảo vệ. Tại sao? Bởi vì nếu chúng ta không bảo vệ thiên nhiên, thiên nhiên sẽ không thể tự bảo vệ mình. Do đó, tôi nhìn nhận vấn đề một cách triệt để và kiên quyết, chúng ta phải bảo tồn, bảo vệ thiên nhiên khỏi chính chúng ta, con người,

vì con người chỉ muốn khai thác và chính vì vậy, phá hủy thiên nhiên.

Niềm đam mê dành cho thiên nhiên đó đã khiến tôi trở thành một nhà sinh vật học, và khi tôi bắt đầu con đường nghiên cứu một cách chuyên nghiệp hơn, tôi nhận ra những hậu quả, lợi ích và chi phí của việc bảo tồn. Thông thường, sẽ có người được và có người mất. Và những người mất mát thường là các nhà bảo tồn và hơn hết là những người tiếp xúc nhiều với thiên nhiên, những người cần nhất một môi trường thiên nhiên khỏe mạnh để có thể sinh sống. Ở quy mô quốc gia, sẽ có một số người trong chúng ta cần tới các dịch vụ sinh thái hơn những người khác mặc dù trên phạm vi toàn cầu, **tất cả chúng ta đều đang sống trên cùng một hành tinh và sớm muộn chúng ta cũng phải gánh chịu hậu quả của việc khai thác mọi thứ một cách không bền vững, đối đầu thay vì cùng chung sống với thiên nhiên, hay đúng hơn là sống trong lòng thiên nhiên.**

Một số người trong chúng ta đã ý thức được rằng những lợi ích mà thiên nhiên ban tặng cho con người sẽ mất đi nếu sức khỏe của hệ sinh thái bị giảm sút. Điều này đã được các ngành khoa học, cả vật lý sinh học và xã hội học, tích hợp vào khái niệm “dịch vụ hệ sinh thái” ngày nay được sử dụng nhiều và đã trở thành mô hình mới về tính bền vững và hình thành liên kết giữa con người với thiên nhiên. **Trong các lớp Sinh học Bảo tồn của tôi ở trường đại học, sinh viên thường nghe tôi trao đổi rằng “bảo tồn không phải là một lựa chọn, nó là lựa chọn duy nhất”.**

Câu nói đó không có ý nghĩa gì khác là nếu chúng ta không bảo tồn hay khôi phục sức khỏe của hệ sinh thái, hành tinh này cùng xã hội loài người sẽ tới ngày tận thế, ít nhất là theo hiểu biết của chúng ta hiện nay. Ngược lại, **tương lai nằm ở việc hiểu và thực hành tính bền vững đó, và cần rất nhiều nỗ lực giáo dục cho nhiệm vụ này.** Những ai trong chúng ta có được tầm nhìn sáng rõ ấy cần cố gắng truyền đạt nó, nhưng điều thiết yếu là làm cho nhận thức này được thấm thấu sâu rộng. Tới đây lại xuất hiện một khái niệm cơ bản khác, tính công bằng.

Bảo tồn một cách công bằng có nghĩa là chi phí bảo tồn không thể chủ yếu rơi vào những người phụ thuộc trực tiếp hơn vào công tác bảo tồn sức khỏe cho thiên nhiên để sinh sống. Đây là điều không may đang xảy ra và nghiêm trọng hơn, nó có thể tiếp tục xảy ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu khiến khả năng ứng phó tại nhiều địa phương bị đe dọa ngày một nhiều hơn. “Tư duy toàn cầu, hành động địa phương” dường như là một phương châm tốt cho mọi nỗ lực, nhưng thường thì chúng ta không biết phải thực hiện nhiệm vụ này thế nào với tư cách là công dân, cũng như chúng ta không biết cách truyền đạt nó ra sao với tư cách là nhà khoa học.

Trong hoạt động trao đổi này, chúng ta được gợi ý cùng nhau suy nghĩ về cách đạt được “một tương lai tốt đẹp cho Trái đất và sự sống nơi đây bao gồm con người, động vật, thực vật và hệ sinh thái”. Với tư cách là một nhà khoa học chuyên về đất ngập nước, tôi nghĩ rằng hệ sinh thái này, một trong những hệ



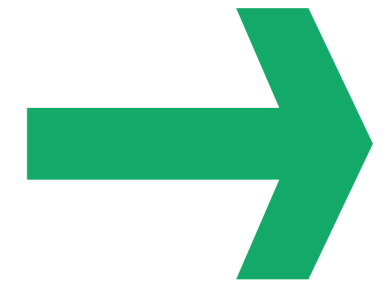
sinh thái phong phú nhất, đa dạng nhất về sinh học và có hoạt động sinh hóa mạnh mẽ nhất trên hành tinh của chúng ta, có thể là chủ đề thú vị để chúng ta thể hiện suy nghĩ và nhận thức của mình, được bổ sung, làm giàu bằng sự đa dạng văn hóa của hai quốc gia. Sự đa dạng này có thể giúp chúng ta chia sẻ, trên những quan điểm khác nhau, về cách mà người dân ở hai nước đã đạt tới mức độ chung sống hài hòa với các hệ sinh thái này, tận dụng các dịch vụ của nó để có một cuộc sống đàng hoàng. Ngoài những lợi ích vốn được cộng đồng địa phương nhận thức rõ và trong nhiều trường hợp khiến họ trở thành những người bảo vệ chủ yếu của các vùng đất ngập nước, khoa học ngày càng cung cấp nhiều bằng chứng cho thấy đất ngập nước, mặc dù chỉ chiếm một phần tương đối nhỏ của bề mặt hành tinh của chúng ta, lại đóng một vai trò sinh địa hóa, đặc biệt là khí hậu, lớn hơn nhiều so với hầu hết các loại hình sinh thái khác.

Từ những ý kiến trên đây, **đề xuất đối thoại của tôi là cả hai chúng ta cùng nhau khám phá xem người dân hai nước, Việt Nam và Tây Ban Nha, nhìn nhận vai trò của đất ngập nước đối với cuộc sống của họ như thế nào.** Do đó, tôi đề nghị chúng ta xác định, tương ứng với mỗi quốc gia, cách người dân địa phương - một bên là những người sống cùng, sống trong và sống dựa vào đất ngập nước, và bên kia là phần dân số còn lại, những người biết về đất ngập nước nhưng không sống trong môi trường đó ngày này qua ngày khác, nhận thức về vai trò của đất ngập nước như là nguồn cung cho các nhu cầu trong cuộc sống của chúng ta. Về vấn đề này, nếu bà thấy hợp lý, chúng ta sẽ cho nhau biết những dịch vụ nào từ các vùng đất ngập nước

được người dân hai nước thuộc mỗi nhóm dân cư đánh giá cao nhất; sự phong phú về văn hóa của hai dân tộc chúng ta có vai trò thế nào trong những nhận định đó. Ngoài ra, chúng ta cũng nên cung cấp thông tin về mức độ nhận thức của người dân Việt Nam và Tây Ban Nha đối với quan niệm: chỉ khi hệ sinh thái quý giá đó có sức khỏe tốt, chúng ta mới có thể tiếp tục tận hưởng những dịch vụ do nó cung cấp, với hy vọng rằng mối quan hệ giữa đất ngập nước và loài người có thể là một ví dụ về sự liên kết giữa giống loài chúng ta và phần còn lại của thiên nhiên. Do đó, tôi muốn mời bà Phạm Thị Diệu My chia sẻ với tôi những suy nghĩ của bà về quan điểm của người dân Việt Nam về giá trị của đất ngập nước, tầm quan trọng của việc bảo tồn chúng và mối liên hệ giữa sức khỏe của hệ sinh thái này và cuộc sống của con người và xã hội của chúng ta. Tôi thật sự vui mừng được cùng bà trao đổi về vấn đề này.

Xin gửi tới bà lời chào thân ái và lòng ngưỡng mộ của tôi đối với những thành tựu chuyên môn xuất sắc của bà!

Antonio Camacho





PRIMERA CARTA DE PHẠM THỊ ĐIỀU MY A ANTONIO CÁMACHO



Bà My Phạm hiện là giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội (CSRĐ). Chuyên môn của bà My bao gồm lĩnh vực nghiên cứu về thảm họa tự nhiên và các thực hành ở cấp địa phương, tác động của Biến đổi khí hậu, khả năng thích ứng và tình trạng dễ bị tổn thương và lồng ghép giới. Bà có hơn 18 năm kinh nghiệm thực hiện các dự án nghiên cứu và phát triển ở cấp quốc gia và quốc tế. Bà cũng có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý các dự án ở cấp địa phương với những cộng đồng gặp khó khăn.

Bà My đã nhận được học bổng của Chính phủ Úc cho chương trình Thạc sĩ về lĩnh vực Thiên tai và Thảm họa ở trường Đại học Quốc gia Úc vào năm 2011-2013.

Năm 2021, với dự án “Gốc rễ bền chặt, phụ nữ quật cường: trao quyền cho phụ nữ vì cộng đồng và tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng và hệ sinh thái ven biển ở miền Trung Việt Nam”, bà My và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội đã giành được Giải thưởng RISK do Quỹ Munich Re phối hợp với Văn phòng giảm nhẹ rủi ro thiên tai của Liên Hợp Quốc (UNDRR) trao tặng.

My Pham es la actual Directora del Centro de Investigación y Desarrollo Social. Su experiencia incluye la investigación y la prevención de riesgos de desastres naturales a nivel local, los impactos del cambio climático, la vulnerabilidad y capacidad de adaptación y la integración de la perspectiva de género. Tiene más de 18 años de experiencia en proyectos de investigación y desarrollo a nivel nacional e internacional. Tiene una larga experiencia en la gestión de proyectos de ámbito local y con personas desfavorecidas.

Recibió una beca australiana para completar su Diploma en Gestión y Desarrollo Ambiental y su Maestría en Desastres y Riesgos Naturales en 2011-2013 en la Universidad Nacional de Australia.

My Pham y su organización, el Centro de Investigación y Desarrollo Social, fueron ganadoras del Premio Riesgo 2021 (Risk Award 2021), copatrocinado por la Fundación Munich Re y la UNDRR, por su proyecto “Raíces fuertes, mujeres fuertes: empoderamiento de las mujeres para la resiliencia comunitaria y de los ecosistemas costeros en el centro de Vietnam”.

Kính gửi Giáo sư Antonio Camacho!

Tôi rất vui khi nhận được bức thư của ông trong khuôn khổ của Chương trình Ngoại giao Khoa học của Đại sứ quán Tây Ban Nha. Tôi vốn học về Địa lý, sau đó học về Quản lý Môi trường và Phát triển và hoàn thành bằng Thạc sỹ của mình về Thiên tai và Thảm họa Thiên nhiên (Natural Hazards and Disasters).

Bức thư của ông thực sự cho tôi thấy được niềm đam mê, tâm huyết và trăn trở của một người yêu thiên nhiên, hiểu rõ giá trị của thiên nhiên nói chung và hệ sinh thái đất ngập nước nói riêng. Hơn thế nữa, bức thư cũng thể hiện những nỗ lực mà ông muốn tạo ra sự thay đổi trong nhận thức của chúng ta, đặc biệt là thế hệ trẻ trong việc bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và các dịch vụ của hệ sinh thái.

Bản thân tôi cũng làm về bảo vệ môi trường và bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, trong đó cũng chú trọng vào việc tạo ra sự thay đổi về nhận thức, thái độ và hành vi của con người trong ứng xử với thiên nhiên. Tuy nhiên, con đường của tôi đi có chút khác biệt. Vốn dĩ ban đầu tôi không mấy chú ý đến những vấn đề này và cũng như bao người khác, tôi lớn lên với mong muốn có một công việc ổn định, không quá vất vả với một mức thu nhập khiêm tốn. Tôi đã trải qua vài năm làm việc trong một cơ quan nhà nước có chức năng quản lý các dự án công trình chinh trị sông. Lúc đó, tôi cũng nghĩ rằng thiên nhiên phục vụ con người và con người có thể can thiệp để hưởng lợi tối đa từ thiên nhiên với sự quan tâm ít ỏi về bảo tồn và phát triển bền vững.

Sự thay đổi trong nhận thức và lựa chọn nghề nghiệp của tôi diễn ra khá bất ngờ khi tôi gặp được một người tâm huyết với phát triển cộng đồng, đó là Giám đốc cũ của tôi trước đây. Tôi được truyền cảm hứng về những công việc trực tiếp phục vụ nhóm cộng đồng dễ chịu thiệt thòi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, một quá trình mà trong đó có nhiều sự đánh đổi giữa phát triển kinh tế và bảo tồn, trong đó có bảo tồn đất ngập nước. Vì vậy, tôi đã quyết định rời bỏ nhiệm sở để tham gia vào một tổ chức phi lợi nhuận địa phương (local NGO) để có nhiều cơ hội làm việc trực tiếp và phục vụ các nhóm cộng đồng nghèo, sống phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên nhưng lại có nhận thức và sự tham gia hạn chế vào quá trình bảo tồn thiên nhiên.

Như ông có đề cập, không phải tất cả chúng ra đều hiểu rõ được tầm quan trọng của thiên nhiên và hệ sinh thái đất ngập nước đối với đời sống con người và tương lai của chúng ta. Các dịch vụ của hệ sinh thái mang lại chưa được lượng giá một cách đúng đắn để có sự đầu tư và bảo vệ đúng mức. Trong thời gian gần 13 năm làm việc của mình, **tôi nhận thấy rằng dịch vụ quan trọng mà hệ sinh thái đất ngập nước mang lại cho người dân nghèo quê tôi đó là sinh kế và cung cấp vùng đệm giảm thiểu tác động của lũ lụt của vùng quê giáp biển.**

Để ông có thể hình dung rõ hơn, tôi có thể lấy ví dụ cụ thể địa bàn mà các dự án của chúng tôi đã hoạt động. Đó là một vùng đầm phá (lagoon) nước lợ rộng lớn nhất Đông nam Á - tên là Tam Giang-Cầu Hai, tại tỉnh Thừa Thiên Huế, miền trung Việt Nam.

Đây là nơi đã được nhiều nghiên cứu chứng minh là có giá trị đa dạng sinh học rất cao với nhiều loài đặc thù trở thành những sản vật nổi tiếng của địa phương. Chính vì vậy, đây cũng là nơi cung cấp sinh kế cho hàng ngàn người dân địa phương sống dựa vào việc đánh bắt tôm cá tự nhiên và sau đó là nuôi trồng thủy sản. Trong lịch sử, đã có những cộng đồng dân cư thủy diên (sampan communities) sống lênh đênh “theo đuôi con cá”. Theo dòng thời gian, những người dân này được định cư để ổn định về mặt an sinh xã hội, nhưng sinh kế của họ vẫn không thể rời khỏi đầm phá. Với sự phát triển nhanh của dân số, nhu cầu nâng cao đời sống, hoạt động sinh kế của họ cũng tăng dần lên. Và với ý nghĩ là tài nguyên thiên nhiên vô tận, họ tiếp tục tận thu nguồn lợi thủy sản bằng nhiều cách đánh bắt hủy diệt, nuôi trồng ồ ạt thiếu quy hoạch. Trong một thời gian dài, bảo tồn là một vấn đề gì đó khá xa lạ trong việc hoạch định chính sách và thực thi. Chỉ có một số nghiên cứu hàn lâm về giá trị đa dạng sinh học của vùng đất ngập nước đặc thù này. Và hậu quả là trong một thời gian ngắn, nguồn tài nguyên cạn kiệt, sinh kế bấp bênh, môi trường đầm phá ô nhiễm nghiêm trọng và người dân chìm trong nợ nần do các khoản đầu tư lớn vào nuôi trồng thủy sản.

Trong giai đoạn khủng hoảng tài nguyên và môi trường của đầm phá đó (khoảng vào năm 2002), các chương trình và dự án lớn từ các tổ chức phi chính phủ quốc tế đã chú ý và bắt đầu có các hành động can thiệp để cứu vãn hệ sinh thái giá trị này. Các hoạt động mà họ tiến hành rất đa dạng: đánh giá tổng thể thực trạng của đầm phá, nâng cao nhận thức cho người dân và chính quyền địa phương, lập quy hoạch phân vùng mặt nước, trao



quyền cho cộng đồng tự quản lý thông qua các hiệp hội nghề cá và khoanh các vùng bảo vệ. Phía chính quyền địa phương cũng dần nhận ra tầm quan trọng của việc bảo tồn hệ sinh thái đất ngập nước đối với phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Họ đã có sự hợp tác tốt hơn và thúc đẩy hiệu quả hơn việc thực thi với cộng đồng. Đến nay, sau gần 20 năm, người dân đã tự tổ chức tốt hơn việc bảo vệ và quản lý nguồn lợi, cuộc sống dần ổn định hơn, cách thức khai thác bền vững hơn nhờ các hoạt động tái tạo nguồn lợi và cải tạo môi trường sống thông qua phục hồi hệ sinh thái.

Một loại hình dịch vụ của nửa hệ sinh thái đất ngập nước này là trở thành vùng đệm trữ nước trong mùa lũ. Với chức năng này, lũ lụt tại vùng ven biển bớt khắc nghiệt hơn và giảm được thiệt hại về người và của cho người dân địa phương. **Trong bốn năm trở lại đây, chúng tôi đã có dự án nghiên cứu về tăng cường khả năng chống chịu với lũ lụt và Biến đổi Khí hậu cho người dân và hệ sinh thái đầm phá bằng phương pháp “giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào thiên nhiên” (Eco-DRR).** Ở đây chúng tôi cũng thực hiện nâng cao nhận thức về Biến đổi Khí hậu, vai trò của hệ sinh thái và dịch vụ của chúng đối với phát triển bền vững của cộng đồng. Hành động can thiệp cấp cộng đồng mà chúng tôi thực hiện là trồng cây ngập mặn (mangroves) với một diện tích vừa nhỏ nhưng đủ để chứng minh cho cộng đồng địa phương thấy rằng nếu hệ sinh thái này được bảo vệ và phát triển tốt thì những lợi ích mang lại cho họ có thể là: nguồn lợi thủy sản phong phú hơn nhờ môi trường sống được cải thiện, lũ lụt sẽ

giảm cường độ tàn phá hơn, cảnh quan tốt hơn có thể tổ chức được các hoạt động du lịch cộng đồng...

Có một điều thú vị trong nghiên cứu của chúng tôi về lượng giá giá trị (ecosystem valuation) của hệ sinh thái đầm phá khi trồng cây ngập mặn là **phụ nữ và người nghèo phụ thuộc cao hơn vào giá trị mà hệ sinh thái này mang lại và họ cũng là nhóm người sẵn sàng chi trả nhiều hơn (về tiền bạc và thời gian) để tham gia hoạt động và bảo vệ diện tích cây ngập mặn mà chúng tôi cùng họ trồng.** Điều này, một lần nữa làm cho chúng tôi tin rằng **bảo tồn các hệ sinh thái, đặc biệt là các vùng đất ngập nước sẽ đảm bảo cho chúng ta một tương lai bền vững và công bằng.**

Tôi hy vọng rằng chia sẻ của tôi phần nào giúp ông hiểu được công việc chúng tôi đang làm liên quan đến bảo vệ môi trường và sinh thái. Tôi cũng mong rằng ngày càng có nhiều người quan tâm đến khía cạnh này và có nhiều hành động hơn ở các cấp khác nhau.

Tôi xin chúc ông nhiều sức khỏe và luôn giữ được lòng nhiệt huyết truyền lại đam mê của mình về bảo tồn cho các thế hệ trẻ.

Kính thư,

Phạm Thị Diệu My

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội

Estimado profesor Camacho:

Es una gran alegría para mí haber recibido su carta en el marco del Programa de diplomacia científica de la Embajada del Reino de España. Estudié Geografía y, posteriormente, Gestión del medio ambiente y desarrollo, además de un Máster en desastres y catástrofes naturales.

Su mensaje me ha transmitido la pasión, el entusiasmo y las preocupaciones de un amante de la Naturaleza que entiende bien el valor de la Naturaleza, en general, y del ecosistema de los humedales, en particular. Su carta también manifiesta los esfuerzos con los que quiere producir cambios en nuestra percepción, sobre todo entre los más jóvenes, acerca de la conservación de la Naturaleza, la biodiversidad y los servicios del ecosistema.

Yo misma trabajo en la protección del medio ambiente y en la conservación de los ecosistemas naturales en el ámbito de la sensibilización, la actitud y las prácticas humanas al interactuar con la Naturaleza. Ahora bien, mi trayectoria difiere un poco de la suya, pues no presté mucha atención, en un principio, a estos temas y, como muchos otros, crecí con el deseo de obtener un

trabajo estable, no demasiado duro y con un ingreso modesto. Pasé varios años trabajando en una institución estatal que administra proyectos fluviales. En aquel momento, pensaba que la Naturaleza estaba al servicio de las personas y que éstas podían aprovecharse y beneficiarse al máximo de la Naturaleza sin tomar en cuenta ni su conservación ni el desarrollo sostenible.

La transformación de mi percepción y de mi carrera profesional ocurrieron de manera inesperada cuando conocí a mi antigua directora, una persona apasionada por el desarrollo comunitario. Me apasiona el trabajo que implica la atención directa a las comunidades vulnerables en el proceso de industrialización y modernización del país, un proceso en el que se dan muchas compensaciones entre el desarrollo económico y la conservación, incluida la conservación de los humedales. En aquel entonces, decidí dejar mi trabajo para unirme a una organización local sin ánimo de lucro (una ONG local) para acceder a más oportunidades de trabajo directo con comunidades pobres y sus servicios, cuya concienciación y participación en la conservación de la naturaleza son limitadas a pesar de su dependencia de los recursos naturales.

Como ha mencionado en su carta, no todos tenemos claros

los valores de la Naturaleza y de los ecosistemas de los humedales para la vida humana y nuestro futuro. Los servicios proporcionados por el ecosistema no han sido evaluados de manera adecuada como para conseguir una debida inversión y protección. En mis casi 13 años de trabajo, me he dado cuenta de que **los servicios sustanciales que los ecosistemas de humedales brindan a las personas pobres en mi pueblo costero, constituyen su sustento y funcionan como un área de retención de aguas, destinada a mitigar los efectos de las inundaciones.**

Para ofrecerle un panorama completo, le doy un ejemplo específico de un área donde se han desarrollado nuestros proyectos: Tam Giang-Cau Hai, en la provincia de Thua Thien Hue, en el centro de Vietnam -la laguna de agua salada más grande del sudeste asiático-. Diversos estudios indican que en este lugar se observa un alto nivel de biodiversidad y se utilizan numerosas especies para elaborar productos locales famosos. Por lo tanto, la laguna proporciona sustento a miles de habitantes locales que viven de la pesca y de la acuicultura, ambas sin ningún tipo de control. Históricamente, existían comunidades de sampán viviendo a la deriva «siguiendo la cola del pez», como se suele decir. Con el tiempo, estos ciudadanos se asentaron



por motivos relacionados con la seguridad social; aun así, seguían dependiendo de la laguna. Por otra parte, con el rápido crecimiento de la población y la necesidad de mejorar los niveles de vida, sus actividades de subsistencia, también, aumentaron gradualmente. Vivían con la idea de que los recursos naturales son inagotables y continuaban aprovechándose de los recursos acuáticos haciendo uso de métodos de pesca destructivos, al tiempo que practicaban una agricultura extensiva sin planificación. Durante un largo tiempo, la conservación fue algo ajeno al diseño y aplicación de políticas y había escasos estudios académicos sobre el valor de la biodiversidad de este particular humedal. Las consecuencias lógicas de estas prácticas llevaron, en poco tiempo, al agotamiento de los recursos; a la precariedad en cuanto a los medios de vida; a un medio ambiente de la laguna severamente contaminado; y, también, a un profundo endeudamiento de las personas debido a las grandes inversiones realizadas en acuicultura.

Durante aquel período de crisis ambiental y de recursos de la laguna (alrededor de 2002), y conscientes de la gravedad del problema, se desarrollaron importantes programas y proyectos de ONG internacionales con el fin de salvar este valioso ecosistema. Las actividades realizadas eran diversas: evaluar el estado general de la laguna, sensibilizar a las personas

y a las autoridades locales, planificar la zonificación de la superficie del agua, empoderar a las comunidades para que se autogestionaran desde las asociaciones de pesca y demarcar las áreas protegidas. Las autoridades locales también se han dado cuenta gradualmente de la relevancia de preservar los ecosistemas de humedales para el desarrollo económico y el bienestar social. Han mejorado la cooperación y han dado un impulso más eficiente a la aplicación de la ley en relación con la comunidad. Hasta la fecha, después de casi 20 años, los habitantes de la zona han mejorado la protección y la gestión de los recursos; sus vidas son paulatinamente más estables y la forma de explotación es más sostenible, gracias a las actividades de creación y recuperación de hábitats a través de la restauración de ecosistemas.

Otro servicio de este ecosistema de humedal es convertirse en un área de retención de agua durante la temporada de inundaciones. Debido a ello, las inundaciones en las zonas costeras son menos graves y se reducen las pérdidas de vidas y los daños causados en las propiedades de la población local. **Durante los últimos cuatro años, hemos desarrollado un proyecto de investigación sobre la mejora de la resiliencia a las inundaciones y el cambio climático para las personas y los ecosistemas de lagunas mediante el método de la**

«reducción del riesgo de desastres basado en la Naturaleza» (Eco-DRR). Aquí también trabajamos para la sensibilización sobre el cambio climático y el papel de los ecosistemas y sus servicios en el desarrollo sostenible de las comunidades. La intervención a nivel comunitario adoptada fue plantar árboles de mangle en un área pequeña, pero suficiente para demostrar a la comunidad local que, si este ecosistema está bien protegido y desarrollado, contarán con los siguientes beneficios para ellos mismos: recursos pesqueros más ricos gracias a un entorno mejorado, reducción de la intensidad de destrucción de las inundaciones, un mejor paisaje en el que organizar las actividades turísticas comunitarias...

En nuestro estudio, detectamos un aspecto muy interesante en la valoración del ecosistema de lagunas al plantar manglares: **las mujeres y los pobres son más dependientes del valor que aporta este ecosistema y, curiosamente, son también el grupo que está dispuesto a invertir más en dinero y tiempo para participar en las actividades de protección de los manglares que plantamos juntos.** Esto, nuevamente, nos confirma en la creencia de que **la conservación de los ecosistemas, especialmente de los humedales, garantizará un futuro sostenible y equitativo.**

Espero que estos aspectos presentados le ayuden, en parte, a comprender el trabajo que hacemos en relación con la protección del medio ambiente y la ecología. También aspiro a que cada vez haya más personas interesadas en este tema y emprendan más acciones en diferentes niveles.

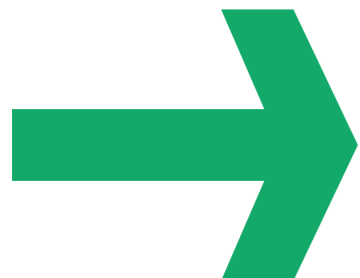
Le deseo buena salud y que siempre transmita con entusiasmo su pasión por la conservación a las generaciones más jóvenes.

Atentamente,

Pham Thi Dieu My

Directora del Centro de Investigación y Desarrollo Social





SEGUNDA CARTA DE ANTONIO CAMACHO A PHẠM THỊ DIỆU MY

Estimada Ms Pham Thi Dieu My

Muchas gracias por su respuesta, en la que comparte tanto aspectos de su experiencia personal como un caso de estudio que muestra muy bien los diferentes aspectos sobre los que entablamos nuestro dialogo, que me ha resultado muy interesante, y me permite escribirle tratando algunos de esos aspectos. También me quiero disculpar por el retraso en responderle, que no es por otra razón que la acumulación de múltiples obligaciones que, con mucha más frecuencia que la deseada, relegan actividades placenteras como es este intercambio epistolar, a momentos de mayor tranquilidad, que por el contrario no son frecuentes.

En primer lugar, me ha interesado mucho saber, en paralelo a la descripción que le hice de mi trayectoria, no solo profesional sino también personal, en la conservación de la naturaleza, cómo la suya ha evolucionado desde una perspectiva primariamente profesional, hacia una actitud militante derivada del convencimiento, por propia experiencia y reflexión, de la imposibilidad de disociar la conservación de la naturaleza y el bienestar humano. **Aun con diferentes puntos de partida, nuestra evolución personal y profesional en ese sentido se parece mucho, ya que ambos hemos comprendido, y luego tratado de hacer comprender a otros, que no hay futuro posible para los humanos que no esté ligado al futuro**

saludable de nuestro planeta. Como usted dice, creo que ambos intentamos provocar cambios en la percepción que tenemos los humanos sobre la conservación de la naturaleza y los servicios ecosistémicos, lo cual resulta especialmente necesario en los jóvenes, ya que ellos dirimirán el futuro de nuestras sociedades y nuestro planeta. No obstante, no podemos olvidar que los jóvenes aún no gobiernan y, como los cambios no pueden esperar, necesitamos ser capaces de movilizar también a los adultos para que sean motores del cambio actual, y para que, junto a los jóvenes, presionen a los gobernantes, que sí que tienen la información detallada, para que aceleren esos cambios de manera que frenen de una manera efectiva las principales amenazas sobre nuestras sociedades y el planeta, como lo es el cambio climático. Creo que su trabajo con los servicios directos a las comunidades vulnerables en un contexto de desarrollo económico de su entorno hace que su experiencia al respecto sea de gran interés por múltiples aspectos que son generalizables a cualquier contexto geográfico, en este caso tanto el de Vietnam como el de España.

En primer lugar, veo que usted se enfrenta, como en cierta medida también me sucede a mí, a un tipo de conflicto muy general, como es el de equilibrar el desarrollo económico y la conservación, y aún más difícil, el de intentar que los perdedores de ese conflicto no sean los mismos que lo han sido históricamente, o más aun, que no haya perdedores. En las últimas décadas, los perdedores

en estos conflictos siempre han sido aquellos que defienden los valores naturales porque dependen de ellos para su vida, frente a quienes tratan de obtener un beneficio rápido importándoles poco que ese beneficio sea a costa del capital natural que esquilman, ni tampoco que de ese capital natural dependa la vida de las personas que viven en esos entornos.

Es muy relevante que se pueda identificar la dependencia de las personas que viven en una zona de los recursos naturales y de los servicios ecosistémicos ofrecidos por la naturaleza en dichas zonas, para así poder ponerlos en valor y tratar de que estos supongan una línea que no debe sobrepasarse cuando se quiere satisfacer cualquier otro tipo de interés que destruya el capital natural. No se puede admitir la idea de pagar por destruir, y mucho menos cuando esa destrucción supone la pérdida de los medios de vida y de un entorno socioecológico sano para la vida de las personas. Que las personas que viven en esos entornos sean conscientes de lo imprescindible que es para ellos esa salud ambiental constituye el trabajo de base, y eso se logra, sobre todo, ayudando a la toma de conciencia por parte de estas personas. Cuando ello se logra, somos más fuertes para defender la sostenibilidad y la conservación, ya que entonces deja de ser una cuestión de “otros seres vivos” para pasar a ser una cuestión de “todos los seres vivos”, y en especial los humanos, y **los derechos humanos pueden ser un gran aliado también para la conservación.**

El caso que usted expone, Tam Giang-Cau Hai, la laguna de agua salada más grande del sudeste asiático, resulta, en su equivalente español, muy similar al caso del Mar Menor, la laguna salada más grande de Europa occidental, que se encuentra en la costa de Murcia, en el litoral mediterráneo español, y que está mimetizando el proceso de degradación que sufrió hace varias décadas L’Albufera de Valencia, otra de las grandes lagunas costeras europeas, en este caso de aguas dulces, que está muy cerca de mi casa, en Valencia.

Los tres sistemas, Tam Giang-Cau Hai, el Mar Menor, y L’Albufera de Valencia son ejemplos paradigmáticos de humedales en los que los conflictos de los que antes hablaba se hacen evidentes. Todos ellos son humedales con un importantísimo valor, no solo ambiental, sino también social, y en todos ellos, tal como veo también en su relato, se repiten los mismos problemas. Los tres casos coinciden en albergar una gran biodiversidad, pero también en proporcionar sustento a las poblaciones locales, ofreciendo además otros beneficios que, como el amortiguamiento de las inundaciones, son servicios de regulación que se encuentran entre los más destacados de este tipo de ecosistemas. La producción y comercio de productos locales, actividades como la pesca o una agricultura sostenible, fueron secularmente ocupación y sustento de los habitantes de estas zonas, y el mantenimiento de la salud ecológica de los ecosistemas que los proporcionaban permitieron que estos llegaran hasta no hace mucho manteniendo esa capacidad

de suministrar servicios imprescindibles para los humanos. Sin embargo, cuando los niveles de uso de los servicios ecosistémicos y, en especial, la explotación (o la forma de explotación) de sus bienes y el sobrepasar la capacidad funcional de su cuenca, han superado la capacidad funcional del ecosistema para absorber las perturbaciones antrópicas, estos humedales han perdido su resiliencia frente a la acción degradadora humana. Esto ha supuesto un punto de ruptura que ha alterado la salud ecológica de estos humedales, difícilmente recuperable. En el caso español, entre los dos ejemplos, la difícil recuperación se constata en L’Albufera, que, tras su degradación en los años 70 del pasado siglo, se convirtió en un ecosistema hipereutrófico que perdió buena parte de sus valores de biodiversidad, y donde el valor de los bienes que se obtenían se degradó enormemente, por ejemplo, al desaparecer las especies piscícolas de mayor valor económico. Nadie ha pagado por ello a los pescadores locales, nadie ha pagado por ello a todos los que vivimos en su entorno que hemos visto degradarse un ecosistema que pertenecía a todos y que, aun así, aún conserva determinados valores que necesitamos preservar, y podría recuperar algunos de los perdidos, algo que solamente se conseguirá empujando todos en esa dirección, y no sin importantes costos económicos. Precisamente ese proceso de degradación lo está sufriendo ahora también el Mar Menor, donde estamos asistiendo a una paulatina pérdida de su integridad ecológica que se veía venir como consecuencia de la intensificación de actividades agrícolas y del urbanismo en su

cuenca, que aporta cada vez más contaminación a esta laguna que ya ha comenzado su proceso de degradación, difícilmente reversible como demuestra el caso de L'Albufera.

El caso que usted relata para su país, Tam Giang - Cau Hai, presenta, en cada una de sus etapas, grandes similitudes con los casos de L'Albufera y el Mar Menor en España, tanto en las etapas y causas de su proceso de degradación, como en la toma de conciencia de la crisis ambiental y, posteriormente, de los intentos de recuperación de la salud ecológica del humedal que, como todo ecosistema acuático continental, pasa también por la ordenación de las actividades en su cuenca además de en el humedal propiamente dicho. Procesos de degradación que, se deban a unas u otras actividades, derivan de la explotación desmesurada de los recursos naturales o de la degradación de la capacidad funcional del humedal; procesos de toma de conciencia que pasan por la constatación por parte de la población local de que aquello de lo que vivían ya no aguanta más, y por tanto ya no van a poder vivir de ello; procesos sociales de empoderamiento de las comunidades locales y exigencia a las autoridades de una recuperación sostenible y, finalmente, procesos que intentan alcanzar dicha recuperación que, como estamos viendo, depende de la fuerza de ese intento por parte de todos los implicados pero que, si la degradación

ha sido muy intensa, nos desesperan por la lentitud con la que dicha recuperación se va alcanzando.

En definitiva, los humanos hemos cometido los mismos errores en todo el planeta. Independientemente de nuestras similitudes o diferencias culturales, hemos tomado de la naturaleza todo lo que queríamos, sin comprender, o al menos sin respetar, cuáles eran los límites a partir de los cuales la naturaleza ya no podía sustentarlos. Ahora estamos en un proceso de aprendizaje de esos errores y **lo que aprendemos, sobre todo, es que ojalá no hubiéramos destruido aquello que la naturaleza mantenía por sí misma, ya que eso nos era indispensable y, ahora que queremos revivirlo, incluso aplicando tremendos esfuerzos, resulta difícilmente recuperable.** Lo vemos en Vietnam, lo vemos en España, cerca de nuestras casas, pero también lo vemos allá donde vayamos.

Quiero, finalmente, agradecerle su trabajo en pos de la sostenibilidad, y sus enseñanzas al compartir sus experiencias, y le deseo mucha salud para usted y sus seres queridos en estos tiempos de dificultades.

Atentamente,
Antonio Camacho



Bà Phạm Thị Diệu My thân mến,

Xin cảm ơn bà về lá thư phản hồi và những chia sẻ kinh nghiệm cá nhân của bà từ một nghiên cứu điển hình cho thấy rất rõ các khía cạnh khác nhau của vấn đề mà chúng ta đề cập tới trong lần trao đổi này. Chủ đề này rất thú vị và tôi xin được trao đổi lại với bà một vài thông tin có liên quan. Tôi cũng xin lỗi vì sự chậm trễ khi trả lời thư, không vì lý do gì khác ngoài việc phải đảm đương các nghĩa vụ thường là nhiều hơn mong muốn, khiến cho các hoạt động ưa thích như việc trao đổi thư từ này phải dời sang những thời điểm yên tĩnh mà tôi thường không có được.

Đầu tiên, như đã chia sẻ với bà trong thư trước về câu chuyện chuyên môn và cá nhân trong công tác bảo tồn thiên nhiên, tôi rất muốn biết bằng cách nào mà công việc chủ yếu về chuyên môn của bà có thể chuyển đổi thành thái độ ủng hộ xuất phát từ niềm tin, bằng kinh nghiệm và suy ngẫm của bản thân, rằng không thể tách rời bảo tồn thiên nhiên với hạnh phúc của con người. **Mặc dù có xuất phát điểm khác nhau, tiến trình cá nhân và chuyên môn của chúng ta lại rất giống nhau, vì chúng ta đều thấu hiểu rồi sau đó cố gắng làm cho những người khác hiểu rằng sẽ không có kịch bản tương lai nào cho loài người mà không liên quan đến sức khỏe của hành tinh chúng ta.** Như bà đã chia sẻ, tôi nghĩ rằng cả hai chúng ta đang

cố gắng mang lại những thay đổi trong nhận thức của con người về bảo tồn thiên nhiên và các dịch vụ từ hệ sinh thái, điều này đặc biệt cần thiết cho lớp trẻ là những người sẽ quyết định tương lai xã hội và hành tinh này. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng lớp trẻ vẫn chưa nắm quyền quản trị trong khi những biến đổi không biết chờ đợi, chúng ta cần có khả năng huy động cả những người trưởng thành để thay đổi hiện tại, và cùng với lớp trẻ gây áp lực lên giới cầm quyền, những người nắm thông tin chi tiết, để thúc đẩy những thay đổi này theo hướng ngăn chặn hiệu quả các nguy cơ chủ yếu đe dọa xã hội và hành tinh của chúng ta, chẳng hạn như biến đổi khí hậu. Tôi tin rằng công việc của bà về các dịch vụ trực tiếp phục vụ cộng đồng để bị tổn thương trong bối cảnh phát triển kinh tế làm cho kinh nghiệm của bà về vấn đề này rất được quan tâm và trên nhiều phương diện có thể khái quát cho bất kỳ bối cảnh địa lý nào, trong trường hợp này là cả Việt Nam và Tây Ban Nha.

Trước tiên, tôi thấy rằng bà đang phải đối mặt với một loại xung đột phổ biến mà ở mức độ nhất định cũng xảy ra với tôi, chẳng hạn như đảm bảo cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn, và thậm chí còn khó khăn hơn khi cố gắng làm cho những người thua thiệt trong xung đột đó không chịu thiệt thòi như trước đây, hoặc mục tiêu thậm chí còn cao hơn thế: không để người nào phải chịu thua thiệt. Trong những thập kỷ gần đây, những người

bảo vệ các giá trị tự nhiên, phụ thuộc vào chúng để mưu sinh luôn là những người thua thiệt trong những cuộc xung đột này so với những người tìm cách thu lợi nhanh chóng mà ít quan tâm tới việc lợi nhuận phải trả bằng vốn thiên nhiên đang dần cạn kiệt, cũng như cuộc sống của những người cư trú trong những môi trường này đang phụ thuộc vào nguồn vốn thiên nhiên đó.

Xác định sự phụ thuộc của cư dân sống trong một khu vực vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái do thiên nhiên cung cấp trong khu vực đó là việc làm thực sự quan trọng để có thể dùng giá trị này làm lằn ranh không được vượt qua đối với những người muốn thỏa mãn bất kỳ loại lợi ích nào dẫn tới hủy diệt nguồn vốn thiên nhiên. Ý tưởng trả tiền để phá hoại không thể được chấp nhận, và càng không thể khi sự phá hoại này dẫn tới việc mất đi sinh kế và môi trường sinh thái xã hội trong lành cho cuộc sống của người dân. Để những người sống trong những môi trường này nhận thức được sức khỏe môi trường có ý nghĩa thiết yếu thế nào đối với họ là công việc cơ bản, và điều này đạt được, trên hết, bằng cách giúp họ nâng cao nhận thức. Khi đạt được mục tiêu này, chúng ta sẽ trở nên mạnh mẽ hơn để bảo vệ tính bền vững và bảo tồn, từ đây không còn là câu chuyện của “những loài khác” mà trở thành nhiệm vụ của

“tất cả chúng ta”, **đặc biệt là con người, và quyền con người cũng có thể là một đồng minh tuyệt vời của bảo tồn.**

Trường hợp mà bà chia sẻ, Tam Giang-Cầu Hai, phá nước mặn lớn nhất Đông Nam Á, rất giống với trường hợp của Mar Menor, phá nước mặn lớn nhất Tây Âu, trên bờ biển Murcia, ven Địa Trung Hải thuộc Tây Ban Nha, và đang bắt đầu suy thoái hệt như quá trình suy thoái từng xảy ra vài thập kỷ trước ở L’Albufera de Valencia, một trong những đầm phá nước ngọt ven biển lớn khác của Châu Âu, rất gần nhà tôi, ở Valencia.

Ba hệ thống này, Tam Giang - Cầu Hai, Mar Menor và L’Albufera de Valencia là những ví dụ điển hình về đất ngập nước, nơi thấy rõ những xung đột tôi đã đề cập trước đây. Tất cả đều là những vùng đất ngập nước có giá trị vô cùng quan trọng, không chỉ về môi trường mà còn về xã hội, và trong cả ba trường hợp, như tôi thấy trong mô tả của bà, những vấn đề tương tự vẫn lặp lại. Cả ba đều mang lại sự đa dạng sinh học tuyệt vời, là nơi nuôi dưỡng các quần thể địa phương và còn mang lại những lợi ích khác, chẳng hạn như giảm nhẹ lũ lụt, là chức năng điều tiết nổi bật nhất của loại hình sinh thái này. Việc sản xuất và buôn bán các sản phẩm địa phương, các hoạt động như đánh bắt cá hoặc

nông nghiệp bền vững là nghề nghiệp và sinh kế thế tục của cư dân ở những vùng này, và việc duy trì sức khỏe của các hệ sinh thái mang lại những giá trị này đã cho phép họ duy trì khả năng cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho con người cho tới cách đây không lâu. Tuy nhiên, mức độ sử dụng các dịch vụ và đặc biệt là việc khai thác (hoặc hình thức khai thác) lợi ích từ những hệ sinh thái này cũng như mức độ sử dụng vượt quá khả năng của lưu vực đã khiến các hệ sinh thái không còn đủ khả năng hấp thụ các xáo trộn do con người gây ra: những vùng đất ngập nước này đã mất đi khả năng phục hồi khi đối mặt với hành động gây suy thoái của con người. Điều này đồng nghĩa với việc sức khỏe sinh thái của những vùng đất ngập nước bị thay đổi tới mức rất khó phục hồi. Một trong hai trường hợp điển hình của Tây Ban Nha chính là quá trình phục hồi đầy khó khăn ở L’Albufera sau khi vùng này chịu sự suy thoái vào những năm 70 của thế kỷ trước. Kết quả là cả vùng chỉ còn là một hệ sinh thái siêu dưỡng mất đi phần lớn giá trị đa dạng sinh học vốn có và giá trị lợi ích thu được thì suy giảm rất nhiều, chẳng hạn như sự biến mất của các loài cá có giá trị kinh tế cao nhất. Không ai gánh trách nhiệm về việc này cho ngư dân địa phương, không ai chịu trách nhiệm về việc này cho tất cả chúng ta, những người sống trong môi trường và phải chứng kiến hệ sinh thái thuộc về tất cả mọi người

đang suy thoái. Nhưng dù vậy những hệ sinh thái này vẫn giữ được những giá trị nhất định mà chúng ta cần phải bảo tồn, và có thể khôi phục một phần những gì đã mất, những thứ sẽ chỉ có được bằng cách thúc đẩy tất cả mọi người đi theo cùng một hướng với chi phí kinh tế không hề nhỏ. Quá trình suy thoái này cũng đang diễn ra ở Mar Menor, nơi mà chúng tôi đang chứng kiến sự mất dần tính toàn vẹn sinh thái vốn được coi là hậu quả của việc tăng cường các hoạt động nông nghiệp và đô thị hóa trong lưu vực, gây ô nhiễm ngày càng nhiều trên vùng đầm phá đã bắt đầu quá trình suy thoái và khó có thể đảo ngược như trong trường hợp của L’Albufera.

Trường hợp mà bà trao đổi ở Việt Nam, Tam Giang-Cầu Hai, trong từng giai đoạn đều rất giống với trường hợp L’Albufera và Mar Menor ở Tây Ban Nha, từ thời gian và nguyên nhân của quá trình suy thoái, nhận thức về cuộc khủng hoảng môi trường cũng như những nỗ lực sau đó nhằm phục hồi sức khỏe sinh thái của vùng đất ngập nước, nơi mà giống như bất kỳ hệ sinh thái thủy sinh lục địa nào, những nỗ lực trên luôn liên quan đến công tác quản lý các hoạt động trong lưu vực cũng như trong chính vùng đất ngập nước đó. Quá trình suy thoái do một hoặc một số hoạt động khác bắt nguồn từ việc khai thác quá mức tài nguyên

thiên nhiên hoặc do sự suy giảm chức năng của đất ngập nước; quá trình nhận thức ở người dân địa phương thể hiện qua việc họ hiểu những gì từng nuôi sống họ không còn giữ được và do đó họ sẽ không thể sống phụ thuộc vào chúng nữa; quá trình xã hội trao quyền cho các cộng đồng địa phương và yêu cầu các cơ quan chức năng đảm bảo một hành trình phục hồi bền vững và cuối cùng, quá trình cố gắng đạt được sự phục hồi nói trên, như chúng ta đang thấy, phụ thuộc vào các nỗ lực hết mình của tất cả các bên liên quan, nhưng chúng ta hết sức thất vọng vì quá trình phục hồi chậm chạp trong khi suy thoái xảy ra khốc liệt.

Chắc chắn là con người đã mắc phải những sai lầm giống nhau trên khắp hành tinh. Bất kể tương đồng hay khác biệt về văn hóa, chúng ta đã lấy đi từ thiên nhiên mọi thứ chúng ta muốn mà không biết, hoặc không thi thiếu tôn trọng những giới hạn mà một khi đi quá giới hạn này, thiên nhiên khó có thể chịu đựng thêm. **Hiện nay chúng ta đang trong quá trình học hỏi từ những sai lầm và điều chúng ta học được, trên hết, là ước gì chúng ta đã không phá hủy khả năng tự duy trì của thiên nhiên bởi vì đó là điều thiết yếu đối với chúng ta và lúc này chúng ta muốn hồi sinh thiên nhiên, thậm chí viện tới những**

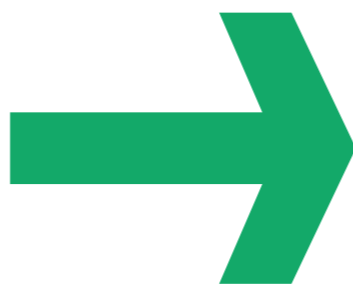
nỗ lực to lớn cũng khó để thiên nhiên phục hồi hoàn toàn.

Chúng ta thấy điều này ở Việt Nam, chúng ta thấy điều này ở Tây Ban Nha, gần ngôi nhà chúng ta đang sống, và thậm chí đi đâu chúng ta cũng chứng kiến tình cảnh này.

Cuối cùng, tôi muốn bày tỏ lòng cảm kích trước công việc hướng tới tính bền vững cũng như những bài học thông qua câu chuyện chia sẻ kinh nghiệm của bà. Xin được gửi lời chúc sức khỏe tới bà và những người thân của bà trong thời điểm khó khăn này.

Trân trọng,

Antonio Camacho





SEGUNDA CARTA DE PHẠM THỊ DIỆU MY A ANTONIO CAMACHO

Huế, ngày 13 tháng 12 năm 2021

Kính gửi ông Antonio Camacho,

Trước tiên tôi xin gửi đến ông và những người thân của ông lời chúc sức khỏe và mong rằng tất cả mọi người đều an toàn trước dịch bệnh!

Rất nhiều người nói rằng đợt dịch bệnh lần này như mà một sự kháng cự của thiên nhiên để lấy lại thế cân bằng trước những gì mà con người đã gây ra. Rất nhiều khung cảnh về sự phục hồi tuyệt diệu của thiên nhiên ở những nơi mà các hoạt động du lịch sinh thái bị đình trệ trong thời gian dịch bệnh diễn ra. Điều này cho thấy công việc của ông và tôi là hoàn toàn có lý và con người cần suy ngẫm về điều đó. Chính những cơ hội làm việc với những nhóm cộng đồng dễ bị thiệt thòi và chịu tác động bởi những thay đổi ngoại cảnh (external changes) đã cho tôi thêm nhiều động lực và tâm huyết trong việc cố gắng gìn giữ những giá trị của thiên nhiên trong cuộc sống của họ.

Ông đã nói đúng rằng chúng ta rất cần sự tham gia của tất cả các bên liên quan, đặc biệt là giới trẻ trong việc theo đuổi sự phát triển vững để tạo ra những giá trị lâu dài cho một cuộc sống hạnh phúc, trong đó không thể thiếu được vai trò của việc bảo tồn thiên nhiên. Chính vì vậy, trong hơn mười năm qua, tôi và tổ chức của chúng tôi đã thực hiện rất nhiều dự án liên quan đến quản trị tài nguyên (resource governance): đất, nước và thủy sản (bao gồm cả đa dạng sinh học). Trong đó, các nhóm người dễ bị tổn thương luôn được lấy làm trọng

tâm. Chúng tôi thường áp dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên (bottom-up) để có thể thấu hiểu được thực trạng của nhóm cộng đồng (grassroots level communities), hiểu thấu nhu cầu và vai trò của họ trong quản trị tài nguyên. Các nhóm cộng đồng được thành lập, nâng cao nhận thức, xây dựng năng lực và kết nối để đưa ra tiếng nói cho chính bản thân họ. Trong các nhóm này chúng tôi luôn chú ý đến việc đảm bảo đầy đủ sự tham gia của các thành phần như nam, nữ, thanh niên... Nhóm thanh niên được coi là những người sau này sẽ trở thành những thành phần không thể thiếu trong bộ máy quản lý, người làm kỹ thuật, giáo dục hay đơn thuần là những người thực hiện chính sách có liên quan đến bảo tồn. Họ cần được trang bị đầy đủ nhất có thể để thực hiện những công việc đó một cách tốt nhất.

Trong các dự án của chúng tôi, truyền thông cũng rất được chú trọng. Chúng tôi có thể thiết kế từng chương trình truyền thông khác nhau cho các đối tượng khác nhau. Học sinh trong trường học cũng là một trong những nhóm đối tượng trọng tâm mà chúng tôi hướng tới. Chúng tôi có thể hợp tác với các trường học vừa để truyền tải những thông điệp mong muốn những đồng thời cũng trao quyền để thầy cô và các em thỏa sức sáng tạo với các thông điệp của riêng họ dựa trên những thông tin và kiến thức mà chúng tôi truyền tải. Chúng tôi cũng không ngừng cố gắng lôi kéo sự tham gia của các sinh viên trong và ngoài nước trong các dự án và hoạt động trao đổi tham quan các mô hình dự án của tổ chức. Bằng cách này chúng tôi hy vọng phần nào đó giúp cho các thế hệ trẻ có một cách nhìn thực tế trực quan hơn về quản trị tài nguyên nói chung và công tác bảo tồn nói riêng.

Ông cũng hoàn toàn đúng khi nói rằng những người đang làm công việc bảo tồn như chúng ta thực sự nhỏ bé trước các nhóm lợi ích khác (interest groups), người chi trả nhiều tiền hơn và có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn đến xã hội, chính sách và quyền lực. Chúng tôi luôn “đùa” với nhau rằng đây là một cuộc chiến không cân sức. Những người từ LNGO thường có nhiều tâm huyết nhưng nguồn lực hạn chế, tiếng nói cũng ít được ghi nhận hơn so với khối tư nhân. Chính vì vậy, cộng đồng bản địa chính là nơi mà chúng tôi có thể tạo nên thế mạnh riêng trong chiến lược thay đổi vai trò và vị thế của các bên trong bảo tồn và quản trị tài nguyên. Các mô hình đồng quản lý (co-management model) thành công là một minh chứng cho nỗ lực này. Cộng đồng địa phương là người gắn bó nhất với hệ sinh thái nơi mà họ sống. Chính vì vậy, kiến thức bản địa của cũng là một cơ sở quan trọng cho công việc của chúng ta. Và một khi người dân đã hiểu được đầy đủ giá trị của hệ sinh thái đối với cuộc sống hạnh phúc và bền vững của họ thì công việc của những người như chúng ta trở nên thuận lợi hơn rất nhiều.

Năm 2021, chúng tôi đã được vinh dự đạt giải Risk Award 2021 do quỹ Munich Re Foundation và UNDRR tổ chức. Dự án tên là: **“Strong roots, strong women-Empowering women for community and ecosystem resilience in Central Vietnam”**. Dự án được thực hiện tại một xã trên vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. Với dự án này chúng tôi hướng đến một mục tiêu tổng hợp với nhiều khía cạnh cùng một lúc là: hỗ trợ phát triển các mô hình sinh kế dựa vào các dịch vụ hệ sinh thái như du lịch

hay tái tạo nguồn lợi tự nhiên, mang đến các nguồn thu trực tiếp cho cộng đồng từ việc tham gia vào hoạt động dự án như tạo vườn ươm cây giống của cây ngập mặn (mangrove seedlings) sau đó bán chúng và trồng dọc theo bờ đầm phá. Bằng cách này, chúng tôi có thể lôi kéo sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ thông qua các hoạt động của dự án. Từ đó cộng đồng và chính quyền địa phương hiểu rõ những giá trị của hệ sinh thái và chung tay tái tạo, bảo tồn chúng. Với hoạt động này, chúng tôi cũng hướng đến việc nâng cao sức chống chịu của hệ sinh thái và giảm thiểu tác động của lũ lụt ở vùng ven biển. Dự án tuy không lớn nhưng đó là một sự công nhận và là nguồn động viên lớn lao để chúng tôi tiếp tục.

Chúng tôi hy vọng những kết quả tốt đẹp từ nỗ lực của chúng ta sẽ được ghi nhận đúng mức và nhân rộng hơn nữa trong tương lai.

Cuối thư, tôi xin chúc ông thật nhiều sức khỏe để truyền lửa và tạo nguồn động viên cho nhiều người trẻ tuổi hơn trong công cuộc bảo tồn tài nguyên và bảo vệ cuộc sống hạnh phúc cho những người dễ bị tổn thương. Chúc ông Giáng sinh ấm áp, an lành và một năm mới nhiều thành công!

Kính thư,

Phạm Thị Diệu My

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Xã hội



Hue, 13 de diciembre de 2021

Estimado Sr. Antonio Camacho:

En primer lugar, me gustaría desearle a usted y a sus seres queridos buena salud, especialmente en este tiempo de epidemia.

Muchas personas interpretan esta epidemia como una resistencia de la Naturaleza para recuperar el equilibrio ante aquello que el Hombre ha provocado. En estos momentos tienen lugar numerosas escenas de una recuperación maravillosa de la Naturaleza en lugares donde las actividades de ecoturismo se detuvieron durante la epidemia. Esto demuestra que su trabajo y el mío están completamente justificados y merecen una reflexión. Son las oportunidades de trabajar con las comunidades en clara desventaja y más afectadas por cambios extremos, las que más me han motivado y entusiasmado al tratar de preservar los valores naturales de la Naturaleza en sus vidas.

Lleva usted la razón al decir que necesitamos con urgencia la participación de todas las partes involucradas, especialmente la de los jóvenes, en la búsqueda del desarrollo sostenible

con el fin de generar valores duraderos para una vida feliz, en la que la conservación de la Naturaleza desempeñe un papel indispensable. Por lo tanto, durante los últimos diez años, nuestra organización y yo hemos implementado muchos proyectos relacionados con la gobernanza de los recursos naturales: tierra, agua y pesca (incluida la biodiversidad), que siempre prestan la mayor atención a los colectivos vulnerables. A menudo aplicamos un enfoque de abajo hacia arriba para comprender la situación de las comunidades de base, sus necesidades y su función en la gobernanza de los recursos. Se forman grupos comunitarios, sensibilizando, desarrollando capacidades y creando redes para darse voz a sí mismos. En estas unidades, siempre nos preocupamos por asegurar la plena participación de hombres, mujeres, jóvenes, etc. Consideramos que los grupos juveniles se convertirán en miembros indispensables en las futuras actividades técnicas, de gestión, educativas o simplemente quienes implementen políticas relacionadas con la conservación. Necesitan estar lo más formados y preparados posible para llevar a cabo esos trabajos de la mejor manera.

En nuestros proyectos, la comunicación también juega un papel muy importante. Podemos diseñar diferentes programas de comunicación para distintos públicos. Los estudiantes de las escuelas también son uno de los grupos destinatarios

centrales a quienes nos dirigimos. Podemos asociarnos con las escuelas para transmitir los mensajes deseados, pero también para empoderar a los maestros y estudiantes con el fin de desarrollar su creatividad con sus propios mensajes basados en la información y el conocimiento transmitidos. También tratamos constantemente de atraer la participación de estudiantes nacionales y extranjeros en proyectos y actividades de intercambio para visitar los modelos de proyectos de la organización. De esta manera, esperamos ayudar en parte a las generaciones más jóvenes a tener una visión más intuitiva y realista de la gestión de recursos en general y su conservación en particular.

Estamos totalmente de acuerdo con su consideración acerca de que los conservacionistas como nosotros somos realmente pequeños en comparación con otros grupos de interés que pagan más y tienen una mayor influencia en la sociedad, las políticas y el poder. Siempre «bromeamos» diciendo que esta es una lucha desigual. Los integrantes de las Organizaciones No gubernamentales Locales a menudo trabajan con gran entusiasmo, pero con recursos limitados, y su voz es menos reconocida que la del sector privado. Por lo tanto, las comunidades indígenas son el lugar donde podemos crear nuestras propias fortalezas en la estrategia de cambiar los roles

y posiciones de las partes en la conservación y manejo de los recursos. Los modelos de cogestión exitosos representan un ejemplo de este esfuerzo. Las comunidades locales son las más apegadas al ecosistema en el que viven. Por lo tanto, su conocimiento local también sirve como base importante para nuestro trabajo, y una vez que las personas han comprendido en su totalidad el valor del ecosistema para sus vidas felices y sostenibles, nuestro trabajo se vuelve mucho más fácil.

En 2021 tuvimos el honor de recibir el RISK Award 2021 organizado por la Fundación Munich Re y la UNDRR. El nombre del proyecto es: «Raíces sólidas, mujeres fuertes: empoderamiento de las mujeres para la resiliencia comunitaria y del ecosistema en el centro de Vietnam». El proyecto se implementa en una comuna en Tam Giang - Laguna Cau Hai. Con este proyecto, pretendemos lograr un objetivo en el que convergen muchos aspectos al mismo tiempo: apoyar el desarrollo de modelos basados en los medios de vida y las actividades relacionadas con los ecosistemas, como el turismo o la regeneración de recursos naturales, proporcionando ingresos directos a la comunidad por participar en actividades del proyecto, como crear un vivero de plántulas de manglares y, luego, venderlas y plantarlas a lo largo de la orilla de la laguna, lo que representa una manera de involucrar a la comunidad, especialmente

a las mujeres. A partir de ahí, la comunidad y las autoridades locales comprenden los valores del ecosistema y se unen para regenerarlos y preservarlos. Con esta actividad, también pretendemos mejorar la resiliencia de los ecosistemas y reducir el impacto de las inundaciones en las zonas costeras. Aunque es modesto, el proyecto nos ha servido como reconocimiento a nuestra labor y nos da ánimos para continuar trabajando.

Esperamos que los frutos de nuestros esfuerzos sean debidamente reconocidos y multiplicados en el futuro.

Me gustaría despedirme deseándole mucha salud para propagar nuestro entusiasmo y para alentar a los más jóvenes en la labor de conservar los recursos y proteger una vida feliz para las personas vulnerables. ¡Le deseamos una Navidad cálida y pacífica y un año nuevo lleno de éxitos!

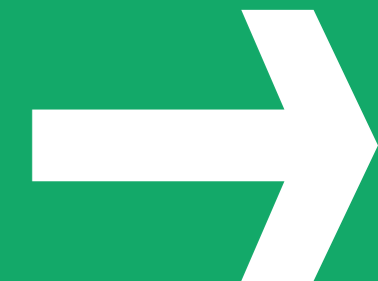
Saludos cordiales,
Pham Thi Dieu My

Directora del Centro de Investigación y Desarrollo Social



ARTISTAS INVITADOS

CÁC NGHỆ SĨ KHÁCH MỜI





VERÓNICA PERALES BLANCO

Verónica Perales Blanco es una artista hipermedia ecofeminista, investigadora y docente en el Departamento de Bellas Artes en la Universidad de Murcia. Vinculada a la fórmula tripartita arte/tecnología/ecología, afirmó su trayectoria artística como cofundadora del colectivo artístico internacional Transnational Temps (2001), en el marco del cual ha desarrollado trabajos que denuncian la pérdida de biodiversidad, los vínculos entre el mercado de la tecnología y la desaparición de especies y los efectos del cambio climático, entre otros. A partir del 2009 inició en solitario una línea de creación de marcado carácter ecofeminista, hibridando técnicas tradicionales con narrativas transmedia y uso de medios locativos. <http://veronicaperales.eu>

Verónica Perales Blanco là một nghệ sĩ đa phương tiện theo chủ nghĩa nữ quyền sinh thái, đồng thời là nhà nghiên cứu và giảng viên tại Khoa Mỹ thuật Đại học Murcia. Gắn liền với công thức ba yếu tố nghệ thuật – công nghệ - sinh thái, bà đã khẳng định sự nghiệp nghệ thuật của mình với vai trò đồng sáng lập cộng đồng nghệ thuật quốc tế Transnational Temps (năm 2001). Trong khuôn khổ tổ chức này, bà đã phát triển các tác phẩm nêu lên các vấn đề về mất đa dạng sinh học, mối liên hệ giữa thị trường công nghệ và sự biến mất của các chủng loài, các tác động của biến đổi khí hậu, trong số nhiều vấn đề khác. Kể từ năm 2009, bà mở đầu một dòng sáng tạo mới mang tính chất sinh thái nữ quyền rõ rệt, kết hợp các kĩ thuật truyền thống với các hình thức kể chuyện đa phương tiện và việc sử dụng các phương tiện định vị. <http://veronicaperales.eu>



NGÔ XUÂN KHÔI

Họa sĩ NGÔ XUÂN KHÔI

Sinh năm: 1961

- Tốt nghiệp ngành Hội họa Hoàn tráng, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp, 1991.
- Họa sĩ Trưởng Nhà xuất bản Phụ nữ Việt Nam
- Tham gia giảng dạy tại Ngành Hội họa Hoàn Tráng (Trường Đại Học Mỹ Thuật Công Nghiệp) từ 2002 đến nay.
- Hội viên hội Mỹ thuật Việt Nam.
- Là Cộng tác viên vẽ minh họa cho nhiều báo và tạp chí

Giải thưởng

- Giải Ba triển lãm Mỹ thuật Thủ Đô, 1993. Tác phẩm Phố thu, lụa
- Giải Tặng thưởng triển lãm khu vực Hội Mỹ thuật Việt Nam, 2001, Đồ họa
- Giải Thưởng đồ họa bìa sách các năm: 2007, 2008, 2009, 2012
- Giải nhất mẫu linh vật Seagames 31, hình tượng Sao La

Artista NGO XUAN KHOI

Año de nacimiento: 1961

- Licenciado en Pintura Monumental, Universidad de Bellas Artes Industriales de Hanói, 1991.
- Artista principal de la Editorial de la Mujer de Vietnam
- Enseña Pintura Monumental en la Universidad de Bellas Artes Industriales desde 2002 hasta la actualidad.
- Miembro de la Asociación de Bellas Artes de Vietnam.
- Ilustrador para numerosos periódicos y revistas.

Premios

- Tercer premio en la Exposición Capital Bellas Artes, 1993 con la obra Pho thu, pintura sobre seda
- Premio de la Exposición regional de la Asociación de Bellas Artes de Vietnam, 2001, obra gráfica
- Premio de diseño gráfico de portada de libro en los años: 2007, 2008, 2009, 2012
- Primer premio del concurso de diseño de la mascota para los XXXI Juegos del Sudeste Asiático (SEA Games 31) con la imagen del Saola (Pseudoryx nghetinhensis).



NGUYỄN ANH TUẤN

Nguyễn Anh Tuấn sinh ngày 03/02/1958 tại Chí Linh, Hải Dương, là một nghệ sĩ nhiếp ảnh chuyên về đề tài Thiên nhiên hoang dã. Ông hiện là thành viên Hội Nhiếp ảnh Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong các năm từ 1975 – 1989, ông là quân nhân tại Căn cứ Không quân Tân Sơn Nhất, Quân chủng Phòng không, Không quân.

Ông đã từng trải qua các khóa đào tạo tại Trường Sĩ quan Không quân (1980-1981); Đại học Tài chính cơ sở 2 tại TP.HCM (1982-1986); Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Liên kết giữa Đại học Thái Nguyên và Đại học Quản trị Pari Cộng hòa Pháp).

Nguyen Anh Tuan nacido el 03/02/1958 en Chi Linh, Hai Duong, es un fotógrafo especializado en la Naturaleza silvestre. Es actualmente miembro de la Asociación de Fotografía de la ciudad de Ho Chi Minh.

Entre los años 1975 – 1989, sirvió como soldado en la base de la Fuerza Aérea en Tan Son Nhat.

Fue formado en la Escuela de Oficiales de la Fuerza Aérea (1980–1981); Universidad de Finanzas sucursal n° 2 en la ciudad Ho Chi Minh (1982–1986); Máster de Administración de Negocios (programa colaborado entre la Universidad de Thai Nguyen y la Escuela Superior de Gestión ESG de Paris).



NGUYỄN THỊ HOÀI GIANG

Nguyễn Thị Hoài Giang là một họa sĩ sinh sống sáng tác ở Hà Nội. Thực hành nghệ thuật của Giang gắn liền với mối quan tâm của cô đến các hành vi của con người và môi trường, cô thử nghiệm với nhiều chất liệu đa dạng và nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau. Năm 2020, dự án Nghệ thuật công cộng Phúc Tân của cô đã tham gia đạt giải thưởng Bùi Xuân Phái- Vì tình yêu Hà Nội lần thứ 13 và cuốn sách “Loài Plastic” do cô minh họa đã vinh dự nhận được giải B Giải thưởng sách Quốc gia lần thứ 4 năm 2021.

Nguyen Thi Hoai Giang es una pintora que vive en Hanói. Su práctica artística está estrechamente relacionada con su interés por el comportamiento humano y el medio ambiente, experimentando con una variedad de medios y diferentes formas de arte. En 2020, el proyecto de arte público Phuc Tan en el que participa obtuvo el Premio Bui Xuan Phai - Por amor a Hanói en su decimocuarta edición, y el libro “Plastic Species” ilustrado por Giang recibió el Premio B del Premio Nacional del Libro en su cuarta edición en 2021.



EMBAJADA
DE ESPAÑA
EN VIETNAM



cooperación
española